



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG QUỐC GIA

DIỄN ĐÀN

KHUYẾN NÔNG @ NÔNG NGHIỆP

Chuyên đề “GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN VÙNG NGUYÊN LIỆU GỖ
Số 09/2022 PHỤC VỤ NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, XUẤT KHẨU”

Quảng Trị, tháng 8 năm 2022

MỤC LỤC

1. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN RỪNG TRỒNG GỖ LỚN PHỤC VỤ CÔNG NGHIỆP NGÀNH CHẾ BIẾN BIỂN GỖ	5
<i>Vụ Phát triển rừng - Tổng cục Lâm nghiệp</i>	
2. TỔNG QUAN VỀ ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN VÙNG NGUYÊN LIỆU GỖ RỪNG TRỒNG CÓ CHỨNG CHỈ PHỤC VỤ CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU TẠI 2 TỈNH QUẢNG TRỊ, THỪA THIÊN HUẾ GIAI ĐOẠN 2021-2025	15
<i>Chi cục Phát triển nông thôn Quảng Trị</i>	
3. CHỨNG CHỈ RỪNG TẠI VIỆT NAM, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN RỪNG TRỒNG CÓ CHỨNG CHỈ TẠI VÙNG NGUYÊN LIỆU CUNG CẤP GỖ LỚN	21
<i>Nguyễn Hoàng Tiếp</i> <i>Văn phòng Chứng chỉ Quản lý rừng bền vững</i>	
4. THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN RỪNG TRỒNG GỖ LỚN GẮN VỚI THỰC HIỆN CHỨNG CHỈ FSC PHỤC VỤ CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ	36
<i>Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Trị</i>	
5. THỰC TRẠNG SẢN XUẤT VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN RỪNG TRỒNG GỖ LỚN GẮN VỚI THỰC HIỆN CHỨNG CHỈ QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG FSC PHỤC VỤ CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	40
<i>Sở Nông nghiệp và PTNT Thừa Thiên Huế</i>	
6. THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN TRỒNG RỪNG GỖ LỚN GẮN VỚI THỰC HIỆN CHỨNG CHỈ FSC PHỤC VỤ CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH	45
<i>Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Bình</i>	
7. KHUYẾN NÔNG VỚI CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN TRỒNG RỪNG THÂM CANH GỖ LỚN NÂNG CAO GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG TRỒNG RỪNG SẢN XUẤT TẠI NGHỆ AN	48
<i>Trung tâm Khuyến nông Nghệ An</i>	
8. KHUYẾN NÔNG VỚI CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN TRỒNG RỪNG THÂM CANH GỖ LỚN NÂNG CAO GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG TRỒNG RỪNG SẢN XUẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH	53
<i>Trung tâm Khuyến nông Hà Tĩnh</i>	

9. KHUYẾN NÔNG VỚI CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN TRỒNG RỪNG THÂM CANH GỖ LỚN
NÂNG CAO GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
TRONG TRỒNG RỪNG SẢN XUẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ 65
Trung tâm Khuyến nông Quảng Trị
10. KHUYẾN NÔNG VỚI CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN TRỒNG RỪNG THÂM CANH GỖ LỚN
NÂNG CAO GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
TRONG TRỒNG RỪNG SẢN XUẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ 71
Trung tâm Khuyến nông Thừa Thiên Huế
11. TRỒNG RỪNG THÂM CANH GỖ LỚN NÂNG CAO GIÁ TRỊ GIA TĂNG
VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG TRỒNG RỪNG SẢN XUẤT
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH 75
Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư Quảng Bình
12. TỔNG QUAN MỘT SỐ THÀNH TỰU NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VỀ CÔNG TÁC GIỐNG
PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN TRỒNG RỪNG GỖ LỚN TẠI VÙNG BẮC TRUNG BỘ 82
TS. Vũ Đức Bình
Trung tâm Khoa học Lâm nghiệp Bắc Trung Bộ
13. CHUYỂN ĐỔI PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT SANG TRỒNG RỪNG GỖ LỚN GẮN VỚI
THỰC HIỆN CHỨNG CHỈ FSC - HƯỚNG ĐI BỀN VỮNG
TRONG PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP TẠI HTX PHÚ HƯNG 95
Hợp tác xã Phú Hưng (Hải Phú, Hải Lăng, Quảng Trị)
14. LIÊN KẾT TRỒNG RỪNG GỖ LỚN GIỮA DOANH NGHIỆP VÀ NGƯỜI TRỒNG RỪNG
MANG LẠI LỢI ÍCH NHIỀU BÊN 100
Công ty cổ phần Tổng Công ty Thương mại Quảng Trị
15. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN VÀ CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN GỖ LỚN PHỤC VỤ
CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG QUẢNG TRỊ 103
Công ty Cổ phần gỗ MDF VRG Quảng Trị
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN RỪNG TRỒNG GỖ LỚN PHỤC VỤ CÔNG NGHIỆP NGÀNH CHẾ BIẾN BIẾN GỖ

Vụ Phát triển rừng - Tổng cục Lâm nghiệp

I. THỰC TRẠNG NGUỒN NGUYÊN LIỆU RỪNG TRỒNG SẢN XUẤT

1. Phân bố diện tích rừng trồng sản xuất

Theo số liệu thống kê, giai đoạn 2011-2020 cả nước trồng 2.450.400 ha rừng trồng sản xuất, trong đó: trồng mới **800.981** ha và trồng lại **1.649.419** ha.

1.1. Phân chia theo nhóm loài cây

Trong diện tích trồng rừng sản xuất nêu trên:

+ Cây có chu kỳ khai thác 5-7 năm (Keo, Bạch đàn), chiếm 70%, diện tích tương đương 1.715.280 ha.

+ Cây có chu kỳ khai thác 8-12 năm (Mỡ, Bò đề, Tràm), chiếm 20%, diện tích tương ứng 490.000 ha.

+ Các loài cây khác có chu kỳ khai thác trên 10 năm (Lát, Xoan, Thông và các loài cây bản địa khác), chiếm 10%, diện tích tương ứng 245.400 ha.

1.2. Phân theo vùng, miền

- Các tỉnh miền Bắc: 1.505.100 ha;
- Các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên: 863.100 ha;
- Các tỉnh miền Nam: 82.200 ha.

2. Diện tích rừng trồng gỗ lớn và chuyển hóa gỗ nhỏ thành gỗ lớn

2.1. Diện tích rừng trồng gỗ lớn

Cả nước hiện có 489.016,8 ha rừng trồng kinh doanh gỗ lớn. Trong đó:

- Miền núi phía Bắc có 325.927 ha;
- Đồng bằng Bắc Bộ 1.017,8 ha;
- Bắc Trung Bộ: 121.698,8ha;
- Duyên hải Nam Trung Bộ: 14.040 ha;
- Tây Nguyên: 4.545 ha;
- Đông Nam Bộ: 21.525,8 ha;
- Tây Nam Bộ: 262,2ha.

2.2. Chuyển hóa rừng trồng kinh doanh gỗ lớn

Cả nước hiện có 126.175 ha rừng trồng chuyển hóa kinh doanh gỗ lớn. Trong đó:

- Miền núi phía Bắc có 91.860 ha;
- Bắc Trung Bộ: 28.346 ha;
- Duyên hải Nam Trung Bộ: 1.458 ha;
- Đông Nam Bộ: 4.391 ha;
- Tây Nam Bộ: 120 ha.

3. Nguồn giống - Cơ cấu diện tích các loài cây trồng

3.1. Nguồn giống cây trồng lâm nghiệp

Đến nay có 526 nguồn giống được công nhận tại 35/63 tỉnh, thành phố với tổng diện tích 4.287,5 ha, trong đó:

- 56 Lâm phần tuyển chọn, diện tích 1.467,4 ha.
- 71 Rừng giống, rừng giống chuyển hóa, diện tích 2.614,5 ha.
- 12 Vườn giống, diện tích 73,6 ha.
- 333 Vườn cây đầu dòng, diện tích 356,3 ha.

3.2. Cơ cấu loài, giống cây trồng

(xem Phụ lục 1)

4. Năng suất, chất lượng gỗ rừng trồng

- Đối với cây có chu kỳ ngắn (Keo, Bạch đàn - chu kỳ khai thác trung bình 6 năm), diện tích khai thác khoảng 140.294 ha/năm, sản lượng khoảng 15.151.784 m³ (Năng suất bình quân 18 m³/ha/năm × 6 năm = 108m³/ha).

- Đối với cây có chu kỳ khai thác trung bình (Mỡ, Bò đề, Tràm..., chu kỳ khai thác trung bình 10 năm), diện tích khai thác khoảng 30.000 ha/năm, sản lượng khoảng 3.600.000 m³ (Năng suất bình quân 12 m³/ha/năm × 10 năm = 120 m³/ha).

- Đối với cây có chu kỳ khai thác dài (Lát, Xoan, Thông và các loài cây bản địa khác,... chu kỳ khai thác trung bình 20 năm trở lên), diện tích khai thác khoảng 7.480 ha/năm, sản lượng khoảng 1.196.800 m³ (Năng suất bình quân 8 m³/ha/năm × 20 năm = 160 m³/ha).

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế

1.1. Về quản lý giống

- Chưa quy định quản lý đối với đối tượng là các hộ gia đình, cá nhân tự bỏ vốn sản xuất, kinh doanh giống nhỏ lẻ, nên chưa kiểm soát được kết quả sản xuất, kinh doanh giống của đối tượng này (chiếm 15% lượng cây giống sản xuất hàng năm).

- Chưa quy định bắt buộc đối với các tổ chức, cá nhân trồng rừng sản xuất có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, hoặc các chương trình, dự án tài trợ khác phải sử dụng giống mô, hom đối với các loài cây trồng lâm nghiệp chính đã nhân giống được bằng mô, hom để nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng.

- Thực thi pháp luật về giống ở nhiều nơi, nhiều địa phương chưa thực sự được quan tâm, còn mang tính hình thức chưa thực chất.

- Nguồn giống có chất lượng di truyền cao (rừng giống, vườn giống) còn hạn chế. những loài cây nhân giống bằng hạt chủ yếu sử dụng giống từ lâm phần tuyển chọn, rừng giống chuyển hóa, hạt giống từ rừng giống, vườn giống mới đáp ứng được khoảng 40% nhu cầu giống trồng rừng hiện nay đối với những loài trồng từ hạt.

1.2. Trồng rừng

- Số lượng mô hình trình diễn với các biện pháp trồng rừng thâm canh để giới thiệu cho người trồng rừng biết thực hiện còn hạn chế.

- Trồng rừng gỗ lớn cho giá trị kinh tế cao hơn, song do nhu cầu nguyên liệu giấy, băm dăm, trụ mỏ tăng mạnh nên chính quyền một số tỉnh chỉ định hướng kinh doanh rừng cung cấp nguyên liệu gỗ nhỏ.

- Trồng rừng gỗ lớn có chu kỳ kinh doanh dài nên thường gặp rủi ro như cháy rừng, thiên tai, gió bão, rủi ro lớn.

- Kéo dài chu kỳ loài Keo để cung cấp gỗ lớn thường xảy ra hiện tượng thân cây bị xóp, rỗng ruột, giảm giá trị của gỗ.

2. Nguyên nhân

2.1. Quản lý giống

- Giá thành sản xuất cây giống mô, hom (Keo, Bạch đàn) còn cao so với cây giống sản xuất từ hạt.

- Nhận thức của tổ chức, cá nhân còn hạn chế về hiệu quả trồng rừng bằng cây giống mô, hom, nên họ ít quan tâm đầu tư sử dụng giống mô, hom.

- Công tác nghiên cứu chọn, tạo giống hiện nay chủ yếu là các loài cây nhập nội sinh trưởng nhanh, chưa quan tâm đúng mức nghiên cứu, cải thiện giống cây bản địa, cây gỗ lớn, cây lâm sản ngoài gỗ có giá trị kinh tế cao để đưa vào sản xuất.

- Trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ công tác nghiên cứu và sản xuất giống còn thiếu và lạc hậu, không đáp ứng yêu cầu về ứng dụng công nghệ cao trong công tác giống.

- Hệ thống cơ sở dữ liệu về giống đã có nhưng còn chưa đầy đủ và cập nhật thường xuyên.

- Giống sau khi được công nhận không được giới thiệu, tuyên truyền trực tiếp đến các tổ chức, cá nhân trồng rừng.

2.2. Trồng rừng

- Các cá nhân, tổ chức thường thiếu vốn để đầu tư trồng rừng thâm canh và kéo dài chu kỳ để kinh doanh gỗ lớn. Mặt khác, nhận thức của người dân về giá trị và hiệu quả trồng rừng kinh doanh gỗ lớn còn hạn chế.

- Quỹ đất lâm nghiệp manh mún không tập trung, chủ yếu quy mô hộ gia đình diện tích từ 1-2 ha.

- Vay vốn từ các ngân hàng thương mại thường có lãi suất cao, điều kiện vay, thủ tục vay hết sức khó khăn (phải có tài sản thế chấp), thời gian cho vay ngắn, nên các doanh nghiệp và hộ gia đình khó tiếp cận được nguồn vốn.

- Trồng rừng kinh doanh gỗ lớn có chu kỳ dài và rủi ro cao (thiên tai, thị trường), trong khi chưa có chính sách bảo hiểm đối với rừng trồng.

- Việc liên doanh, liên kết giữa người dân với doanh nghiệp sản xuất gỗ lớn theo chuỗi từ khâu trồng rừng đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm chưa phát triển, còn bất cập và thiếu ổn định.

- Hạ tầng lâm nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu của sản xuất, đặc biệt là hệ thống đường lâm nghiệp dẫn đến khó khăn trong công tác đầu tư phát triển rừng gỗ lớn (từ các khâu trồng, tía thưa, khai thác, vận chuyển chi phí rất cao).

- Trồng rừng chủ yếu vẫn ở mức thâm canh thấp, đào hố nhỏ, không bón phân hoặc bón phân không đủ liều lượng, chăm sóc ít lần nên rừng sinh trưởng chậm, năng suất thấp.

- Các mô hình đang xây dựng chưa đủ thời gian để tổng kết, đánh giá, làm cơ sở nhân rộng.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NGUỒN NGUYÊN LIỆU GỖ RỪNG TRỒNG PHỤC VỤ CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN GỖ

1. Nhiệm vụ phát triển vùng nguyên liệu

1.1. Vùng nguyên liệu gỗ

- Trồng mới rừng sản xuất: 3.000.000 ha (Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhiệm vụ trồng rừng sản xuất khoảng 340.000 ha/năm vào năm 2030); trong đó:

+ Rừng gỗ nguyên liệu chiếm 85% diện tích: 2.550.000 ha.

• Trồng mới: 550.000 ha.

• Trồng lại: 2.000.000 ha.

+ Rừng gỗ lớn chiếm 15% diện tích: 450.000 ha.

1.2. Gỗ lớn

Giai đoạn 2021-2030, tại 19 tỉnh thuộc 3 vùng: Đông Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ dự kiến chuyển hóa 100.000 ha rừng trồng hiện có sang kinh doanh gỗ lớn (gỗ xẻ); trồng rừng gỗ lớn 350.000 ha. Cụ thể như sau:

- Vùng núi phía Bắc: Diện tích dự kiến chuyển hóa rừng trồng sang kinh doanh gỗ lớn là 70.000 ha; trồng rừng gỗ lớn 193.300 ha.
- Vùng Bắc Trung Bộ: Diện tích dự kiến chuyển hóa rừng trồng sang kinh doanh gỗ lớn là 25.000 ha; trồng rừng gỗ lớn 115.000 ha.
- Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ: Diện tích dự kiến chuyển hóa rừng trồng sang kinh doanh gỗ lớn là 3.000 ha; trồng rừng gỗ lớn 35.500 ha.
- Vùng Đông Nam Bộ: Diện tích dự kiến trồng rừng gỗ lớn 4.200 ha.
- Vùng Tây Nam Bộ: Diện tích dự kiến chuyển hóa rừng trồng sang kinh doanh gỗ lớn là 2.000 ha; trồng rừng gỗ lớn 2.000 ha.

1.3. Nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng

- Đưa năng suất bình quân rừng trồng chuyển hóa sang kinh doanh gỗ lớn đạt từ 15 m³/ha/năm trở lên tại vùng Đông Bắc Bộ; từ 18 m³/ha/năm trở lên tại vùng Bắc Trung Bộ và vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.
- Nâng cao năng suất bình quân rừng trồng mới và trồng lại bằng cây sinh trưởng nhanh để kinh doanh gỗ lớn đạt trên 18 m³/ha/năm tại vùng Đông Bắc Bộ; trên 22 m³/ha/năm tại vùng Bắc Trung Bộ và vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.
- Đối với cây sinh trưởng chậm, chu kỳ kinh doanh dài năng suất bình quân đạt trên 10 m³/ha/năm.
- Đối với rừng trồng kinh doanh gỗ lớn: Đưa tỷ lệ gỗ lớn bình quân (gỗ xẻ có đường kính trên 15cm) từ 50% sản lượng khai thác hiện nay lên 60% vào năm 2025 và trên 65% từ năm 2025 trở đi.

1.4. Định hướng các dự án, hạng mục ưu tiên

- Nghiên cứu chọn tạo giống mới, khảo nghiệm các giống đã được công nhận theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng đáp ứng yêu cầu kinh doanh gỗ lớn và thúc đẩy hoạt động chuyển giao các giống mới vào sản xuất.
- Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật chuyển hóa rừng trồng gỗ lớn cho một số loài cây chủ yếu.
- Lập quy hoạch vùng nguyên liệu gỗ lớn gắn với các cơ sở chế biến để thực hiện chuyển hóa rừng trồng hiện có và trồng rừng thâm canh gỗ lớn.
- Nghiên cứu xây dựng chính sách liên doanh, liên kết để phát triển rừng kinh doanh gỗ lớn.

- Nghiên cứu, rà soát và đề xuất chính sách đặc thù về đất đai đối với trồng rừng kinh doanh gỗ lớn.
- Chuyển hóa **100.000 ha** rừng trồng hiện có sang kinh doanh nguyên liệu gỗ lớn.
- Trồng mới và trồng lại rừng **350.000 ha** với mục đích kinh doanh nguyên liệu gỗ lớn.

2. Giải pháp thực hiện

2.1. Về Quản lý Nhà nước

- Tiếp tục theo dõi, đánh giá mô hình trồng và chuyển hóa rừng kinh doanh gỗ lớn ở các vùng sinh thái trọng điểm để tổng kết thực tiễn và nhân rộng mô hình.
- Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung cơ chế chính sách.
- Rà soát, đánh giá diện tích đất trống và rừng trồng sản xuất hiện có để xây dựng quy hoạch vùng nguyên liệu gỗ lớn gắn với cơ sở chế biến.
- Phối hợp với các Sở, ban ngành trong tỉnh xây dựng chính sách hỗ trợ bổ sung cho việc thực hiện phát triển rừng trồng nguyên liệu gỗ lớn phù hợp với điều kiện của địa phương.
- Hướng dẫn kỹ thuật, phổ biến chính sách và tạo điều kiện cho các đơn vị cơ sở, doanh nghiệp và người dân thực hiện kế hoạch phát triển rừng trồng kinh doanh gỗ lớn trên địa bàn.

2.2. Về Tổ chức sản xuất

- Phát triển các hình thức liên kết giữa các thành phần kinh tế, kinh tế hợp tác, kinh tế chia sẻ trong lâm nghiệp; phát triển sản xuất kinh doanh đa dạng, gắn rừng trồng với công nghiệp chế biến và thương mại lâm sản theo chuỗi giá trị.
- Phát triển các doanh nghiệp, tập đoàn lớn đủ khả năng đầu tư theo chuỗi khép kín vào ngành lâm nghiệp và hỗ trợ, dẫn dắt người dân sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường; phát triển lâm nghiệp hộ gia đình, trang trại, cộng đồng thôn bản và hợp tác xã; chuyển đổi cơ cấu cây trồng; phát triển nông lâm kết hợp; ưu tiên hộ nghèo, dân tộc thiểu số tham gia các hoạt động lâm nghiệp để tăng thu nhập.
- Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của các hội, hiệp hội ngành hàng phù hợp với nền kinh tế thị trường, trong đó hội, hiệp hội phải thực sự là đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên, là đầu mối tạo diễn đàn kết nối các nhà quản lý, khoa học, doanh nghiệp và người làm nghề rừng.

2.3. Về Cơ chế chính sách

- *Chính sách về đất đai:* Miễn hoặc giảm tiền thuê đất và thuế sử dụng đất đối những diện tích trồng rừng, chuyển hóa rừng kinh doanh gỗ lớn, nhằm khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình thực hiện.

- **Chính sách đầu tư và tín dụng:** Nhà nước đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng lâm nghiệp, đặc biệt là hệ thống đường lâm nghiệp tại các vùng trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn tập trung, theo cơ chế như đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi hiện nay để giảm chi phí đầu tư cho các thành phần kinh tế tham gia trồng rừng kinh doanh gỗ lớn. Đổi mới chính sách tín dụng, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân vay vốn đầu tư trồng rừng sản xuất.

- Xây dựng thí điểm chính sách bảo hiểm đối với rừng trồng kinh doanh gỗ lớn để người trồng rừng yên tâm đầu tư kinh doanh gỗ lớn, đặc biệt là những vùng có nguy cơ, rủi ro lớn do thiên tai.

2.4. Về Khoa học công nghệ

- Ứng dụng chỉ thị phân tử (SNP, SSR) trong chọn tạo giống sinh trưởng nhanh và tính chất gỗ tốt.

- Chuyển gen một số gen hữu ích (chống chịu sâu bệnh, gen chịu lạnh, chịu mặn, phân giải lân, tăng chiều dài sợi gỗ...) vào các giống cây lâm nghiệp có giá trị kinh tế cao.

- Ứng dụng công nghệ chọn tạo giống đa bội và công nghệ lai giống củng cố nhằm tạo ra các giống có năng suất cao, chất lượng gỗ tốt và khả năng chống chịu sâu bệnh tốt cho các loài cây trồng rừng chính.

- Ứng dụng công nghệ nhân giống nuôi cấy mô, công nghệ phôi nhân tạo, công nghệ hạt nhân tạo nhằm nâng cao hiệu suất nhân giống, nâng cao chất lượng cây giống cho các loài cây trồng rừng chính và cây lâm sản ngoài gỗ có giá trị kinh tế cao.

- Ứng dụng và cải tiến các vườn ươm cây giống bằng vỏ bầu dùng nhiều lần, vật liệu đóng bầu siêu nhẹ nhằm nâng cao chất lượng cây giống.

2.5. Về Huy động nguồn lực

- Xây dựng hoàn chỉnh cơ chế chính sách đầu tư, thu hút đầu tư, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào lâm nghiệp.

- Tiếp tục thực hiện các chính sách đầu tư, hỗ trợ đầu tư theo các quy định hiện hành.

2.6. Về Công tác quản lý giống

(1) Đối với nhóm cây trồng lâm nghiệp chính:

- Quản lý chặt chẽ chất lượng giống từ khâu công nhận giống, nguồn giống và vật liệu giống theo Thông tư 22/2021/TT-BNNPTNT.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc sản xuất, kinh doanh đối với nhóm loài cây này.

(2) Đối với nhóm loài cây trồng rừng gỗ lớn, tập trung đánh giá phân loại để khuyến cáo sử dụng giống cụ thể cho từng vùng sinh thái. Nghiên cứu chọn giống để đáp ứng các yêu cầu của công nghiệp chế biến như: tỷ trọng, co rút, mấu mắt...

(3) Tiếp tục chọn lọc, nghiên cứu nhân giống đối với các loài cây bản địa mọc nhanh để trồng rừng phòng hộ theo từng vùng sinh thái.

(4) Rà soát, hoàn thiện văn bản quản lý: Xây dựng bổ sung các tiêu chuẩn để quản lý chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp.

(5) Công tác chỉ đạo điều hành:

- Chủ động kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các cơ sở sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp chính trên địa bàn theo chuỗi hành trình từ khâu thu hái vật liệu, sản xuất giống đến lô cây con cho trồng rừng.

- Làm tốt công tác tuyên truyền, khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân trên địa bàn trồng rừng bằng giống cây có năng suất, chất lượng cao, giống mô, hom và sản xuất gỗ lớn, nâng cao năng suất và giá trị rừng trồng.

- Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho những tổ chức, cá nhân trên địa bàn có cơ sở nuôi cấy mô sản xuất cây giống quy mô công nghiệp để hạ giá thành cây giống phục vụ trồng rừng.

- Rà soát, đầu tư phát triển hệ thống nguồn giống gốc và công nghệ nhân giống tiên tiến tại địa phương, đáp ứng nhu cầu trồng rừng trên địa bàn.

2.7. Về Trồng rừng

- Bổ sung, sửa đổi quy định bắt buộc sử dụng giống mô, hom (với những loài đã nhân giống được theo phương pháp này) để trồng rừng đối với các trường hợp sử dụng ngân sách nhà nước, chương trình dự án tài trợ.

- Sửa đổi, bổ sung cơ chế khuyến lâm, có chính sách đầu tư xây dựng mô hình trồng rừng thâm canh giống mới được công nhận ở quy mô sản xuất để các tổ chức, cá nhân tham quan, học tập và lựa chọn những giống phù hợp đưa vào sản xuất đại trà.

2.8. Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức

- Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và các doanh nghiệp về vai trò, tầm quan trọng của rừng nói chung và phát triển rừng ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh và sự phát triển bền vững của đất nước.

- Tăng cường truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng với nội dung phong phú và hình thức đa dạng, phát huy truyền thông hiện đại và mạng xã hội tạo sự thay đổi về nhận thức đối với công tác bảo vệ và phát triển rừng nhằm thay đổi nhận thức, tập quán kinh doanh, sản xuất lâm nghiệp quảng canh sang thâm canh; sử dụng giống cây trồng có nguồn gốc xuất xứ, phát triển nông lâm kết hợp, kết hợp sản xuất gỗ nhỏ và gỗ lớn, lâm sản ngoài gỗ và các dịch vụ môi trường rừng.

- Tuyên truyền cho Chủ rừng nhận thức rõ hơn về tầm quan trọng của giống tốt và thúc đẩy đưa giống tốt vào sản xuất.

Phụ lục 1: CƠ CẤU CÁC LOẠI CÂY TRỒNG

Vùng	Loài cây
Tây Bắc	Bạch đàn urô và các giống lai với Bạch đàn urô, Cọ phên, Cọ khiết, Giổi xanh, Keo lai, Keo tai tượng, Lát hoa, Luồng, Mắc ca, Mây nếp, Mỡ, Sa mộc, Sỡ, Sơn tra, Tách, Thông caribê, Thông đuôi ngựa, Tống quá sủ, Trám trắng, Trám đen, Trầu, Tre, Vối thuốc, Xoan ta.
Trung tâm	Bạch đàn urô và các giống lai với Bạch đàn urô, Bò đề, Chò chỉ, Giổi xanh, Keo lai, Keo tai tượng, Lát hoa, Lim xanh, Luồng, Mây nếp, Mỡ, Pơ mu, Quế, Sa mộc, Sơn tra, Thông ba lá, Thông caribê, Thông đuôi ngựa, Tông dù, Tống quá sủ, Trám trắng, Trám đen, Tre, Vối thuốc, Xoan ta.
Đông Bắc	Bạch đàn urô và các giống lai với Bạch đàn urô, Dẻ ăn hạt, Giổi xanh, Hồi, Keo lai, Keo tai tượng, Lim xanh, Mỡ, Quế, Sa mộc, Sỡ, Sồi phẳng, Thông caribê, Thông đuôi ngựa, Thông nhựa, Tông dù, Trám trắng, Trám đen, Trúc sào, Vối thuốc, Xoan ta.
ĐB sông Hồng	Bạch đàn urô và các giống lai với Bạch đàn urô, Bần chua, Hoè, Keo lá tràm, Keo lai, Keo tai tượng, Lát hoa, Luồng, Mây nếp, Phi lao, Sấu, Sưa, Trang, Tre, Xà cừ, Xoan ta.
Bắc Trung Bộ	Bạch đàn urô và các giống lai với Bạch đàn urô, Bần chua, Dó bầu, Huỷnh, Keo chịu hạn, Keo lá liềm, Keo lá tràm, Keo lai, Keo tai tượng, Lát hoa, Lim xanh, Luồng, Mắc ca, Mây nếp, Mỡ, Phi lao, Quế, Sến trung, Sỡ, Sồi phẳng, Sưa, Thông, Thông nhựa, Trám trắng, Trám đen, Trang, Tre, Xoan ta.
Nam Trung Bộ	Bạch đàn caman, Bạch đàn urô và các giống lai với urô, Bần, Bời lời đỏ, Dầu rái, Dó bầu, Đước, Huỷnh, Keo chịu hạn, Keo lá liềm, Keo lá tràm, Keo lai, Keo tai tượng, Lim xanh, Mắm, Phi lao, Quế, Sao đen, Thông caribê, Trôm, Vẹt, Ươi, Xoan chịu hạn, Xoan ta.
Tây Nguyên	Bạch đàn và các giống lai, Bời lời đỏ, Dầu rái, Gáo, Giổi xanh, Keo lá tràm, Keo lai, Mắc ca, Sao đen, Sưa, Tách, Thông ba lá, Thông caribê, Xoan ta.
Đông Nam Bộ	Bạch đàn và giống lai bạch đàn, Bần, Dầu rái, Dó bầu, Đước, Gáo trắng, Gáo vàng, Keo lá tràm, Keo lai, Keo tai tượng, Mắm, Sao đen, Sưa, Tách, Thông caribê, Tre, Vẹt, Xà cừ.
Tây Nam Bộ	Bạch đàn u rô, Bạch đàn lai, Bần, Dầu rái, Đước, Dó bầu, Gáo trắng, Gáo vàng, Keo lá tràm, Keo lai, Mắm, Sao đen, Tràm lá dài, Tràm năm gân, Tràm ta, Vẹt.

Phụ lục 2: DIỆN TÍCH PHÁT TRIỂN TRỒNG RỪNG SẢN XUẤT THEO NHÓM SẢN PHẨM

TT	Bộ, Ngành, Địa phương	Tổng diện tích rừng sản xuất	Theo nhóm sản phẩm	
			Gỗ nhỏ	Gỗ lớn
Tổng cộng		3.000.000	2.550.000	450.000
1	Miền núi phía Bắc	1.236.190	972.890	263.300
2	Đồng bằng sông Hồng	17.700	17.700	
3	Bắc Trung Bộ	802.320	662.320	140.000
4	Duyên hải miền Trung	737.400	698.900	38.500
5	Tây Nguyên	112.290	112.290	
6	Đông Nam Bộ	28.650	24.450	4.200
7	Tây Nam Bộ	65.450	61.450	4.000

Phụ lục 3: DIỆN TÍCH PHÁT TRIỂN RỪNG GỖ LỚN

TT	Địa phương	Diện tích rừng trồng gỗ lớn hiện có	Phân theo biện pháp tác động		Diện tích định hướng phát triển mới	Phân theo biện pháp tác động	
			Rừng trồng gỗ lớn	Chuyển hóa gỗ nhỏ sang gỗ lớn		Trồng rừng gỗ lớn	Chuyển hóa gỗ nhỏ sang gỗ lớn
	Tổng cộng	587.292	460.937	126.355	450.000	350.000	100.000
1	Miền núi phía Bắc	417.787	325.927	91.860	263.300	193.300	70.000
2	ĐB Bắc Bộ	1.018	1.018	0	0	0	0
3	Bắc Trung Bộ	121.945	93.619	28.326	140.000	115.000	25.000
4	Duyên hải MT	15.698	14.040	1.658	38.500	35.500	3.000
5	Tây Nguyên	4.545	4.545				
6	Đông Nam Bộ	25.917	21.526	4.391	4.200	4.200	0
7	Tây Nam Bộ	382	262	120	4.000	2.000	2.000

Phụ lục 4: TIẾN ĐỘ PHÁT TRIỂN TRỒNG RỪNG GỖ LỚN

TT	Bộ, ngành, địa phương	Tổng diện tích rừng sản xuất	Tổng diện tích		Theo biện pháp tác động	
			Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030	Trồng rừng gỗ lớn	Chuyển hóa rừng gỗ nhỏ sang gỗ lớn
	Tổng	450.000	202.500	247.500	350.000	100.000
1	MN phía Bắc	263.300	118.485	144.815	193.300	70.000
2	ĐB Bắc Bộ	0	0	0	0	0
3	Bắc Trung Bộ	140.000	63.000	77.000	115.000	25.000
4	Duyên hải MT	38.500	17.325	21.175	35.500	3.000
5	Tây Nguyên	0	0	0	0	0
6	Đông Nam Bộ	4.200	1.890	2.310	4.200	0
7	Tây Nam Bộ	4.000	1.800	2.200	2.000	2.000

VỤ PHÁT TRIỂN RỪNG - TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP

**TỔNG QUAN VỀ ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN VÙNG NGUYÊN LIỆU
GỖ RỪNG TRỒNG CÓ CHỨNG CHỈ PHỤC VỤ CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU
TẠI 2 TỈNH QUẢNG TRỊ, THỪA THIÊN HUẾ
GIAI ĐOẠN 2021-2025**

Chi cục Phát triển nông thôn Quảng Trị

Để thực hiện tốt nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025 theo tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 255/QĐ-TTg, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Quyết định số 1088/QĐ-BNN-KTHT ngày 25/3/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Phê duyệt Đề án Thí điểm xây dựng vùng nguyên liệu nông lâm sản đạt chuẩn phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu giai đoạn 2022-2025. Trong đó, lựa chọn tỉnh Quảng Trị và tỉnh Thừa Thiên Huế để xây dựng vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng chứng chỉ bền vững (FSC, PEFC, VFCS,...) với diện tích 22.900 ha vùng Duyên hải miền Trung. Đề án xác định nhiệm vụ trọng tâm là:

(i) Đầu tư kết cấu hạ tầng liên kết vùng hỗ trợ hợp tác xã phát triển vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng có chứng chỉ với quy mô: Quảng Trị 13.8 km đường lâm nghiệp và 02 bãi tập kết gỗ; Thừa Thiên Huế 13 km đường lâm nghiệp và 04 bãi tập kết gỗ.

(ii) Tổ chức sản xuất và quản trị vùng nguyên liệu:

- Phát triển, củng cố, nâng cao năng lực cho HTX gỗ rừng trồng có chứng chỉ quản lý bền vững thực hiện liên kết với doanh nghiệp, trong đó thành lập mới 8 HTX Lâm nghiệp và củng cố 32 HTX Lâm nghiệp hiện có tại tỉnh Quảng Trị; Thành lập mới 16 HTX Lâm nghiệp tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Khuyến nông và chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ cho các HTX, người dân tham gia liên kết: Xây dựng và phát triển mô hình trồng rừng thâm canh gỗ lớn cây Keo lai mô và Keo tai tượng, Xây dựng mô hình trồng rừng gỗ lớn phục vụ vùng nguyên liệu chế biến và xuất khẩu và các mô hình trồng rừng gỗ lớn, Mô hình chuyển hóa từ gỗ nhỏ sang gỗ lớn...

- Ứng dụng, chuyển giao khoa học kỹ thuật: Hỗ trợ giống keo lai nuôi cấy mô đạt tiêu chuẩn theo quy định cho 32 HTX tham gia đề án với quy mô 20.000 cây/vườn ươm.

- Ứng dụng công nghệ thông tin quản lý vùng nguyên liệu phục vụ liên kết gắn với truy xuất nguồn gốc: Xây dựng và áp dụng phần mềm và ứng dụng điện thoại thông minh trong quản lý sản xuất vùng nguyên liệu gỗ có chứng chỉ; Tập huấn hướng dẫn sử dụng phần mềm cho các bên tham gia.

(iii) Phát triển khuyến nông cộng đồng và truyền thông: Thành lập các tổ khuyến nông cộng đồng (Quảng Trị 10 tổ) và tổ chức các lớp tư vấn phát triển HTX, kết nối thị trường cho nông dân.

(iv) Thí điểm áp dụng cơ chế chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển vùng nguyên liệu phục vụ liên kết: Thí điểm thực hiện chính sách vay vốn ưu đãi cho các chủ rừng; Thúc đẩy chính sách bảo hiểm cho đối tượng rừng trồng gỗ lớn có chứng chỉ được Trung ương ban hành triển khai thực hiện và xây dựng liên kết tiêu thụ sản phẩm gỗ rừng trồng có chứng chỉ.

Tổng kinh phí thực hiện đề án tại Quảng Trị: 136.463 triệu đồng.

Trong đó, bao gồm:

- + Ngân sách Trung ương: 46.372 triệu đồng.
- + Ngân sách địa phương: 22.633 triệu đồng.
- + Nguồn vốn đối ứng, huy động: 67.428 triệu đồng.

Tổng kinh phí thực hiện tại Thừa Thiên Huế là: 137.359 triệu đồng.

Trong đó:

- + Ngân sách trung ương: 61.868 triệu đồng.
- + Ngân sách địa phương: 57.441 triệu đồng.
- + Vốn của các HTX và doanh nghiệp: 18.050 triệu đồng.

Tỉnh Quảng Trị với diện tích đất lâm nghiệp có rừng là 245.816 ha, trong đó: rừng tự nhiên là 126.732 ha; rừng trồng là 119.084 ha. Diện tích rừng trồng sản xuất khoảng 95.675 ha; trong đó diện tích rừng trồng Keo các loại trên 81.000 ha. Sản lượng gỗ khai thác bình quân hiện nay trên địa bàn tỉnh Quảng Trị từ 900.000 đến 1.000.000 triệu m³/năm. Đây là tiềm năng rất lớn để phát triển vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng nhằm “Đưa tỉnh Quảng Trị trở thành trung tâm cung cấp nguyên liệu, chế biến gỗ rừng trồng của khu vực miền Trung”.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có khoảng 48 nhà máy kinh doanh chế biến lâm sản với công suất được cấp phép trên 2.500.000 tấn/năm, công suất đang hoạt động trên 1.300.000 tấn/năm và 126 cơ sở kinh doanh chế biến lâm sản được cấp phép đầu tư hoạt động, chủ yếu sản xuất ván ghép thanh, ván lạng, cửa gia công và một số doanh nghiệp, cơ sở sản xuất đồ gỗ nội thất, đồ mộc dân dụng... phục vụ nhu cầu thị trường trong tỉnh, giải quyết việc làm cho hàng trăm lao động. Nhờ vậy, lĩnh vực chế biến gỗ và thương mại lâm sản của tỉnh đã có những bước tiến vượt bậc trong chiếm lĩnh thị trường trong nước. Đến nay, tỷ lệ tiêu thụ thị trường trong tỉnh là 46,55%, thị trường ngoài tỉnh là 53,45% (Trong đó có khoảng 52% xuất khẩu sang thị trường các nước ASEAN, còn lại là các thị trường như: Trung Quốc, Mỹ và Ấn Độ). Bên cạnh sản phẩm gỗ MDF, hàng năm Quảng Trị còn sản xuất và cung cấp cho các tỉnh và phục vụ xuất khẩu hàng trăm nghìn tấn gỗ ván ghép

thanh và viên nén năng lượng, xuất qua cửa khẩu Lao Bảo và qua Cảng Cửa Việt mỗi năm trên 800.000 m³/năm gỗ dăm, đưa Quảng Trị trong nhóm đứng đầu của cả nước về sản xuất gỗ MDF và tỉnh có nguồn gỗ nguyên liệu phong phú trong khu vực.

Song song với việc hỗ trợ các doanh nghiệp ứng dụng khoa học công nghệ mới vào hoạt động sơ chế, chế biến các sản phẩm từ gỗ rừng trồng, tỉnh Quảng Trị cũng đã bắt đầu quan tâm tập trung hình thành các vùng nguyên liệu rừng trồng gỗ lớn, rừng có chứng chỉ quản lý bền vững thông qua vai trò HTX nông lâm nghiệp để dẫn dắt, quản lý và đại diện thiết lập các liên kết tiêu thụ sản phẩm với các doanh nghiệp. Đến nay có 32 HTX hoạt động trên địa bàn có diện tích rừng sản xuất, trong đó có 24 HTX có chủ sở hữu diện tích rừng sản xuất, trung bình có khoảng 40 ha/HTX, diện tích của HTX chỉ bằng khoảng 1/10 so với diện tích của thành viên (935/10.467 ha), chỉ có 6/24 HTX tham gia vào cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững. Các HTX hầu như chưa quan tâm nhiều đến các dịch vụ lâm sinh theo chuỗi giá trị sản phẩm gỗ rừng trồng có chứng chỉ, đặc biệt chưa có HTX thực hiện khâu sơ chế gỗ rừng trồng. Bên cạnh đó, có những địa bàn diện tích rừng trồng tương đối lớn nhưng chưa có sự tham gia của HTX như: ở các xã phía Tây huyện Gio Linh và Vĩnh Linh... Như vậy, đối với lĩnh vực lâm nghiệp việc thực hiện vai trò bà đỡ, đầu tàu dẫn dắt của HTX còn rất nhiều khoảng trống dưới góc nhìn chuỗi giá trị rừng trồng có chứng chỉ bền vững. Để cải thiện các khâu trong chuỗi giá trị, dự án cần can thiệp để nâng cao năng lực của HTX về cung ứng dịch vụ lâm sinh cho thành viên, năng lực quản trị, năng lực khai thác các giá trị theo chiều sâu của chuỗi giá trị ngành hàng.

Cùng với các chính sách của Trung ương, từ năm 2010, tỉnh Quảng Trị đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách, hợp tác với các tổ chức quốc tế đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chuyển đổi mô hình trồng rừng gỗ dăm qua mô hình trồng rừng gỗ lớn có chứng chỉ quản lý rừng bền vững (chứng chỉ FSC). Nhờ vậy, Quảng Trị trở thành tỉnh đầu tiên tại Việt Nam được cấp chứng nhận quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC cho các tổ chức, mô hình nhóm hộ gia đình. Đến nay, toàn tỉnh đã có 23.429 ha rừng trồng Keo được cấp chứng chỉ FSC. Đặc biệt đã thiết lập được chuỗi liên kết tiêu thụ gỗ rừng trồng có chứng chỉ FSC với các doanh nghiệp có chứng chỉ CoC như: Công ty Chế biến gỗ Thu Hằng, Công ty Nguyên Phong, Công ty Thương mại Quảng Trị, Công ty Scansia Pacific ký cam kết bao tiêu toàn bộ sản lượng gỗ có chứng chỉ của Hội FSC Quảng Trị nói chung và các Hợp tác xã nói riêng với giá cao hơn với so với giá gỗ không có chứng chỉ từ 10-12%.

Theo tinh thần tại Quyết định số 1088/QĐ-BNN-KTHT ngày 25/3/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Phê duyệt Đề án Thí điểm xây dựng vùng nguyên liệu nông lâm sản đạt chuẩn phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu giai đoạn 2022-2025, Quảng Trị xác định một số mục tiêu, cụ thể như sau:

- Xây dựng vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng có chứng chỉ FSC trên địa bàn 5 huyện Hải Lăng, Triệu Phong, Cam Lộ, Gio Linh và Vĩnh Linh đến năm 2025 đạt tổng diện tích 5.000 ha, tỷ lệ gỗ lớn bình quân ở khu vực rừng gỗ lớn khi khai thác tham gia liên kết có đường kính trên 15 cm đạt 60%.

- Nâng cao năng lực sản xuất và hỗ trợ cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cho các Hợp tác xã nông nghiệp trong vùng đề án. Đến năm 2025, có 25 HTX có đủ năng lực phát triển các dịch vụ mới để tham gia vào chuỗi liên kết gỗ rừng trồng có chứng chỉ.

- Xây dựng và thiết lập được ít nhất 10 liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm gỗ rừng trồng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững FSC. Trong đó, hình với 10 vùng nguyên liệu tập trung với quy mô tối thiểu 50 ha/điểm.

- Ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất kết hợp với ứng dụng công nghệ thông tin để xây dựng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu từ vùng nguyên liệu, sơ chế, chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Đến năm 2025, có 40 HTX áp dụng công nghệ thông tin để xây dựng bộ cơ sở dữ liệu và quản lý truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm gỗ rừng trồng.

- Xây dựng mô hình thí điểm chính sách về tín dụng ưu đãi cho các hộ gia đình có diện tích tham gia FSC và mô hình thí điểm bảo hiểm rừng trồng gỗ lớn có chứng chỉ từ các chính sách được ban hành.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ này, tỉnh Quảng Trị đã thực hiện một số nội dung của đề án và đề ra một số giải pháp, chính sách như sau:

*** Nội dung công việc đã hoàn thành:**

(1) Đã ban hành Quyết định 1928/QĐ-UBND ngày 22/07/2022 về thành lập Ban chỉ đạo Đề án thí điểm xây dựng vùng nguyên liệu nông, lâm sản đạt chuẩn phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2025.

(2) Hoàn thiện dự thảo Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án Thí điểm xây dựng vùng nguyên liệu nông, lâm sản đạt chuẩn phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu giai đoạn 2022-2025 và lấy ý kiến các cơ quan đơn vị trong việc lồng ghép nguồn vốn để triển khai thực hiện.

Tuy nhiên, theo nhiệm vụ Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt tại Quyết định 1088/QĐ-BNNPTNT giao cho ngân sách địa phương lồng ghép từ 03 Chương trình MTQG và các chương trình, dự án khác. Nhưng hiện nay hầu hết các Chương trình đã được HĐND tỉnh phê duyệt danh mục đầu tư công cho cả giai đoạn 2021-2025 (vốn Trung ương Nghị quyết 30/NQ-HĐND, vốn địa phương Nghị quyết 173/NQ-HĐNG). Vì vậy, một số nội dung địa phương tạm thời chưa xác định nguồn đề xuất lồng ghép (hỗ trợ cấp chứng chỉ FSC, chứng nhận FSC-CoC, ứng dụng công nghệ thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm....).

*** Đề xuất nhóm giải pháp triển khai thực hiện:**

(1) Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng như phát thanh, truyền hình, internet, báo chí, tập san chuyên ngành bằng cách đưa các thông tin liên quan đến hiệu quả của phát triển rừng, trồng gỗ lớn, phát triển vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng có chứng chỉ FSC khuyến cáo chủ rừng sử dụng nguồn giống có năng suất, chất lượng trong trồng rừng.

(2) Tập trung phát triển mới HTX lâm nghiệp từ các chi hội rừng trồng có chứng chỉ quản lý bền vững và hỗ trợ thành lập mới các HTX lâm nghiệp ở các địa phương có tiềm năng về sản xuất, kinh doanh dịch vụ lâm nghiệp; Hướng dẫn các HTX xây dựng phương án sản xuất kinh doanh các dịch vụ lâm nghiệp.

(3) Nhân rộng và phát triển các mô hình liên kết sản xuất với mục tiêu gắn kết chặt chẽ sản xuất với thị trường; tăng cường vận động tuyên truyền và nhân rộng các mô hình liên kết sản xuất theo hình thức liên doanh, liên kết, từng bước hình thành vùng sản xuất nguyên liệu gỗ rừng trồng tập trung để tạo điều kiện thuận lợi khi đánh giá, cấp chứng chỉ FSC.

(4) Khuyến khích thị trường trong tỉnh, quảng bá sản phẩm, mở rộng trọng tâm liên kết với các vùng động lực trong nước, phát triển các Hợp tác xã sản xuất đồ mộc dân dụng, thủ công mỹ nghệ và tham gia chuỗi liên kết sản xuất với các cơ sở chế biến.

(5) Huy động và gắn kết các nguồn lực, lồng ghép các chương trình, dự án, đề án để nâng cao hiệu quả trong công tác phát triển rừng và vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng có chứng chỉ FSC.

(6) Tổng kết và chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật về thâm canh rừng gỗ lớn, mô hình có hiệu quả. Đẩy mạnh hoạt động của hệ thống khuyến lâm, nhất là khuyến lâm cơ sở để chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật thâm canh rừng gỗ lớn đến các chủ rừng.

Để đạt được các mục tiêu trên tỉnh Quảng Trị rất cần sự quan tâm, giúp đỡ của các Bộ, ngành Trung ương, đặc biệt là Bộ Nông nghiệp và PTNT, Cục Kinh tế hợp tác và PTNT để triển khai hoàn thành tốt “Đề án phát triển vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng có chứng chỉ bền vững tại miền Trung phục vụ chế biến và xuất khẩu giai đoạn 2021-2025”. Trên cơ sở đó tỉnh Quảng Trị xin kiến nghị, đề xuất một số nội dung sau:

Đối với Bộ Nông nghiệp và PTNT:

(1) Bộ Nông nghiệp và PTNT cần ban hành chính sách đủ mạnh để khuyến khích, phát triển rừng trồng có chứng chỉ FSC nhằm thực hiện tốt Đề án phát triển vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng có chứng chỉ bền vững cũng và Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được ban hành theo Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

(2) Xây dựng mô hình thí điểm về hỗ trợ mua bảo hiểm đối với rừng trồng kinh doanh gỗ lớn, đặc biệt là rừng trồng được cấp chứng chỉ FSC để hạn chế rủi ro để các Hợp tác xã,

người dân trồng rừng yên tâm đầu tư trồng rừng có chứng chỉ với thời gian kinh doanh dài.

(3) Cần có chính sách miễn giảm thuế sử dụng đất, thuế tài nguyên, hỗ trợ tài chính ban đầu bằng các thuế suất ưu đãi cho các cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia trồng rừng nguyên liệu, đặc biệt là trồng rừng gỗ lớn có chứng chỉ FSC.

(4) Đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT mời gọi và kết nối các doanh nghiệp có quy mô lớn tham gia đầu tư và liên kết với các tổ chức sản xuất gỗ rừng trồng trên địa bàn tỉnh. Tỉnh Quảng Trị cam kết có những chính sách đồng hành với doanh nghiệp nhất là phát triển vùng nguyên liệu chất lượng cao.

(5) Đối với những diện tích trong vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng có khả năng cấp Chứng chỉ quản lý rừng bền vững, cần hỗ trợ kinh phí đánh giá cấp Chứng chỉ để nâng cao giá trị gia tăng và tiếp cận được với thị trường thế giới.

(6) Cần xem xét điều chỉnh một số nội dung và bố trí kinh phí phù hợp để triển khai đề án, cụ thể như sau:

(i) Nguồn vốn đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT bố trí tăng thêm: 4.025 triệu đồng (Kinh phí Bộ đề xuất là 46.372 triệu đồng, tỉnh Quảng Trị đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT 50.397 triệu đồng), để thực hiện một số nội dung cụ thể như sau:

+ Ứng dụng công nghệ thông tin quản lý vùng nguyên liệu phục vụ liên kết gắn với truy xuất nguồn gốc, đề xuất điều chỉnh tăng: 800 triệu với nguồn Trung ương.

+ Đề xuất bổ sung nguồn vốn hỗ trợ các HTX thực hiện dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP với tổng kinh phí đề nghị là 3.225 triệu đồng.

(ii) Điều chỉnh kinh phí để thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể như sau:

+ Điều chỉnh nội dung và nguồn vốn của Bộ Nông nghiệp và PTNT để thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền và thí điểm bảo hiểm nông nghiệp cho đối tượng gỗ rừng trồng (với nguồn 1.000 triệu đồng của Bộ Nông nghiệp và PTNT).

* Triển khai nội dung tuyên truyền và hướng dẫn thực hiện chính sách Bảo hiểm nông nghiệp cho các HTX tham gia chuỗi liên kết và hội thảo tham vấn ban hành chính sách, đề xuất điều chỉnh bố trí 200 triệu.

* Thí điểm bảo hiểm nông nghiệp thông qua HTX và phát triển liên kết theo chuỗi giá trị (Ngân sách nhà nước hỗ trợ 30% phí bảo hiểm), đề xuất bố trí 800 triệu./.

CHI CỤC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN QUẢNG TRỊ

CHỨNG CHỈ RỪNG TẠI VIỆT NAM, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN RỪNG TRỒNG CÓ CHỨNG CHỈ TẠI VÙNG NGUYÊN LIỆU CUNG CẤP GỖ LỚN

Nguyễn Hoàng Tiệp

Văn phòng Chứng chỉ Quản lý rừng bền vững

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Quản lý rừng bền vững (QLRBV) và chứng chỉ rừng (CCR) là một trong những ưu tiên quan trọng của ngành lâm nghiệp nước ta và đã được cụ thể hóa trong nhiều văn bản, chính sách pháp luật của Nhà nước. Năm 2007, lần đầu tiên vấn đề này đã được đề cập đến trong Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006-2020. Theo đó, việc quản lý, sử dụng và phát triển rừng bền vững là nền tảng cho phát triển lâm nghiệp và mục tiêu đến năm 2020 được xác định là: thiết lập, quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững 16,2 triệu ha đất quy hoạch cho lâm nghiệp và có ít nhất 30% diện tích rừng sản xuất được cấp chứng chỉ rừng. Từ đó đến nay, đây là vấn đề được Chính phủ và Bộ Nông nghiệp và PTNT quan tâm xuyên suốt cùng với sự phát triển của ngành lâm nghiệp. Mới đây nhất, theo Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đặt ra mục tiêu đến năm 2025 cả nước có 500 nghìn ha rừng được cấp chứng chỉ và tăng gấp đôi vào năm 2030 với 1 triệu ha.

Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của nước ta liên tục tăng trong thời gian qua và đạt mốc 14,12 tỷ USD năm 2021. Đồ gỗ của Việt Nam xuất khẩu sang 160 quốc gia và vùng lãnh thổ với sự tham gia của 5.580 doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, chế biến gỗ và lâm sản, trong đó có khoảng 2.600 doanh nghiệp xuất khẩu trực tiếp. Theo các số liệu đã được công bố, nguồn nguyên liệu từ gỗ khai thác trong nước đã đáp ứng được 77,4% cho sản xuất, chế biến trong nước. Để kim ngạch xuất khẩu gỗ cán mốc 20 tỷ USD vào năm 2025 và 25 tỷ USD vào năm 2030 như mục tiêu mà Chính phủ đề ra, cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó đảm bảo nguồn nguyên liệu gỗ trong nước hợp pháp và có chứng chỉ quản lý rừng bền vững, các nhà máy chế biến có chứng chỉ chuỗi hành trình sản phẩm. Vì vậy, thực hiện cấp chứng chỉ rừng sẽ giúp ngành lâm nghiệp đạt mục tiêu kép, vừa giúp thúc đẩy tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ, vừa là công cụ thúc đẩy thực hiện quản lý rừng bền vững trong nước. Bài viết này nhằm phân tích thực trạng và giải pháp phát triển rừng trồng có chứng chỉ tại vùng nguyên liệu nói riêng và trên phạm vi cả nước nói chung.

II. CÁC CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG VÀ CHỨNG CHỈ RỪNG

Các chính sách, văn bản có liên quan đến quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng đã ban hành ở cấp Trung ương được tổng hợp ở bảng sau:

Bảng 1. Các chính sách liên quan đến QLRBV&CCR ban hành bởi các cơ quan Trung ương

TT	Tên văn bản, ngày ban hành	Nội dung liên quan đến QLRBV&CCR	Những mặt tích cực đối với QLRBV&CCR
1	Quyết định 18/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006-2020	- Chương trình quản lý và phát triển rừng bền vững là một trong 6 chương trình để thực hiện chiến lược, trong đó đặt ra mục tiêu 30% diện tích rừng sản xuất trong tổng số 8,4 triệu ha rừng sản xuất được cấp chứng chỉ QLRBV. - Đặt ra nhiệm vụ nâng cấp năng lực quản lý cho chủ rừng, xây dựng các tiêu chuẩn và cấp chứng chỉ rừng.	Lần đầu tiên đã đặt nền móng cho việc thực hiện QLRBV và CCR; là cơ sở để xây dựng các chương trình về QLRBV&CCR trong giai đoạn 2006-2020;
2	Quyết định 66/2011/QĐ-TTg ngày 09/12/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của quyết định số 147/2007/QĐ-TTg ngày 10/9/2007 về một số chính sách phát triển rừng sản xuất giai đoạn 2007 - 2015	Hỗ trợ 1 lần chi phí cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững 100.000 đồng/ha.	Lần đầu tiên đã đề cập đến việc hỗ trợ kinh phí cho cấp CCR.
3	Quyết định 1565/QĐ-BNN-TCLN ngày 08/7/2013 phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành lâm nghiệp	Điều 8. Cơ chế chính sách (thực hiện đề án): Khuyến khích cấp chứng chỉ cho rừng trồng.	Là cơ sở để các địa phương xây dựng kế hoạch và khuyến khích thực hiện QLRBV và cấp CCR
4	Quyết định 2242/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Tăng cường công tác quản lý khai thác gỗ rừng tự nhiên giai đoạn 2014-2020	Dừng khai thác chính gỗ rừng tự nhiên trên phạm vi cả nước; trừ hai (02) khu vực thuộc Công ty đã được phê duyệt phương án cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững quốc tế.	Đã tạo động lực cho các công ty lâm nghiệp quản lý rừng tự nhiên hướng đến thực hiện QLRBV và chứng chỉ rừng.
5	Thông tư 38/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/11/2014 hướng dẫn về phương án QLRBV	Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, kiểm tra, giám sát, thực hiện Phương án QLRBV và cấp CCR đối với rừng tự nhiên, rừng trồng là rừng sản xuất và rừng phòng hộ.	- Là hướng dẫn chính thức đầu tiên về xây dựng phương án QLRBV; - Lần đầu tiên đã giới thiệu bộ nguyên tắc QLRBV của Việt Nam; - Đã đề cập đến việc cấp chứng chỉ QLRBV của Việt Nam.
6	Quyết định 2810/2015/BNN-TCLN ngày 16/7/2015 của Bộ NN&PTNT ban hành Kế hoạch hành động về QLRBV và CCR giai đoạn 2015-2020	Mục tiêu: Đến năm 2020, có ít nhất 500.000 ha rừng sản xuất (350.000 ha rừng trồng, 150.000 ha rừng tự nhiên) có phương án QLRBV được	Đây là kế hoạch tổng thể đầu tiên được ban hành để thúc đẩy thực hiện QLRBV và CCR. Kế hoạch đã bao gồm khá toàn diện các nội dung từ nâng cao nhận

Diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp: “Giải pháp phát triển vùng nguyên liệu gỗ phục vụ ngành công nghiệp chế biến, xuất khẩu”

TT	Tên văn bản, ngày ban hành	Nội dung liên quan đến QLRBV&CCR	Những mặt tích cực đối với QLRBV&CCR
		phê duyệt và được cấp chứng chỉ QLRBV. Các nội dung chính của kế hoạch: i) Nâng cao nhận thức và năng lực về QLRBV&CCR; ii) Xây dựng cơ chế, chính sách; iii) Quản lý nhà nước về QLRBV&CCR; Xây dựng, phát triển mô hình thí điểm.	thức, năng lực đến hoàn thiện cơ chế, chính sách và các mô hình thí điểm. Đây là cơ sở để tiếp tục xây dựng các cơ chế, chính sách tiếp theo về QLRBV&CCR.
7	Quyết định 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp	Hỗ trợ một lần cấp CCR bền vững cho các doanh nghiệp, cộng đồng, nhóm hộ, hộ gia đình: 70% chi phí, tối đa không quá 300.000 đồng/ha quy mô tối thiểu 100 ha trở lên.	Đã nâng mức hỗ trợ kinh phí cấp chứng chỉ từ 100.000 đồng/ha lên 300.000 đồng/ha, được kỳ vọng sẽ tạo ra cú hích trong việc cấp CCR.
8	Quyết định 83/QĐ-BNN-TCLN ngày 12/01/2016 phê duyệt Đề án thực hiện QLRBV và CCR giai đoạn 2016-2020	- Xây dựng hệ thống CCR quốc gia; các quy định cụ thể về cấp CCR; - Xây dựng tiêu chuẩn QLRBV và các hướng dẫn; - Nâng cao năng lực và nhận thức về cấp CCR; - Đặt ra mục tiêu đến năm 2020, có ít nhất có 500.000 ha rừng sản xuất được cấp CCR.	Lần đầu tiên đã đề cập một cách cụ thể, bài bản và có lộ trình rõ ràng về việc xây dựng hệ thống chứng chỉ rừng Việt Nam, hài hòa với quy định quốc tế.
9	Quyết định 886/QĐ-TTg ngày 16/6/2017 phê duyệt chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016 - 2020	- Hỗ trợ cấp CCR cho 100.000 ha rừng/năm nhằm thực hiện nâng cao giá trị gia tăng của các sản phẩm lâm nghiệp; - Đầu tư hỗ trợ nâng cao năng lực, nhận thức về QLRBV&CCR; - Thực hiện giải pháp đẩy mạnh QLRBV và cấp CCR gỗ rừng trồng theo tiêu chuẩn của Việt Nam phù hợp với quy định, thông lệ của quốc tế.	Đã có những kế hoạch cụ thể về hỗ trợ QLRBV và cấp CCR, từ khâu nâng cao nhận thức, năng lực đến kế hoạch hỗ trợ cấp CCR hàng năm.
10	Luật Lâm nghiệp 2017	- Điều 27. Phương án QLRBV (quy định trách nhiệm xây dựng PA, nội dung PA) - Điều 28. Chứng chỉ QLRBV 1. Chứng chỉ QLRBV được cấp cho chủ rừng theo nguyên tắc tự nguyện. 2. Chủ rừng được cấp chứng chỉ QLRBV trong nước hoặc quốc tế khi có phương án QLRBV và đáp ứng các tiêu chí QLRBV.	Lần đầu tiên, QLRBV và CCR được luật hóa, tạo cơ sở để thúc đẩy nhanh việc triển khai trong thực tiễn.

Diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp: “Giải pháp phát triển vùng nguyên liệu gỗ phục vụ ngành công nghiệp chế biến, xuất khẩu”

TT	Tên văn bản, ngày ban hành	Nội dung liên quan đến QLRBV&CCR	Những mặt tích cực đối với QLRBV&CCR
11	Quyết định 1288/QĐ-TTg ngày 01/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án QLRBV và CCR	- Định hướng: Toàn bộ chủ rừng là tổ chức phải xây dựng PA QLRBV; giai đoạn 2018-2020 cấp CCR cho 300 nghìn ha và giai đoạn 2020-2030 cho 1 triệu ha rừng; - Thiết lập hệ thống CCR quốc gia; - Xây dựng mô hình QLRBV và cấp CCR ở các địa phương; - Đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực; - Tổng kinh phí thực hiện đề án: 1.269 tỷ đồng.	Là cơ sở pháp lý để Bộ NN&PTNT xây dựng, vận hành hệ thống CCR quốc gia. - Đã chỉ rõ định hướng về diện tích, nguồn kinh phí để thực hiện QLRBV&CCR.
12	Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 1/4/2021 của Thủ tướng CP phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Mục tiêu: Diện tích rừng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững đạt trên 0,5 triệu ha giai đoạn 2021 - 2025, trên 01 triệu ha giai đoạn 2026 - 2030.	Đã đặt ra mục tiêu và tốc độ cấp CCR cao hơn so với giai đoạn trước, trong đó đã chú ý nâng cấp chất lượng rừng tự nhiên.
13	Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025	Tổ chức quản lý, khai thác hiệu quả, bền vững đối với 100% diện tích rừng sản xuất là rừng trồng, trong đó diện tích rừng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững tăng tối thiểu có 500 nghìn ha so với năm 2020.	- Đề cập đến 100% diện tích rừng trồng sản xuất được quản lý, khai thác bền vững. - Đặt ra chỉ tiêu cụ thể diện tích cấp CCR đến năm 2025. - Là cơ sở để Chính phủ, Bộ NN&PTNT xây dựng chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững, trong đó có nội dung về đầu tư cho QLRBV&CCR.

Qua bảng trên cho thấy trong giai đoạn từ năm 2007 đến nay đã có 13 văn bản luật, chính sách được ban hành bởi Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành có liên quan đến QLRBV&CCR, trong đó có: 1 Luật, 1 Nghị quyết của Chính phủ, 7 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 3 Quyết định và 3 Thông tư ban hành bởi Bộ NN&PTNT. Trong các văn bản này, có 4 văn bản được ban hành riêng cho chủ đề QLRBV&CCR, gồm 1 Quyết định của Thủ tướng, 2 Quyết định và 1 Thông tư của Bộ NN&PTNT. Qua đó cho thấy trong thời gian qua, QLRBV&CCR là vấn đề được Chính phủ và Bộ NN&PTNT rất quan tâm. Các văn bản, chính sách, hướng dẫn về QLRBV&CCR đã ngày càng được hoàn thiện. Một số ưu điểm chính là:

- Đã xây dựng được hệ thống CCR của Việt Nam;
- Đã đặt ra các mục tiêu cụ thể về diện tích được cấp CCR để thực hiện;
- Đã quy định việc hỗ trợ cấp chứng chỉ rừng, ở mức 300.000 đồng/ha rừng;
- Đã yêu cầu tất cả chủ rừng là tổ chức phải xây dựng Phương án QLRBV;
- Đã luật hóa việc QLRBV&CCR trong Luật Lâm nghiệp 2017;
- Đã lồng ghép việc thực hiện QLRBV&CCR vào các chương trình, kế hoạch trọng điểm của ngành lâm nghiệp như Chiến lược phát triển ngành, Chương trình lâm nghiệp bền vững, Đề án tái cơ cấu ngành lâm nghiệp và chương trình hỗ trợ trồng rừng sản xuất,...

Tuy nhiên, các văn bản, chính sách này còn một số tồn tại cần tháo gỡ để thúc đẩy nhanh việc thực hiện QLRBV và cấp CCR ở nước ta:

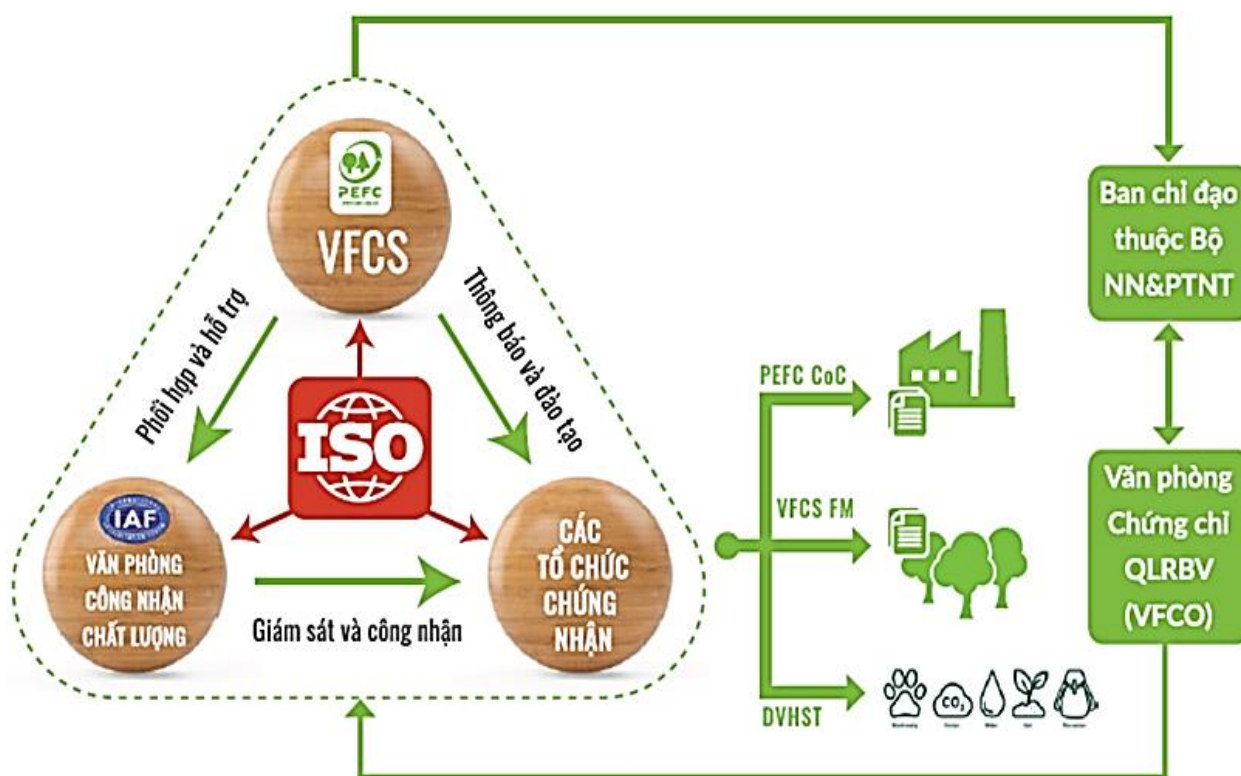
- Thiếu các hướng dẫn, chỉ rõ nguồn kinh phí ngân sách cụ thể để triển khai hỗ trợ cấp chứng chỉ (300.000 đồng/ha);
- Hiện tại diện tích được cấp CCR chủ yếu là của các doanh nghiệp, các HGD hiện quản lý khoảng 1,7 triệu ha rừng nhưng diện tích được cấp CCR còn rất thấp và có dư địa phát triển để tăng diện tích được cấp CCR. Tuy nhiên, các giải pháp mà các chương trình, đề án đưa ra chưa quan tâm đến vấn đề này, đặc biệt là các giải pháp để đẩy mạnh cấp CCR cho nhóm hộ gia đình;
- Mới chỉ dừng lại ở việc hỗ trợ tạo ra chứng chỉ, thiếu các giải pháp, hỗ trợ để tiếp thị, quảng bá chứng chỉ rừng đến các doanh nghiệp chế biến, thị trường trong nước và quốc tế. Vì vậy, trong thực tế xảy ra hiện tượng thừa, thiếu cục bộ gỗ được cấp CCR;
- Chưa gắn kết được QLRBV, CCR và chuỗi hành trình sản phẩm (CoC) với thực hiện các yêu cầu về gỗ hợp pháp ban hành theo Nghị định 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

III. HỆ THỐNG CHỨNG CHỈ RỪNG QUỐC GIA VFCS - SỰ TẮT YẾU KHÁCH QUAN

Xây dựng hệ thống chứng chỉ rừng phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, bối cảnh và quy định của từng quốc gia nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất khuyến khích sự tham gia của chủ rừng trong thực hiện quản lý rừng bền vững là nhu cầu tất yếu của ngành lâm nghiệp các nước trên thế giới. Hiện nay đã có 55 quốc gia tự xây dựng hệ thống chứng chỉ rừng của riêng mình, trong đó đã có 50 hệ thống chứng chỉ rừng của các quốc gia đã được Tổ chức chứng nhận chứng chỉ rừng quốc tế PEFC chứng thực, Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế tất yếu này.

Hệ thống Chứng chỉ rừng quốc gia (Vietnam Forest Certification Scheme, viết tắt là VFCS) được thiết lập trên cơ sở Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 1/10/2018 của

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng. Trong giai đoạn 2019-2021, Tổng cục Lâm nghiệp đóng vai trò là Cơ quan chứng chỉ rừng quốc gia (NGB) và Văn phòng Chứng chỉ quản lý rừng bền vững (VFCS) trực thuộc Tổng cục Lâm nghiệp. Trong giai đoạn này, Việt Nam đã trở thành thành viên thứ 51 của Chương trình Chứng nhận Chứng chỉ rừng Quốc tế (PEFC) ngày 30/5/2019 và VFCS chính thức được PEFC chứng thực ngày 29/10/2020. Tháng 10/2021, vai trò NGB được giao cho Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam (VAFS) và VFCS được chuyển giao về trực thuộc Viện theo các Quyết định số 3924/QĐ-BNN-TCCB và Quyết định số 3925/QĐ-BNN-TCCB ngày 04/10/2021 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT. VFCS bao gồm 3 cơ quan hoạt động độc lập: (i) Cơ quan chứng chỉ rừng quốc gia (NGB) là Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam; (ii) Tổ chức công nhận; (iii) Các tổ chức chứng nhận (CB).



Hình 1. Sơ đồ tổ chức Hệ thống Chứng chỉ rừng quốc gia

*** Cơ quan Chứng chỉ rừng Quốc gia (NGB)**

Cơ quan Chứng chỉ rừng Quốc gia (NGB) của VFCS là Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam theo Quyết định số 3924/QĐ-BNN-TCCB ngày 4/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 190/QĐ-BNN-TCLN ngày 11/01/2019 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT về giao nhiệm vụ quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng. Theo đó, Bộ NN&PTNT giao Viện Khoa học

Lâm nghiệp Việt Nam vận hành Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia. Để hỗ trợ việc vận hành hệ thống chứng chỉ rừng, Bộ NN&PTNT thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng giai đoạn 2021-2030 và Văn phòng Chứng chỉ Quản lý rừng bền vững.

Văn phòng Chứng chỉ Quản lý rừng bền vững (Vietnam Forest Certification Office, viết tắt là VFCO) là tổ chức thực hiện Hệ thống chứng chỉ rừng Quốc gia, được thành lập theo Quyết định 191/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/01/2019 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT. Theo Quyết định 3925/QĐ-BNN-TCCB ngày 04/10/2021 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định 191/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/01/2019, Văn phòng chứng chỉ Quản lý rừng bền vững được chuyển từ Tổng cục Lâm nghiệp sang Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam quản lý và là tổ chức có tư cách pháp nhân. VFCO là tổ chức thực hiện chứng chỉ rừng quốc gia, hoạt động dưới sự chỉ đạo và giám sát của Ban Chỉ đạo thực hiện Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng theo quy định của pháp luật. Cơ cấu tổ chức của VFCO bao gồm Ban giám đốc, Phòng Tổng hợp và Phòng Kỹ thuật. Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam với tư cách là cơ quan chứng chỉ rừng quốc gia đã ký hợp đồng quản trị hệ thống với PEFC, theo đó VFCS sẽ là đầu mối quản lý, cấp phép sử dụng nhãn PEFC, chỉ định tổ chức chứng nhận chứng chỉ chuỗi hành trình sản phẩm PEFC CoC tại Việt Nam.

Tổ chức công nhận trong hệ thống Chứng chỉ rừng quốc gia là Văn phòng công nhận chất lượng (BoA) thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ và các Tổ chức công nhận đã ký thỏa ước Công nhận lẫn nhau (Multilateral Recognition Arrangements - MLA) với Diễn đàn công nhận quốc tế (IAF). Các tổ chức công nhận đã đánh giá năng lực và Văn phòng Chứng chỉ quản lý rừng bền vững đã chỉ định 3 tổ chức quốc tế thực hiện đánh giá cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững VFCS/PEFC và Chứng chỉ chuỗi hành trình sản phẩm PEFC CoC cho 3 tổ chức là: SGS, BV và GFA.

Hiện tại, Văn phòng chứng chỉ quản lý rừng bền vững đang đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ cấp chứng chỉ rừng ở Việt Nam như: tuyên truyền quảng bá về quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng; đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho các bên liên quan; hỗ trợ kết nối thị trường quốc tế cho các sản phẩm có chứng chỉ VFCS/PEFC,... Tính đến tháng 8/2022, đã có 103.459 ha rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia VFCS.

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Kể từ khi chứng chỉ rừng đầu tiên được cấp vào năm 2007, tính đến tháng 8/2022 trên cả nước đã có 326.256 ha rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững, chiếm 8,8% diện tích rừng trồng sản xuất.

Bảng 2. Diện tích rừng được cấp chứng chỉ QLRBV

Nội dung	Theo hệ thống chứng chỉ rừng				Tổng	Tỷ lệ % so với tổng diện tích rừng trồng SX
	VFCS/PEFC	Tỷ lệ (%)	FSC	Tỷ lệ (%)		
Diện tích	103.459	32	222.797	68	326.256	8,8
Số lượng	15	22	52	78	67	

(Số liệu cập nhật tháng 8/2022 tại: <https://vfcs.org.vn/> và <https://fsc.org/>)

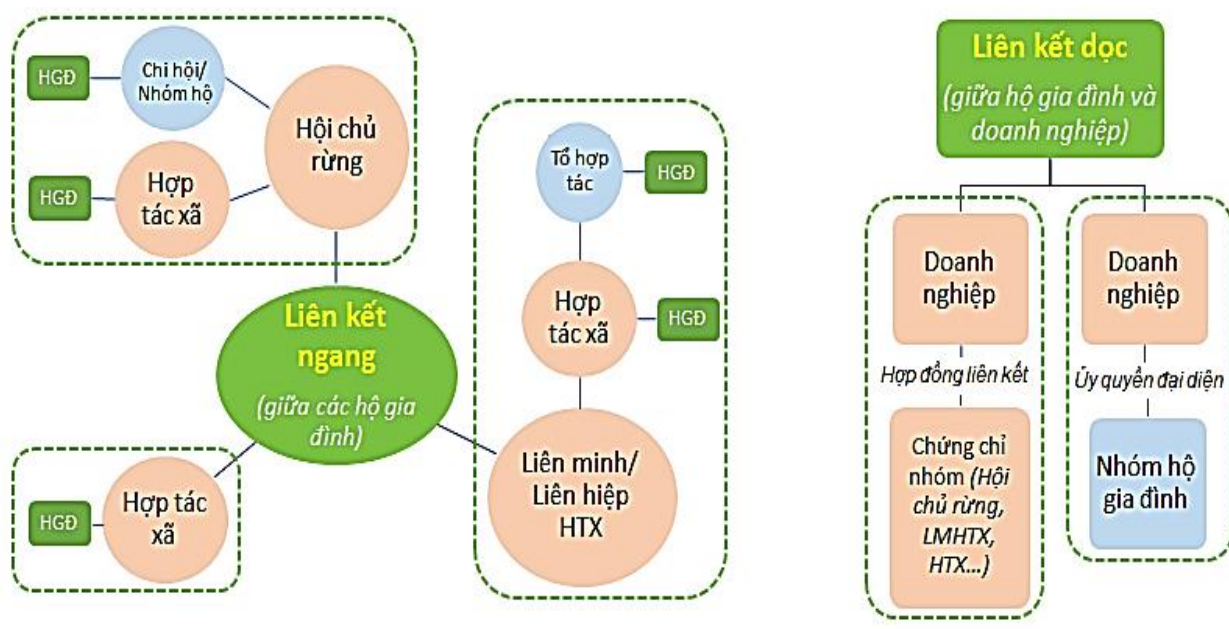
Mặc dù mới thành lập và đi vào hoạt động khoảng 3 năm, Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia đã cấp được chứng chỉ cho 103.459 ha, chiếm 32% tổng diện tích rừng được cấp chứng chỉ trên cả nước. Sự phát triển nhanh của VFCS được kỳ vọng sẽ góp phần quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu cấp chứng chỉ rừng cho 500.000 ha rừng năm 2025 và 1 triệu ha rừng năm 2030.

Hiện nay các HGĐ đang quản lý 1,8 triệu ha rừng trồng, chiếm 40% tổng diện tích rừng trồng trên cả nước. Vì vậy sự tham gia của HGĐ vào QLRBV và cấp CCR có ý nghĩa hết sức quan trọng. Thông qua sự hỗ trợ của các dự án và các doanh nghiệp, nhiều mô hình chứng chỉ nhóm hộ đã được triển khai ở các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Bắc Giang, Yên Bái, Bắc Kan, Tuyên Quang, Hà Giang,... Kết quả thống kê của Viện Nghiên cứu Lâm sinh năm 2021 cho thấy diện tích được cấp chứng chỉ cho nhóm hộ có sự giao động lớn, từ 734 - 11.142 ha (trung bình mỗi nhóm hộ quản lý khoảng 2.624 ha). Số lượng thành viên nhóm cũng có sự giao động lớn, từ 51- 4.387 thành viên (trung bình số thành viên của mỗi nhóm khoảng 632 thành viên). Các nhóm hộ phân bố rải rác trên nhiều tỉnh có rừng khắp cả nước, trong đó tập trung chủ yếu ở các tỉnh Tuyên Quang (5 nhóm), Thanh Hóa (4 nhóm), Hà Giang (3 nhóm) và Thừa Thiên Huế (3 nhóm). Để thực hiện chứng chỉ rừng theo nhóm hộ, ở nước ta đã hình thành 2 loại hình liên kết sau:

i) Liên kết ngang (giữa các hộ gia đình trồng rừng): Có thể thấy có 3 hình thức liên kết chính trên cơ sở các hộ gia đình liên kết với nhau hình thành nên các chủ thể có tư cách pháp nhân để cấp chứng chỉ rừng là (1) Hội chủ rừng là chủ thể với các thành viên là các hộ gia đình được tổ chức theo các nhóm hộ hoặc HTX; (2) Liên minh hoặc liên hiệp Hợp tác xã là chủ thể với các thành viên là các hộ gia đình được tổ chức theo các HTX hoặc THT; và (3) Hợp tác xã là chủ thể với các thành viên là các hộ gia đình là thành viên hoặc tổ chức theo các tổ hợp tác.

ii) Liên kết dọc (giữa hộ gia đình với doanh nghiệp trong thực hiện QLRBV và cấp CCR và tiêu thụ sản phẩm), có 2 hình thức là: (1) Các hộ gia đình thành lập chủ thể nhóm có tư cách pháp nhân (Hội chủ rừng, Liên minh/Liên hiệp HTX và HTX) và ký hợp đồng

với doanh nghiệp trong việc cấp chứng chỉ rừng và thu mua sản phẩm và (2) Các hộ gia đình thành lập các nhóm không có tư cách pháp nhân và ủy quyền cho các doanh nghiệp đứng ra là chủ thể nhóm, đồng thời ký hợp đồng trực tiếp với doanh nghiệp trong việc cấp chứng chỉ rừng và thu mua sản phẩm.



Hình 2. Sơ đồ các hình thức liên kết phổ biến giữa các hộ gia đình và doanh nghiệp trong thực hiện QLRBV và CCR ở Việt Nam

(Nguồn: Trần Lâm Đồng và cộng sự, 2021)

Theo yêu cầu của bộ tiêu chuẩn quản lý rừng theo nhóm của cả Hệ thống FSC hay VFCS/PEFC, một điều kiện tiên quyết để được cấp chứng chỉ rừng nhóm là nhóm phải có một chủ thể có tư cách pháp nhân làm đại diện. Theo Viện Nghiên cứu Lâm sinh (2021) mô hình cấp CCR theo nhóm hộ gia đình ở Việt Nam có thể phân thành 4 mô hình liên kết chính như sau: (1) Hội chủ rừng đại diện cho các hộ gia đình làm chủ thể nhóm và ký hợp đồng với doanh nghiệp (3/26 nhóm, chiếm 12%); (2) Doanh nghiệp đại diện làm chủ thể nhóm liên kết trực tiếp với các hộ gia đình (có 16/26 nhóm, chiếm 62%); (3) Hợp tác xã/liên hiệp HTX/liên minh HTX đại diện làm chủ thể nhóm và ký hợp đồng với doanh nghiệp (5/26 nhóm, chiếm 19%); và (4) Cơ quan/tổ chức đại diện là chủ thể nhóm (như trung tâm nghiên cứu hoặc chi cục kiểm lâm tỉnh) ký hợp đồng với doanh nghiệp (2/26 nhóm, chiếm 8%). Trong các mô hình này, mô hình doanh nghiệp làm chủ thể nhóm chiếm đa số, trong khi đó mô hình HTX làm chủ thể nhóm rất có tiềm năng nhưng chưa được đẩy mạnh.

Điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức của HGĐ khi tham gia thực hiện chứng chỉ rừng được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 3. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của chủ rừng nhỏ khi thực hiện QLRBV và cấp CCR

Điểm mạnh: - Có diện tích rừng và đất rừng ổn định và có hồ sơ tương đối rõ ràng và chính xác. - Tự chủ động thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. - Người dân gắn bó với nghề trồng rừng và mong muốn được sản xuất, kinh doanh lâu dài. - Các hộ trồng rừng đã có một số kinh nghiệm trong trồng rừng. - Có thị trường tiêu thụ gỗ tương đối ổn định. - Được các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan hỗ trợ. - Lực lượng lao động của hộ gia đình dồi dào, ít phải thuê mướn bên ngoài.	Cơ hội: - Nhu cầu gỗ nguyên liệu ngày một tăng, ngành chế biến và xuất khẩu gỗ của Việt Nam có những bước tiến vượt bậc. - Đã có nhiều tiến bộ kỹ thuật trong quản lý rừng trồng được công bố, đặc biệt các nghiên cứu về các loài cây trồng phổ biến như Keo, Bạch đàn. - Có chính sách của Nhà nước hỗ trợ để sản xuất kinh doanh rừng trồng bền vững. - Có các tổ chức quốc tế quan tâm đến QLRBV ở Việt Nam. - QLRBV và CCR được xác định là một trong những mục tiêu xuyên suốt, là “cánh cửa” dẫn tới các thị trường lớn, tiềm năng.
Điểm yếu: - Diện tích đất lâm nghiệp của các hộ chênh lệch, phân tán, nhỏ lẻ. - Các chủ rừng nhỏ chưa có phương án QLRBV nên việc xác định các kế hoạch quản lý còn mang tính tự phát. - Công tác trồng rừng còn mang tính tự phát. - Người dân chưa được tập huấn một cách bài bản về quản lý rừng trồng. - Áp dụng các biện pháp nâng cao năng suất rừng trồng còn hạn chế. - Chưa chú ý đến hạch toán kinh tế trong kinh doanh rừng trồng. - Chưa nắm rõ được các tiêu chuẩn QLRBV. - Các biện pháp an toàn lao động, sử dụng hóa chất hợp lý ít khi được quan tâm.	Thách thức: - Chưa có tổ chức nhóm đại diện cho chủ rừng nhỏ để thực hiện QLRBV và cấp CCR. - Thiếu các quy trình kỹ thuật hướng dẫn thực hiện QLRBV và cấp CCR phù hợp cho đối tượng chủ rừng nhỏ. - Thiếu trình độ năng lực về QLRBV và CCR của chủ rừng nhỏ. Trong khi QLRBV và CCR đòi hỏi phải có người có chuyên môn sâu về lâm nghiệp để có thể hướng dẫn chủ rừng nhỏ thực hiện. - Tỷ lệ các hộ dân canh tác rừng trồng tại hai tỉnh nghiên cứu chưa có giấy tờ chứng nhận quyền sử dụng đất ở mức cao. - Diện tích, hình dạng, vị trí của nhiều lô rừng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sai lệch giữa thực tế và trên sổ sách. - Một số hộ có nhiều diện tích trồng rừng nhưng rất phân tán, khó cho QLRBV sau này. - Thị trường gỗ nguyên liệu còn phụ thuộc nhiều vào thị trường quốc tế.

(Nguồn: Trần Lâm Đồng và cộng sự, 2021)

- Về cơ bản, trong quản lý rừng trồng của các Hộ gia đình có nhiều thuận lợi, như: Tính pháp lý về sở hữu rừng và đất lâm nghiệp của các hộ gia đình được đảm bảo, nhu cầu gỗ nguyên liệu trong và ngoài nước ngày một tăng và các hộ trồng rừng đã bước đầu gắn bó với nghề trồng rừng.

- Những khó khăn gặp phải: Kiến thức và kỹ năng trong quản lý rừng trồng bền vững của các hộ gia đình còn hạn chế, diện tích đất lâm nghiệp của một số hộ gia đình còn ít và phân tán.

- Những điểm thực hiện hiện tốt trong quản lý rừng của các Hộ gia đình trồng rừng chủ yếu thuộc các tiêu chí đã được pháp luật thừa nhận, được tập huấn, được phổ biến và giải quyết mối quan hệ xã hội trong quản lý rừng.

- Những điểm thực hiện kém và rất kém, chủ yếu là các hộ chưa nhận thức được lợi ích của việc thực hiện các tiêu chí đó, như: lập kế hoạch sản xuất, trồng rừng đa mục tiêu và đào tạo cho những người lao động thuê khoán trồng rừng.

- Một số tiêu chí các hộ gia đình đã thực hiện được một cách ngẫu nhiên có lợi cho quản lý rừng, như: Đã gây trồng được một số cây bản địa, không có động vật quý hiếm trong khu vực hay đất trồng rừng chủ yếu là đất chưa có rừng...

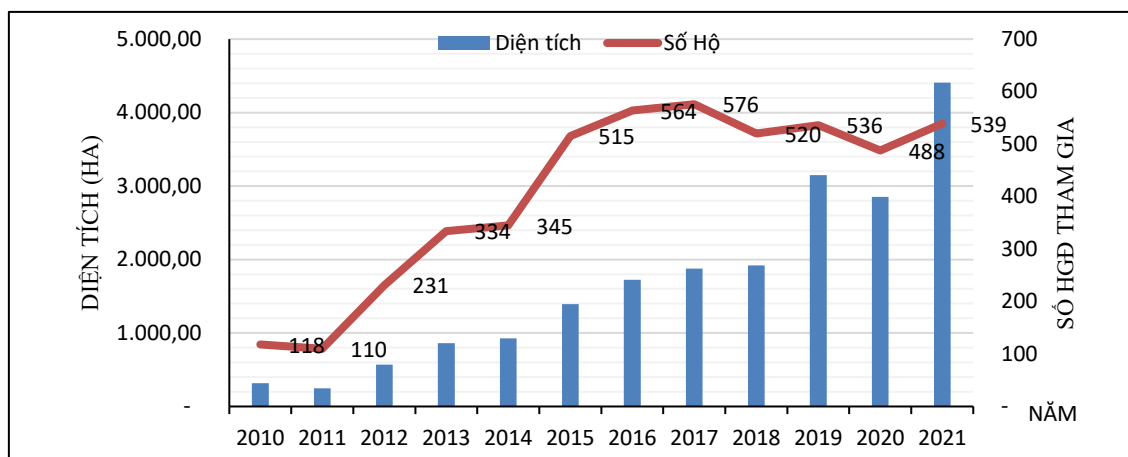
V. KẾT QUẢ THỰC HIỆN TẠI VÙNG NGUYÊN LIỆU (TỈNH QUẢNG TRỊ)

Việc triển khai thực hiện QLRBV và cấp CCR cũng được nhiều địa phương đẩy mạnh. Riêng tỉnh Quảng Trị đã ban hành 7 văn bản có liên quan đến triển khai QLRBV và CCR trên địa bàn tỉnh, bao gồm 2 Nghị quyết của HĐND tỉnh và 7 Quyết định của UBND tỉnh, trong đó 4 Quyết định liên quan đến Hội các nhóm hộ có CCR Quảng Trị.

Bảng 4. Chính sách liên quan đến QLRBV và CCR ban hành bởi tỉnh Quảng Trị

TT	Tên Văn bản, ngày ban hành	Nội dung liên quan đến QLRBV&CCR
1	Nghị quyết số 19/2012/NQ-HĐND ngày 17/8/2012 của HĐND tỉnh Quảng Trị về quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011 - 2020 của tỉnh Quảng Trị	- Chủ trương diện tích được cấp chứng chỉ rừng bền vững: khoảng 42.000 ha.
2	QĐ 1817/QĐ-UBND ngày 9/10/2013 phê duyệt kế hoạch hành động thực hiện đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững	- Đến năm 2020, diện tích được cấp chứng chỉ rừng bền vững khoảng 42.000 ha.
3	Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 23/5/2017 của HĐND tỉnh Quảng Trị về hỗ trợ phát triển một số cây trồng, con nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025	- Mục tiêu: Tăng diện tích rừng có chứng chỉ lên 42.000 ha và phần đầu đạt 20-25% diện tích rừng trồng kinh doanh gỗ lớn vào năm 2020.
4	QĐ 3570/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị Phê duyệt đề án phát triển rừng trồng kinh doanh gỗ lớn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2019-2025, định hướng đến năm 2030	- Hỗ trợ cấp chứng chỉ cho rừng trồng: đến năm 2025 có 7.889 ha rừng trồng gỗ lớn được cấp CCR mới. - Định hướng đến năm 2030 có khoảng 80-90% diện tích rừng trồng sản xuất gỗ lớn được cấp CCR.
5	QĐ số 715/QĐ-UBND ngày 21/4/2014, UBND tỉnh Quảng Trị cho phép thành lập Hội các nhóm hộ có chứng chỉ rừng tỉnh Quảng Trị	Cho phép thành lập Hội các nhóm hộ có chứng chỉ rừng tỉnh Quảng Trị để hỗ trợ cá HGD thực hiện QLRBV và xin cấp CCR.
6	Quyết định số 2088/QĐ-UBND ngày 1/10/2014 Công nhận Ban chấp hành, Ban thường vụ Hội các nhóm hộ có CCR Quảng Trị nhiệm kỳ 2014-2019; QĐ 507/QĐ-UBND ngày 25/2/2020 công nhận kết quả bầu BCH, Ban thường trực và ban kiểm tra Hội giai đoạn 2019-2024.	Công nhận Ban chấp hành, các ban lãnh đạo của Hội.
7	Quyết định số 2090/QĐ-UBND ngày 1/10/2014 phê duyệt Điều lệ hội các nhóm hộ có chứng chỉ rừng Quảng Trị lần thứ I, nhiệm kỳ 2014-2019	Phê duyệt điều lệ hội, là cơ sở để hội hoạt động theo quy định của pháp luật.

Qua đây có thể thấy: i) Tỉnh Quảng Trị rất quan tâm đến triển khai QLRBV và CCR; đã đặt ra mục tiêu về diện tích đạt CCR từ khá sớm để có kế hoạch thực hiện; ii) Là tỉnh đi đầu trong hỗ trợ triển khai CCR theo nhóm hộ theo mô hình Hội với sự vào cuộc và hỗ trợ mạnh mẽ từ hệ thống chính trị của tỉnh. Kết quả đã có 3/3 công ty lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh được cấp chứng chỉ rừng. Bên cạnh đó chứng chỉ rừng cho nhóm hộ đầu tiên trên cả nước cũng được cấp cho nhóm hộ tại tỉnh Quảng Trị. Diễn biến diện tích và thành viên của nhóm hộ này được trình bày ở biểu đồ sau:



Hình 3. Diễn biến diện tích và số HGD tham gia Hội các nhóm hộ có CCR tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2010-2021

(Nguồn: Tổng hợp từ các báo cáo đánh giá của GFA, truy cập tại <https://info.fsc.org/> ngày 12/11/2021)

Số HGD tham gia và diện tích được cấp CCR của nhóm đã tăng lên từ khi mới thành lập năm 2010 với 118 HGD và 316,1 ha. Diện tích và số lượng HGD tăng đều trong giai đoạn 2010-2018 và tăng đột biến lên 3.147,06 ha với 536 HGD tham gia. Tuy nhiên, đến năm 2020 lại giảm xuống còn 488 HGD với 2.853,91 ha. Sau đợt đánh giá năm 2021 (tháng 11/2021), diện tích này tăng lên 4.407,03 ha với 539 HGD tham gia. Các HGD xin ra khỏi nhóm do khai thác rừng sớm, gặp khó khăn về kinh tế. Việc tăng đột biến và sau đó lại giảm đã phản ánh sự chưa bền vững về quy mô nhóm (diện tích, số HGD). Điều này cũng phần nào cho thấy các chính sách liên quan đến QLRBV và CCR của tỉnh vẫn chưa thực sự hỗ trợ cho các HGD được nhiều. Mặc dù đã có nhiều diện tích được cấp CCR nhưng để duy trì và gia tăng số lượng HGD tham gia thì cần có sự hỗ trợ về vốn, tín dụng từ chính quyền địa phương cũng như sự hỗ trợ mạnh mẽ theo chuỗi liên kết từ các doanh nghiệp chế biến gỗ.

VI. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN RỪNG TRỒNG CÓ CHỨNG CHỈ CHO VÙNG NGUYÊN LIỆU

- Đề xuất một số định hướng sửa đổi các chính sách và giải pháp thúc đẩy QLRBV và cấp CCR

Dựa trên các kết quả rà soát và đánh giá thực hiện, bước đầu đề xuất định hướng sửa đổi các chính sách và giải pháp thúc đẩy QLRBV và cấp CCR cho vùng nguyên liệu như sau:

Bảng 5. Đề xuất định hướng sửa đổi chính sách và giải pháp thúc đẩy QLRBV&CCR

Các rào cản	Các lựa chọn chính sách	Các khuyến nghị và giải pháp	Trách nhiệm thực hiện
Thiếu kinh phí cho chủ rừng để thực hiện QLRBV&CCR	Hỗ trợ kinh phí cấp CCR	Triển khai hỗ trợ kinh phí cấp CCR quy định tại QĐ 1288/QĐ-TTg: - Quy định nguồn vốn hỗ trợ cụ thể cho từng tỉnh trên cơ sở nhu cầu thực hiện của các chủ rừng; - Xây dựng và ban hành hướng dẫn sử dụng kinh phí hỗ trợ áp dụng chung cho cả nước.	Bộ NN&PTNT; TCLN; Sở NN&PTNT các tỉnh
	Huy động các nguồn kinh phí khác hỗ trợ chủ rừng	Có giải pháp, cơ chế khuyến khích liên kết giữa doanh nghiệp chế biến gỗ và chủ rừng; khuyến khích, ưu tiên, ưu đãi cho các doanh nghiệp chế biến gỗ đầu tư thực hiện CCR.	Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ NN&PTNT, các doanh nghiệp chế biến gỗ, chủ rừng
Thị trường và giá gỗ có CCR không ổn định	Hỗ trợ thông tin thị trường gỗ có CCR	- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, sàn giao dịch về gỗ có CCR để kết nối giữa doanh nghiệp chế biến với các chủ rừng có CCR. - Hỗ trợ, tiếp thị và quảng bá chứng chỉ rừng ở thị trường trong nước và quốc tế. - Gắn CCR, chứng chỉ chuỗi hành trình sản phẩm với Nghị định 102/2020/NĐ-CP về gỗ hợp pháp.	Chính phủ, Bộ NN&PTNT, TCLN, các chủ rừng và doanh nghiệp chế biến gỗ
Thiếu năng lực thực hiện QLRBV&CCR	Tăng cường năng lực cho chủ rừng liên quan đến QLRBV&CCR	- Xây dựng các chương trình đào tạo online để chủ rừng dễ dàng tiếp cận. - Gắn tuyên truyền, đào tạo về QLRV&CCR với hoạt động khuyến lâm. - Đào tạo đội ngũ cán bộ, chuyên gia về QLRBV&CCR cho từng địa phương.	TCLN, Sở NN&PTNT các tỉnh, TTKNQ, VP CCR
Chi phí thực hiện CCR cao	Giảm chi phí tư vấn và chi phí đánh giá cấp chứng chỉ	- Nâng cao năng lực cho chủ rừng để tự thực hiện một số bước trong chuẩn bị hồ sơ cấp CCR. - Đa dạng hóa các tổ chức đánh giá cấp CCR để tạo tính cạnh tranh về giá thành.	TCLN, Sở NN&PTNT các tỉnh, TTKNQ, VP CCR, chủ rừng, các tổ chức đánh giá cấp CCR
Thách thức về vốn, kỹ thuật, năng lực và đầu ra thị trường đối với HGD khi thực hiện QLRV&CCR	Xây dựng mô hình CCR theo nhóm hộ	- Thúc đẩy mô hình HTX, Tổ hợp tác để liên kết các HGD thực hiện CCR. - Thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp với HGD thông qua HTX để hỗ trợ triển khai và bao tiêu sản phẩm CCR cho HGD.	Bộ NN&PTNT, TCLN, các doanh nghiệp chế biến; Hội chủ rừng các tỉnh

- Đề xuất mô hình liên kết HGD để cấp chứng chỉ cho vùng nguyên liệu

Tại vùng nguyên liệu, địa phương phát triển rừng trồng có chứng chỉ chủ yếu là diện tích rừng trồng do các hộ gia đình quản lý. Vì vậy tìm ra mô hình liên kết HGD để phát triển rừng trồng có chứng chỉ là giải pháp quan trọng. Để xây dựng một mô hình liên kết thực hiện chứng chỉ nhóm hiệu quả cần căn cứ trên 4 yếu tố chính: (1) Tư cách pháp nhân của chủ thể nhóm; (2) Mối liên kết chặt chẽ và bền vững trong nội bộ nhóm (liên kết ngang)

và các đối tác bên ngoài nhóm (liên kết dọc); (3) Cơ chế quản lý tài chính phù hợp để phát triển sản xuất kinh doanh và duy trì hoạt động của nhóm; (4) Khả năng phát triển nhóm. Đặc biệt, đối với mỗi mô hình liên kết cần phải có một hình thức tổ chức quản lý nhóm tốt dựa trên 3 yếu tố chính: (1) Tính chặt chẽ về tổ chức; (2) Có cơ chế giám sát đánh giá nội bộ tốt; và (3) Có cơ chế quản lý chất lượng tốt.

Mỗi mô hình liên kết đều có những ưu nhược điểm. Tuy nhiên, để phù hợp với yêu cầu của QLRBV và cấp CCR, điều kiện sản xuất lâm nghiệp hiện tại của Việt Nam và đặc biệt hướng tới tính bền vững và khả năng phát triển trong tương lai, mô hình liên kết ngang phù hợp nhất được xác định là liên kết chủ rừng thành HTX. Đây là hình thức liên kết có sự chặt chẽ về tổ chức, tư cách pháp nhân và hoạt động theo mô hình doanh nghiệp. Việc liên kết các HTX thành nhóm lớn cũng có thể được thực hiện dễ dàng thông qua các chủ thể lớn như Liên minh HTX, Liên hiệp HTX hoặc Hội chủ rừng. Tuy nhiên, do những yêu cầu phức tạp về việc thành lập cũng như một số hạn chế trong hoạt động của Hội chủ rừng nên Liên minh HTX có nhiều điểm thuận lợi, nhất là về mặt tổ chức, các nguồn lực sẵn có. Mô hình này cũng dễ dàng mở rộng thành viên theo hình thức kết nạp thêm thành viên là chủ rừng vào HTX, hình thành THT hoặc nhóm lớn như Liên minh HTX hoặc Liên hiệp HTX kết nạp thêm các HTX. Điều này sẽ giúp giảm chi phí cho thực hiện chứng chỉ rừng khi quy mô nhóm lớn.

Đối với mô hình liên kết dọc, việc liên kết với các doanh nghiệp theo hình thức ký hợp đồng hợp tác giữa chủ thể nhóm với doanh nghiệp cũng phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp và chủ rừng, do đem lại lợi ích của cả hai bên. Tùy theo nhu cầu mỗi bên để xác định các nội dung hợp tác cho phù hợp. Thông thường, các doanh nghiệp mong muốn được có tên trong chứng chỉ để minh chứng với khách hàng của mình về vùng nguyên liệu ổn định. Để có được điều đó đồng thời được thu mua gỗ có chứng chỉ doanh nghiệp phải cam kết chi phí cho việc cấp và duy trì chứng chỉ. Một số doanh nghiệp còn cam kết một số hỗ trợ khác như hỗ trợ tài chính để chủ rừng kéo dài chu kỳ kinh doanh, hỗ trợ cây giống chất lượng tốt... Hình thức liên kết này khác với hình thức doanh nghiệp là chủ thể nhóm ở chỗ, khi doanh nghiệp không có nhu cầu hợp tác thì chủ rừng vẫn có thể duy trì được chứng chỉ và tìm đơn vị hợp tác khác.

VII. KẾT LUẬN

QLRBV&CCR là nội dung quan trọng được Chính phủ và Bộ NN&PTNT đặc biệt quan tâm trong thời gian gần đây. Đã có 13 văn bản ban hành bởi các cơ quan ở cấp Trung ương như Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ NN&PTNT có liên quan đến QLRBV&CCR. Trong đó có 3 văn bản ban hành riêng cho chủ đề QLRBV&CCR, bao gồm 1 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Các văn bản, chính sách này đã ngày càng hoàn thiện các cơ chế, chính sách để thúc đẩy QLRBV và cấp CCR ở nước ta như xây dựng

hệ thống CCR quốc gia được quốc tế công nhận, đặt ra các mục tiêu cụ thể về diện tích được cấp CCR để thực hiện; huy động các nguồn vốn từ các chương trình khác nhau để hỗ trợ QLRBV và cấp CCR; hỗ trợ 300 nghìn đồng/ha rừng được cấp CCR; đào tạo, nâng cao năng lực về QLRBV&CCR cũng như xây dựng các mô hình trong thực tiễn. Hiện nay trên cả nước có 326.256 ha rừng được cấp chứng chỉ cho 67 chủ rừng và nhóm chủ rừng, chiếm 8,8% tổng diện tích rừng trồng sản xuất. Chủ rừng là HGĐ hiện đang quản lý 1,8 triệu ha rừng trồng, vì vậy đây là diện tích tiềm năng lớn cần được quan tâm để thúc đẩy cấp chứng chỉ cho rừng trồng tại vùng nguyên liệu thông qua xây dựng các mô hình liên kết và triển khai các chính sách hỗ trợ, thúc đẩy.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Lâm Đồng và *cộng sự*, 2021. Báo cáo đánh giá và đề xuất các mô hình liên kết chủ rừng nhỏ thực hiện quản lý rừng bền vững theo các tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững quốc gia.
2. Trần Lâm Đồng và *cộng sự*, 2021. Thực trạng quản lý rừng của chủ rừng nhỏ, những khó khăn, thách thức và giải pháp trong thực hiện quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng.
3. Nguyễn Hoàng Tiệp, Võ Đại Hải, 2021. Phân tích các chính sách liên quan đến quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng, trường hợp nghiên cứu điển ở tỉnh Quảng Trị. Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam, số 6/2021.
4. Vũ Tấn Phương, Trần Lâm Đồng, 2017. Giải pháp thúc đẩy quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng ở Việt Nam. Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam, số đặc biệt 2017./.

VĂN PHÒNG CHỨNG CHỈ QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN RỪNG TRỒNG GỖ LỚN GẮN VỚI THỰC HIỆN CHỨNG CHỈ FSC PHỤC VỤ CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ

Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Trị

Quảng Trị là một tỉnh thuộc khu vực Bắc Trung Bộ có diện tích đất quy hoạch cho lâm nghiệp là 285.878 ha, diện tích rừng trồng sản xuất (bao gồm cả rừng ngoài ba loại rừng) là: 121.415 ha. Trong những năm qua, phong trào trồng rừng sản xuất đã và đang phát triển rộng khắp, bước đầu giải quyết việc làm tại chỗ cho hàng vạn lao động nông thôn, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người làm nghề rừng. Xác định thế mạnh về điều kiện tự nhiên, đất đai, nguồn lao động và thị trường, ngành Nông nghiệp và PTNT đang định hướng phát triển rừng trồng theo hướng thâm canh, kinh doanh rừng với luân kỳ dài để sản xuất gỗ lớn nhằm cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghệ chế biến gỗ xuất khẩu, tạo giá trị gia tăng cho sản phẩm gỗ rừng trồng.

Cùng với các chính sách của Trung ương, từ năm 2016 đến nay, tỉnh Quảng Trị đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách, hợp tác với các tổ chức quốc tế nhằm tập trung phát triển vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng, phát triển rừng kinh tế, đẩy mạnh trồng rừng thâm canh theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng góp phần khai thác có hiệu quả tiềm năng đất đai. Với sự vào cuộc quyết liệt của cơ quan chuyên môn, các chủ rừng, người dân và chính quyền địa phương trên địa bàn để triển khai các hoạt động phát triển rừng, đặc biệt chú trọng đến phát triển rừng trồng gỗ nguyên liệu. Kết quả trồng rừng của giai đoạn 2016 - 2020 đạt được đạt: 40.779 ha rừng trồng tập trung; trong đó, trồng rừng sản xuất cung cấp gỗ nguyên liệu: 39.026 ha. Ngoài ra, trong giai đoạn từ năm 2016 - 2020 địa bàn còn trồng khoảng 12,7 triệu cây phân tán các loại trên địa bàn. Đối với năm 2021, diện tích rừng trồng tập trung đạt toàn tỉnh đạt 10.455 ha, cây phân tán đạt 3,12 triệu cây.

Đặc biệt, tỉnh Quảng Trị đã thực hiện thành công nhiều mô hình chuyển đổi trồng rừng gỗ dăm sang mô hình trồng rừng kinh doanh gỗ lớn có chứng chỉ quản lý rừng bền vững (chứng chỉ FSC). Nhờ vậy, Quảng Trị được đánh giá là một trong những tỉnh đầu tiên tại Việt Nam được cấp chứng nhận quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC cho các tổ chức, mô hình nhóm hộ gia đình. Đến nay, toàn tỉnh đã có 23.429 ha rừng trồng Keo được cấp chứng chỉ FSC. Bên cạnh đó tỉnh đã thiết lập được chuỗi liên kết tiêu thụ gỗ rừng trồng có chứng chỉ FSC với các doanh nghiệp có chứng chỉ CoC như: Công ty Chế biến gỗ Thu Hằng, Công ty Nguyên Phong, Công ty Thương mại Quảng Trị, Công ty Scansia Pacific ký cam kết bao tiêu toàn bộ sản lượng gỗ có chứng chỉ của Hội FSC Quảng Trị nói chung và các Hợp tác xã nói riêng với giá cao hơn với so với giá gỗ không có chứng chỉ từ 10-12%.

Trong giai đoạn này, tỉnh Quảng Trị cũng đã xây dựng Đề án nâng cao chất lượng, phát triển giống cây trồng Lâm nghiệp (*Quyết định số 3166/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Trị*). Qua đó, cho thấy cho thấy công tác quản lý giống và chất lượng cây giống trong trồng rừng trên địa bàn tỉnh thường xuyên được quan tâm và chú trọng đúng mức; trên địa bàn đã thường xuyên quan tâm hướng dẫn người dân trong việc chọn giống sản xuất cây trồng lâm nghiệp chất lượng cao; đặc biệt kiên quyết loại bỏ các vườn giống kém chất lượng, thoái hóa, già cỗi, năng suất thấp; xóa bỏ các cơ sở kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp không rõ nguồn gốc, các vườn ươm không chứng minh được nguồn cây mẹ lấy giống; tuyên truyền vận động, tập huấn nâng cao ý thức cho người dân trong việc đưa vào sản xuất các giống có năng suất, chất lượng cao, phù hợp với mục đích sản xuất, kinh doanh rừng trồng và sử dụng nguồn giống để trồng rừng. Hàng năm, các cơ sở sản xuất giống cung cấp khoảng 18 - 20 triệu cây con cho trồng rừng trên địa bàn tỉnh, trong đó chọn được những loài cây trồng lâm nghiệp phù hợp với điều kiện sinh thái của địa phương, gồm các giống Keo lai các dòng BV10; BV16; BV32, BV33, BV73, BV75, TB1, TB7, TB11, AH1, AH7,... nhằm góp phần tăng năng suất và nâng cao chất lượng rừng trồng sản xuất. Những năm gần đây, nhờ vào việc chú trọng đến nguồn gốc, chất lượng giống và áp dụng kỹ thuật canh tác tiên bộ trong kinh doanh phát triển rừng trồng trên địa bàn nên chất lượng rừng trồng nguyên liệu ngày càng được cải thiện tốt, qua đánh giá năng suất bình quân đã đạt từ 20 m³/ha/năm trở lên.

Ngoài ra, nhằm nâng cao chất lượng rừng để đạt sản lượng gỗ thương phẩm bằng 80% trữ lượng, trong đó 40% gỗ lớn và 60% gỗ nhỏ, khuyến khích các địa phương, chủ rừng chuyển đổi dần phương thức trồng rừng từ cung cấp nguyên liệu dăm gỗ sang kinh doanh gỗ lớn, với chu kỳ trên 10 năm, để nâng cao tỷ lệ gỗ xẻ có đường kính ≥ 15 cm, đạt 50 - 60%/ha, cung cấp nguyên liệu gỗ cho chế biến xuất khẩu, hạn chế trồng rừng kinh doanh nguyên liệu dăm. Thời gian qua, tỉnh Quảng Trị đã phối hợp với Tổng cục Lâm nghiệp, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia xây dựng thành công nhiều mô hình trồng rừng gỗ lớn và chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang gỗ lớn; các mô hình được Tổng cục Lâm nghiệp đánh giá cao về tính thiết thực và hiệu quả của mô hình, là nơi trình diễn mô hình để tập huấn, tổ chức hội thảo đầu bờ và chia sẻ kinh nghiệm cho các hộ gia đình trong và ngoài tỉnh đến thăm quan. Với mục tiêu hình thành vùng kinh doanh rừng gỗ lớn có năng suất, chất lượng cao nhằm nâng cao giá trị sản xuất, kinh doanh rừng trồng, gắn kết theo chuỗi từ trồng rừng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, tỉnh Quảng Trị đã xây dựng Đề án phát triển rừng trồng kinh doanh gỗ lớn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2019-2025, định hướng đến năm 2030 (*Quyết định số 3570/UBND-NN ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị*) hình thành và phát triển vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng có năng suất, chất lượng cao để đưa tỉnh Quảng Trị trở thành trung tâm cung cấp nguyên liệu, chế biến gỗ rừng trồng của khu vực miền Trung nhằm nâng cao giá trị sản xuất, kinh doanh rừng trồng; gắn kết theo chuỗi từ trồng rừng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm để gia tăng giá trị lâm sản hàng hóa; góp phần thực hiện thành công đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao năng suất,

chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới.

Đề tiếp tục thực hiện các đề án về phát triển vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng (trồng rừng gỗ lớn, chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang kinh doanh gỗ lớn được cấp chứng chỉ FSC) tỉnh Quảng Trị định hướng trong giai đoạn 2021-2025, diện tích rừng trồng được cấp chứng chỉ từ 26.000-28.000 ha, đến năm 2030 là khoảng 30.000 ha. Do đó để thực hiện tốt nhiệm vụ này, tỉnh Quảng Trị đã đề ra một số giải pháp, chính sách như sau:

(1) Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng như phát thanh, truyền hình, internet, báo chí, tập san chuyên ngành bằng cách đưa các thông tin liên quan đến hiệu quả của phát triển rừng, trồng gỗ lớn, phát triển vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng có chứng chỉ FSC khuyến cáo chủ rừng sử dụng nguồn giống có năng suất, chất lượng trong trồng rừng.

(2) Nhân rộng và phát triển các mô hình liên kết sản xuất với mục tiêu gắn kết chặt chẽ sản xuất với thị trường; tăng cường vận động tuyên truyền và nhân rộng các mô hình liên kết sản xuất theo hình thức liên doanh, liên kết, từng bước hình thành vùng sản xuất nguyên liệu gỗ rừng trồng tập trung có quy mô diện tích lớn để tạo điều kiện thuận tiện cho hoạt động đầu tư cơ sở hạ tầng, chế biến, thực hiện quản lý rừng bền vững, đánh giá cấp chứng chỉ rừng FSC.

(3) Khuyến khích thị trường trong tỉnh, quảng bá sản phẩm, mở rộng trọng tâm liên kết với các vùng động lực trong nước, phát triển các hợp tác xã sản xuất đồ mộc dân dụng, thủ công mỹ nghệ và tham gia chuỗi liên kết sản xuất với các cơ sở chế biến. Hỗ trợ một số doanh nghiệp xuất khẩu gỗ và đồ gỗ tham gia các hội chợ quốc tế, đẩy mạnh sản xuất theo hướng tinh, sâu phục vụ xuất khẩu, đáp ứng thị trường khu vực và xuất khẩu sang EU, Mỹ...

(4) Huy động và gắn kết các nguồn lực, lồng ghép các chương trình, dự án, đề án để nâng cao hiệu quả trong công tác phát triển rừng và vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng có chứng chỉ FSC.

(5) Tổng kết và chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật về thâm canh rừng gỗ lớn, mô hình có hiệu quả. Đưa vào sử dụng những giống mới (các loài Keo) có năng suất cao, chất lượng gỗ tốt, có sức chống chịu, thích ứng với các điều kiện bất lợi của thời tiết cho công tác trồng rừng. Đẩy mạnh hoạt động của hệ thống khuyến lâm, nhất là khuyến lâm cơ sở để chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật thâm canh rừng gỗ lớn đến các chủ rừng.

(6) Thực hiện cơ chế, chính sách, hỗ trợ cây giống Keo lai nuôi cây mô, vật tư phân bón để phát triển vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng chất lượng cao tiến tới được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững FSC (theo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển cây trồng vật nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2026 đã được HĐND tỉnh Quảng Trị phê duyệt tại Nghị quyết 162/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021).

Đặc biệt, nhằm định hướng đầu tư, quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, sản xuất kinh doanh lâm nghiệp bền vững trong thời gian tới; phát triển ngành lâm nghiệp tương xứng với tiềm năng, khắc phục những hạn chế còn tồn tại, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; phát huy, khai thác tốt các nguồn lực, lợi thế để lâm nghiệp trở thành ngành kinh tế chủ lực, hiện thực hóa Nghị quyết của Đại hội tỉnh Đảng bộ, đưa Quảng Trị thành “*Trung tâm vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng của khu vực miền Trung*”. Hiện nay, tỉnh Quảng Trị đang triển khai xây dựng “*Đề án phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2026, định hướng đến năm 2030*” để đưa vào triển khai thực hiện.

Chúng tôi tin rằng với những kết quả mà ngành lâm nghiệp tỉnh Quảng Trị đã làm được trong thời gian qua cùng với sự hỗ trợ, giúp đỡ của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Tổng cục Lâm nghiệp, các tổ chức quốc tế và sự phấn đấu của tỉnh Quảng Trị trong thời gian tới thì các mục tiêu về phát triển rừng trồng gỗ lớn gắn với thực hiện chứng chỉ FSC phục vụ chế biến và xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị sẽ thực hiện thành công và đạt hiệu quả mong muốn./.

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT QUẢNG TRỊ

THỰC TRẠNG SẢN XUẤT VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN RỪNG TRỒNG GỖ LỚN GẮN VỚI THỰC HIỆN CHỨNG CHỈ QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG FSC PHỤC VỤ CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Sở Nông nghiệp và PTNT Thừa Thiên Huế

Tỉnh Thừa Thiên Huế có diện tích rừng tự nhiên và rừng trồng là 304.081,08 ha; trong đó: diện tích rừng tự nhiên là: 205.674,47 ha, diện tích rừng trồng là: 98.406,61 ha (gồm diện tích rừng trồng có trữ lượng là: 77.067,3 ha, diện tích đã trồng chưa thành rừng là: 21.339,31 ha); độ che phủ rừng đạt 57,15% (*Theo Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 26/02/2022 của UBND tỉnh công bố hiện trạng rừng tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2021*).

Với diện tích rừng trồng hiện có gần 100.000 ha thì tiềm năng phát triển trồng rừng gỗ lớn, gắn với chứng chỉ quản lý rừng bền vững FSC của tỉnh là rất lớn.

Trong những năm qua, được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp, công tác phát triển lâm nghiệp tại các địa phương trên địa bàn tỉnh đã đạt được nhiều thành quả đáng kể; người dân, các tổ chức và doanh nghiệp đã thực sự quan tâm phát triển nghề rừng, đặc biệt là trồng rừng sản xuất. Qua số liệu thống kê thì sản lượng gỗ khai thác từ rừng trồng bình quân hằng năm đạt khoảng 600.000 m³, tương đương 6.000 ha rừng khai thác/năm, năng suất rừng bình quân đạt 100 m³/ha/chu kỳ 5-6 năm; cung cấp gỗ cho tiêu dùng trong nước và phục vụ xuất khẩu, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân và giúp các hộ gia đình vươn lên làm giàu từ rừng, hộ nghèo tại các xã vùng núi và gò đồi giảm đáng kể.

Thực trạng trồng rừng sản xuất hiện nay phần lớn diện tích người dân tự trồng với loài cây Keo và chủ yếu với mục tiêu trồng rừng nguyên liệu gỗ nhỏ (dăm gỗ và viên nén), chu kỳ khai thác khoảng 4 - 5 năm và chưa thật sự quan tâm áp dụng các biện pháp kỹ thuật quản lý rừng bền vững và các nguyên tắc quản lý rừng bền vững, gắn với chứng chỉ rừng FSC, nên năng suất, chất lượng rừng trồng chưa cao. Theo thống kê khối lượng gỗ xẻ có chứng chỉ FSC của TTH-FOSDA cung cấp cho doanh nghiệp chế biến khoảng 30%; so với nhu cầu gỗ xẻ hiện nay vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu gỗ xẻ ngày càng cao của thị trường trong và ngoài nước.

Cùng với các chính sách của Trung ương, từ năm 2016, UBND tỉnh đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách, cho phép hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp để đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chuyển đổi trồng rừng gỗ nhỏ sang trồng rừng gỗ lớn, có chứng chỉ FSC.

Tính đến tháng 3 năm 2022 đã có 10.708,16 ha rừng trồng Keo được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững. Trong đó có 9.891,59 ha rừng trồng sản xuất được cấp chứng chỉ

FSC, đối với các nhóm hộ: 6.795,19 ha (TTH-FOSDA: 6.014,76 ha và hợp tác xã An Việt Phát Thừa Thiên Huế: 780,43 ha), tập trung ở 6 huyện/thị xã: Nam Đông, A Lưới, Phú Lộc, Phong Điền, Hương Trà (có 2 phường của thành phố Huế trước đây thuộc TX Hương Trà), Hương Thủy; đối với doanh nghiệp: 3.096,4 ha (Công ty TNHHNNMTV Lâm nghiệp Tiên Phong).

Đặc biệt đã thiết lập được chuỗi liên kết tiêu thụ gỗ rừng trồng có chứng chỉ FSC với doanh nghiệp có chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm (CoC), đó là Công ty Scansia Pacific ký thỏa thuận hợp tác và cam kết bao tiêu toàn bộ sản phẩm gỗ Keo có đường kính đầu nhỏ 13 cm trở lên, có chứng chỉ FSC của TTH-FOSDA, các hợp tác xã Lâm nghiệp bền vững và doanh nghiệp sản xuất gỗ rừng trồng có chứng chỉ FSC. Giá thu mua gỗ có chứng chỉ FSC cao hơn với so với giá gỗ không có chứng chỉ từ 10-20% tùy theo chất lượng sản phẩm gỗ (đại diện thu mua gỗ xẻ tại Thừa Thiên Huế là: Công ty THHH chế biến gỗ Minh An và Công ty TNHH MTV Hòa Nga).

Để tổ chức thực hiện và tuyên truyền đến với các tổ chức, cá nhân chủ rừng tham gia phát triển rừng trồng gỗ lớn, gắn với chứng chỉ quản lý rừng bền vững, ngày 28/12/2016, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã ban hành Kế hoạch số 204/KH-UBND về phát triển rừng trồng gỗ lớn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2017-2020. Tiếp nối giai đoạn 2021-2025, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 213/KH-UBND ngày 25/9/2020 về Phát triển rừng trồng sản xuất gỗ lớn các loài Keo giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và Kế hoạch số 221/KH-UBND ngày 04/10/2019 về trồng rừng sản xuất gỗ lớn các loài cây bản địa giai đoạn 2019-2025 trên địa bàn tỉnh do các Ban Quản lý Rừng phòng hộ và các Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Lâm nghiệp.

Song hiện nay, thực trạng phát triển gỗ rừng trồng gỗ lớn nói chung và trồng rừng gỗ lớn, có chứng chỉ quản lý rừng bền vững FSC trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn.

Một là: Thị trường thu mua gỗ dăm và viên nén hiện nay tăng cao, đã đẩy giá thu mua lên gần xấp xỉ giá gỗ xẻ; vì vậy, các chủ rừng đã tổ chức khai thác hàng loạt để bán gỗ nhỏ, nhằm thu lợi nhuận cao và rút ngắn chu kỳ kinh doanh.

Hai là: Ngoài bão giá, các chủ rừng còn lo ngại về bão gió trong tình hình biến đổi khí hậu hiện nay, nên nhiều chủ rừng đã có ý định kinh doanh ngắn ngày cho gỗ nhỏ vừa an toàn vừa thu hồi vốn nhanh.

Ba là: Doanh nghiệp cam kết thu mua sản phẩm gỗ có chứng chỉ tại tỉnh Thừa Thiên Huế hiện nay chỉ có 01 doanh nghiệp cam kết thu mua gỗ xẻ, với đường kính đầu nhỏ từ 13 cm trở lên, chưa có doanh nghiệp cam kết thu mua gỗ nhỏ có chứng chỉ (dăm giáy, viên nén...), vì vậy, việc chủ động cho đầu ra gỗ nhỏ vẫn còn hạn chế.

Bốn là: Kinh phí để phục vụ đánh giá cấp và duy trì chứng chỉ rừng FSC là một vấn đề khó khăn đối với chủ rừng. Các pháp nhân đã nhận chứng chỉ đều được sự hỗ trợ của doanh nghiệp cam kết thu mua sản phẩm gỗ và một phần hỗ trợ kỹ thuật của các dự án. Trong chính sách hỗ trợ quy định tại Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ chỉ hỗ trợ một lần cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững tối đa không quá 300.000 đ/ha, nên rất khó khăn trong việc duy trì chứng chỉ, đòi hỏi các chủ rừng quy mô nhỏ phải tìm kiếm nguồn lực để phục vụ cho hoạt động này; trong lúc đó, các hộ chủ rừng quy mô nhỏ chủ yếu ở vùng trung du và miền núi, đời sống kinh tế khó khăn, trình độ sản xuất thấp, việc áp dụng quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc rừng gỗ lớn chưa đầy đủ.

Năm là: Việc chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong trồng rừng sản xuất, chăm sóc thâm canh rừng trồng gỗ lớn chậm đi vào thực tiễn; thiếu mô hình trồng rừng gỗ lớn, có chứng chỉ FSC kết hợp sản xuất lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu trồng dưới tán rừng, lấy ngắn ngày nuôi dài, tăng thêm nguồn thu nhập cho các hộ chủ rừng.

Sáu là: Đối với các hợp tác xã lâm nghiệp bền vững là tổ chức kinh tế tập thể, sẽ thúc đẩy phát triển trồng rừng gỗ lớn, có chứng chỉ FSC; tuy nhiên, chính sách của hợp tác xã vẫn chưa được tiếp cận, đơn cử về chính sách đất đai, đầu tư kết cấu hạ tầng, tín dụng, khoa học, công nghệ, hỗ trợ về thông tin kinh tế, kỹ năng tiếp thị và nghiên cứu thị trường... cho các hợp tác xã lâm nghiệp bền vững vẫn là vấn đề còn bất cập và nhiều khó khăn. Ngoài ra, nhận thức của phần lớn các thành viên về vai trò của HTXLNBV chưa đầy đủ, năng lực quản trị và điều hành của bộ máy HTX còn hạn chế, tư liệu sản xuất còn phân tán, manh mún, hạ tầng cơ sở vật chất còn thiếu và yếu, trình độ thâm canh rừng chưa cao, mức độ cơ giới hóa sản xuất thấp, nguồn tài chính hạn chế, đó là những khó khăn, vướng mắc cản trở tạo đà phát triển và huy động nguồn lực cho sự phát triển của hệ thống HTX Lâm nghiệp bền vững khi tham gia liên kết chuỗi giá trị rừng trồng.

Bảy là: Nhu cầu cây giống rừng trên địa bàn tỉnh khá lớn (khoảng trên 15 triệu cây/năm), phần lớn đã được các đơn vị sản xuất giống trên địa bàn tỉnh đáp ứng; tuy nhiên, qua khảo sát thực tế thì tỷ lệ giống giống trôi nổi, không rõ nguồn gốc chiếm tỉ lệ khá cao, đã ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng rừng trồng, đặc biệt là rừng trồng sản xuất gỗ lớn trong giai đoạn hiện nay.

Trước những thực trạng, khó khăn, hạn chế nêu trên, tỉnh Thừa Thiên Huế có những đề xuất về giải pháp để phát triển trồng rừng gỗ lớn, gắn với chứng chỉ FSC để phục vụ chế biến và xuất khẩu, thực hiện đề án về phát triển vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng, có chứng chỉ FSC với mục tiêu đạt 11.000-12.000 ha có chứng chỉ FSC đến năm 2025 và 29.000-30.000ha đến năm 2030 (*Theo Đề án phát triển Hợp tác xã Lâm nghiệp bền vững tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2030 ban hành kèm theo Quyết định 609/QĐ-UBND ngày 20/3/2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế*).

Trên cơ sở triển khai Kế hoạch số 213/KH-UBND, với mục tiêu phấn đấu trong giai đoạn 2021-2025 phát triển thêm khoảng 9.900ha rừng trồng sản xuất gỗ lớn các loài Keo, trong đó có khoảng 1.200ha rừng trồng đạt tiêu chuẩn rừng trồng gỗ lớn theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Kế hoạch số 221/KH-UBND của UBND tỉnh, với mục tiêu Phấn đấu đến năm 2025 trồng được khoảng 1.050 ha rừng trồng sản xuất gỗ lớn các loài cây bản địa; Phấn đấu đến năm 2030 có 29.000-30.000 ha rừng có chứng chỉ FSC, tỉnh Thừa Thiên Huế đã đề ra một số giải pháp chính mang tính chiến lược như sau:

- Tiếp tục tuyên truyền sâu rộng các thông tin liên quan đến hiệu quả của phát triển rừng trồng gỗ lớn, phát triển vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng có chứng chỉ FSC, khuyến cáo chủ rừng sử dụng nguồn giống có nguồn gốc có chất lượng tốt nhằm tăng năng suất, chất lượng rừng trồng và các vấn đề liên quan đến phát triển rừng trồng gỗ lớn, gắn với chứng chỉ FSC.

- Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tiếp cận các chính sách về lâm nghiệp cũng như hợp tác xã; đẩy mạnh giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích quy hoạch là rừng sản xuất chưa được giao cho tổ chức, hộ gia đình tham gia trồng rừng gỗ lớn; nâng cao năng lực quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng; tổ chức sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm gỗ theo chuỗi liên kết giá trị gỗ rừng trồng.

- Với định hướng tập trung phát triển công nghiệp chế biến và tiến tới chế biến sâu, thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành lâm nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, chú trọng hoạt động thương mại gỗ thông qua liên kết chuỗi giá trị gỗ rừng trồng có chứng chỉ FSC, xây dựng vùng nguyên liệu, nhằm tạo ra nguồn nguyên liệu có nguồn gốc rõ ràng, an toàn, hướng tới chấm dứt tình trạng khai thác gỗ trái phép từ việc phá rừng, góp phần bảo vệ rừng hiệu quả.

- Củng cố các hợp tác xã LNBV trên địa bàn toàn tỉnh; trong đó, lấy hợp tác xã LNBV Thuận Thiên làm hạt nhân để tiến tới thành lập Liên hiệp Hợp tác xã LNBV, nhằm chủ động trong quan hệ đối tác liên doanh, liên kết và tổ chức thực hiện thành công đề án vùng nguyên liệu, liên kết chuỗi giá trị gỗ rừng trồng, tiến tới chế biến sâu các sản phẩm đồ gỗ phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

- Nhân rộng và phát triển các mô hình liên kết sản xuất với mục tiêu gắn kết chặt chẽ sản xuất với thị trường; tăng cường vận động tuyên truyền và nhân rộng các mô hình liên kết sản xuất theo hình thức liên doanh, liên kết, từng bước hình thành vùng sản xuất nguyên liệu gỗ rừng trồng tập trung để tạo điều kiện thuận lợi khi đánh giá, cấp chứng chỉ FSC.

- Khuyến khích thị trường trong và ngoài tỉnh, quảng bá sản phẩm, mở rộng trọng tâm liên kết với các vùng động lực trong nước, phát triển các hợp tác xã sản xuất đồ mộc dân dụng, thủ công mỹ nghệ và tham gia chuỗi liên kết sản xuất với các cơ sở chế biến; hỗ trợ

một số doanh nghiệp xuất khẩu gỗ và đồ gỗ tham gia các hội chợ quốc tế, đẩy mạnh sản xuất theo hướng tinh, sâu phục vụ xuất khẩu, đáp ứng thị trường khu vực và xuất khẩu sang EU, Mỹ...

- Huy động và gắn kết các nguồn lực, lồng ghép các chương trình, dự án, đề án để nâng cao hiệu quả trong công tác phát triển rừng và vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng có chứng chỉ FSC. Chuyển giao và tổng kết, thông tin tuyên truyền các ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật về thâm canh rừng gỗ lớn, mô hình trồng cây lấy ngắn nuôi dài có hiệu quả; đẩy mạnh hoạt động của hệ thống khuyến lâm, nhất là khuyến lâm cơ sở để chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật thâm canh rừng gỗ lớn đến các chủ rừng.

- Nghiên cứu chọn, tạo và phát triển giống cây trồng lâm nghiệp ưu thế, phù hợp với điều kiện địa phương; xây dựng mô hình tía thưa và thâm canh rừng; phát triển trồng rừng gỗ lớn trên diện rộng. Tỉnh Thừa Thiên Huế cũng đã có cơ chế, chính sách hỗ trợ cây giống keo lai nuôi cấy mô, vật tư phân bón để phát triển vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng chất lượng cao, được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững FSC.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên kiến thức quản lý, nghiệp vụ và công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ hợp tác xã lâm nghiệp bền vững một cách thiết thực, hiệu quả; đầu tư phát triển cơ giới hóa các khâu xử lý thực bì, đào hố, vận chuyển giống, phân bón, chặt hạ, bóc xẻ, làm đường vận xuất, vận chuyển phù hợp với đặc điểm của từng hợp tác xã, nhưng có kiểm soát về ảnh hưởng môi trường.

- Đầu tư máy móc, thiết bị tiên tiến, hiện đại, xây dựng nhà xưởng kiên cố phục vụ chế biến bán thành phẩm (gỗ xẻ thanh, ván bóc và dăm gỗ từ cành ngọn, bìa bắp) và thành phẩm (đồ gỗ dùng trong nhà, ngoài trời), tiến tới chế biến sản phẩm đồ mộc dân dụng cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, viên nén, dăm gỗ từ phụ phẩm của gỗ xẻ.

- Nghiên cứu, thí điểm thực hiện bảo hiểm rừng trồng nội bộ tại các hợp tác xã LNBV và xây dựng thí điểm Quỹ tín dụng nhân dân gắn với hợp tác xã LNBV.

- Ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác quản lý hướng đến truy xuất nguồn gốc gỗ rừng trồng sản xuất rõ ràng, đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng sản phẩm thị trường trong nước và Quốc tế./.

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT THỪA THIÊN HUẾ

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN TRỒNG RỪNG GỖ LỚN GẮN VỚI THỰC HIỆN CHỨNG CHỈ FSC PHỤC VỤ CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH

Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Bình

Tỉnh Quảng Bình có 615.157 ha diện tích rừng và đất quy hoạch lâm nghiệp (chiếm gần 77% diện tích đất tự nhiên). Trong đó: rừng đặc dụng 144.311 ha, chiếm 23,46%; rừng phòng hộ 151.964 ha, chiếm 24,7%; rừng sản xuất 318.882 ha, chiếm 51,84%. Tổng diện tích đất có rừng: 548.698 ha, bao gồm: rừng tự nhiên: 469.421 ha, chiếm 85,55% và rừng trồng: 79.277 ha, chiếm 14,45%. Tỷ lệ che phủ rừng đến 31/12/2021 đạt 68,59%.

Với tiềm năng, thế mạnh về rừng và đất lâm nghiệp, lợi thế về cơ sở hạ tầng giao thông đồng bộ, gồm đường bộ, đường sắt, cảng biển, cảng hàng không, cửa khẩu rất thuận lợi cho việc liên kết với toàn vùng Bắc Trung Bộ, toàn quốc cũng như quốc tế. Cùng với xu thế phát triển lâm nghiệp chung của cả nước, tỉnh đã xác định, phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững và nâng cao giá trị gia tăng là khâu đột phá. Trong đó, phát triển vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng gắn với trồng rừng gỗ lớn, khai thác gắn với chế biến, thương mại và tiêu thụ sản phẩm là nhiệm vụ trọng tâm của lĩnh vực lâm nghiệp tỉnh nhà.

Ngay từ năm 2019, tỉnh Quảng Bình đã xây dựng và phê duyệt Đề án phát triển vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng gắn với trồng rừng gỗ lớn giai đoạn 2019 - 2025. Trong đó, xác định đến năm 2025, ổn định diện tích rừng trồng nguyên liệu gỗ là 101.450 ha, trong đó có 16.200 ha rừng trồng gỗ lớn; đưa năng suất rừng trồng đạt trên 20 m³/ha/năm, trữ lượng rừng gỗ lớn đưa vào khai thác đạt trên 200 m³/ha; sản lượng khai thác gỗ rừng trồng đạt 560.000 m³/năm; diện tích rừng trồng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC) 7.500 ha. Góp phần tăng giá trị sản xuất lâm nghiệp từ 5%/năm trở lên; giá trị tổng sản phẩm ngành lâm nghiệp trong tổng giá trị sản phẩm ngành nông nghiệp đạt 25%.

Để triển khai có hiệu quả việc phát triển vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng gắn với trồng rừng gỗ lớn, khai thác gắn với chế biến, thương mại và tiêu thụ sản phẩm, tỉnh Quảng Bình đã đưa mục tiêu này vào trong các chương trình, kế hoạch để thống nhất chỉ đạo và triển khai thực hiện như: Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh; Quy hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Bình đến 2020, định hướng đến năm 2025; Kế hoạch cơ cấu lại lĩnh vực lâm nghiệp giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch thực hiện Đề án trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch Phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025,...

Nhờ thực hiện đồng bộ các giải pháp, cũng như tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương, cùng với ngân sách địa phương, vốn ODA và các nguồn vốn hợp pháp khác, hàng năm tỉnh Quảng Bình trồng rừng tập trung được trên 8.000 ha, trồng rừng sản

xuất gỗ lớn 650 ha. Riêng 6 tháng đầu năm 2022, toàn tỉnh trồng được trên 2.800 ha rừng trồng sản xuất. Đến nay, tỉnh Quảng Bình đã hình thành diện tích rừng trồng gỗ lớn với quy mô gần 4.000 ha. Năng suất rừng trồng dần được cải thiện, bình quân đạt 17 m³/ha/năm; sản lượng khai thác hàng năm đạt gần 470.000 m³. Kim ngạch xuất, nhập khẩu gỗ và lâm sản năm 2021 của tỉnh đạt 25,142 triệu USD, trong đó giá trị xuất khẩu đạt 24,970 triệu USD với các sản phẩm xuất khẩu chủ yếu là dăm gỗ, gỗ dán công nghiệp, ván gỗ ép, tấm lát sàn, đồ gỗ nội thất và một số loại lâm sản ngoài gỗ khác. Song song với đó, đã thúc đẩy việc quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng FSC, hiện nay diện tích rừng trồng được cấp chứng chỉ FSC toàn tỉnh đã đạt trên 4.300 ha. Trong thời gian tới, sẽ tiếp tục chỉ đạo các đơn vị, địa phương phối hợp với các tổ chức như HTX An Việt Phát, Hội chủ rừng và các doanh nghiệp để hỗ trợ xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ FSC cho diện tích rừng trồng, phần đầu từ nay đến năm 2024 sẽ có thêm khoảng 30.000 ha rừng trồng được cấp chứng chỉ FSC (tăng 12.500 ha so với kế hoạch). Đã thành lập Hội chủ rừng huyện Lệ Thủy, Hợp tác xã Lâm nghiệp An Việt Phát để hỗ trợ trong việc cấp chứng chỉ rừng FSC và liên doanh, liên kết với các nhà máy chế biến có nhu cầu thu mua sản phẩm gỗ rừng trồng. Tiến tới thành lập Hội chủ rừng toàn tỉnh để thúc đẩy việc liên doanh, liên kết giữa các nhà máy chế biến và người trồng rừng, tạo động lực cho phát triển rừng trồng.

Tuy nhiên, nhìn nhận một cách khách quan, phát triển rừng trồng gỗ lớn gắn với thực hiện chứng chỉ FSC nói chung và tỉnh Quảng Bình nói riêng đang phải đối mặt với nhiều rủi ro, thách thức:

(1) Biến đổi khí hậu với các hiện tượng thời tiết cực đoan xảy ra gay gắt và bất thường ảnh hưởng đến sản xuất lâm nghiệp nói chung, đặc biệt là gây thiệt hại cho rừng trồng. Việc kéo dài thời gian kinh doanh rừng trồng đối mặt với rất nhiều rủi ro từ thiên tai, trong khi chính sách bảo hiểm đối với rừng trồng đang còn nhiều bất cập, người trồng rừng chưa được tiếp cận để yên tâm sản xuất.

(2) Nhận thức của các thành phần kinh tế về kinh doanh rừng trồng gỗ lớn và chứng chỉ rừng trồng còn hạn chế; việc liên doanh, liên kết giữa các nhà máy chế biến gỗ và người trồng rừng chưa thực sự rõ rệt.

(3) Toàn tỉnh có 442 cơ sở hoạt động chế biến, thương mại lâm sản. Trong đó có 162 doanh nghiệp, 11 hợp tác xã và 269 hộ gia đình, cá nhân. Tuy nhiên, công nghiệp chế biến lâm sản của tỉnh hiện đang còn nhỏ lẻ, manh mún, chủ yếu sản xuất sản phẩm dăm gỗ, chưa có nhiều doanh nghiệp đầu tư nhà máy chế biến tinh sâu, quy mô lớn nên chưa tạo động lực, liên kết để phát triển rừng trồng.

(4) Nguồn vốn từ ngân sách nhà nước hỗ trợ trồng rừng gỗ lớn cũng như hỗ trợ cấp chứng chỉ rừng FSC còn đang rất hạn chế, chính sách hỗ trợ cấp chứng chỉ rừng bền vững hiện nay đang còn ở mức thấp, mới chỉ bù đắp được một phần rất nhỏ trong chi phí đánh

giá, cấp chứng chỉ; chính sách hỗ trợ trồng rừng hiện nay chỉ hỗ trợ một lần cho chu kỳ đầu tiên (nghĩa là chỉ hỗ trợ trồng mới) nên khó tạo động lực cho người dân tham gia trồng rừng sản xuất gỗ lớn.

Để phát triển rừng trồng gỗ lớn gắn với thực hiện chứng chỉ FSC phục vụ chế biến và xuất khẩu, cần phải thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ, trong đó, những giải pháp trọng tâm trong thời gian tới cần thực hiện như sau:

(1) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân, các chủ rừng về hiệu quả kinh tế, môi trường khi kinh doanh rừng trồng gỗ lớn; tăng cường tập huấn, phổ biến cho người dân về quy trình kỹ thuật trồng rừng thâm canh, sử dụng giống tốt trồng rừng.

(2) Rà soát diện tích đất lâm nghiệp bị lấn, chiếm trái phép để xử lý dứt điểm theo quy định nhằm ổn định sản xuất lâm nghiệp.

(3) Tranh thủ nguồn vốn từ ngân sách Trung ương, cùng với ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn từ các doanh nghiệp, cá nhân, chủ rừng để đầu tư trồng rừng thâm canh, phát triển rừng trồng gỗ lớn, hình thành nên vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng tập trung để liên kết với các nhà máy chế biến; chú trọng thúc đẩy phát triển rừng trồng gắn với quản lý rừng trồng bền vững và chứng chỉ rừng trồng, đặc biệt là đối với diện tích rừng trồng gỗ lớn để nâng cao giá trị gia tăng của gỗ rừng trồng.

(4) Đẩy mạnh phát triển các loại hình kinh tế hợp tác trong lâm nghiệp, tạo sự liên kết, liên doanh, kết nối sản xuất với thị trường thương mại lâm sản trong và ngoài nước, trong đó tập trung thúc đẩy, thành lập các hợp tác xã trồng rừng, sản xuất giống lâm nghiệp, dịch vụ lâm nghiệp, tạo thành chuỗi liên kết từ trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến, tiêu thụ, xuất khẩu.

(5) Nhà nước cần ban hành các chính sách ưu đãi trong lâm nghiệp nói chung và đối với trồng rừng sản xuất nói riêng. Đặc biệt là bổ sung chính sách bảo hiểm đối với rừng trồng sản xuất. Sửa đổi, bổ sung chính sách về hỗ trợ cấp chứng chỉ FSC theo hướng chỉ quy định mức hỗ trợ theo tỉ lệ % cụ thể trên tổng chi phí cấp chứng chỉ, hoặc tăng mức hỗ trợ/ha lên mức 500.000 đồng/ha để khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia và duy trì chứng chỉ.

(6) Kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT, các bộ, ngành trung ương, Tổng cục Lâm nghiệp quan tâm, ưu tiên hỗ trợ tỉnh về nguồn vốn đầu tư cho lâm nghiệp; xúc tiến, giới thiệu các công ty, doanh nghiệp chế biến gỗ đầu tư vào tỉnh Quảng Bình, nhất là chế biến gỗ tinh sâu./.

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT QUẢNG BÌNH

KHUYẾN NÔNG VỚI CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN TRỒNG RỪNG THÂM CANH GỖ LỚN NÂNG CAO GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG TRỒNG RỪNG SẢN XUẤT TẠI NGHỆ AN

Trung tâm Khuyến nông Nghệ An

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghệ An là tỉnh nằm ở trung tâm khu vực Bắc Trung Bộ, có tổng diện tích tự nhiên 1.649.000 ha với diện tích đất lâm nghiệp chiếm tới 72%; có tiềm năng đất đai, nhân lực dồi dào, là một trong những vùng trọng điểm nhất phát triển rừng và cung cấp gỗ nguyên liệu.

Những năm gần đây nhờ chủ trương phát triển trồng rừng nguyên liệu của tỉnh, giá trị rừng trồng tăng lên rõ rệt, hàng năm tỉnh Nghệ An có kế hoạch trồng mới rừng sản xuất từ 15.000 - 17.000 ha. Tuy nhiên, trong công tác trồng rừng vẫn còn nhiều bất cập: Rừng nguyên liệu chủ yếu cung cấp gỗ nhỏ làm bột giấy, dăm gỗ với chu kỳ ngắn, giá trị kinh tế thấp, thiếu bền vững về môi trường... Nguyên nhân là nhiều hộ gia đình trồng rừng tự phát, thiếu sự hướng dẫn kỹ thuật và chuyển giao công nghệ mới trong việc chọn giống, thâm canh... chưa tạo được sự phát triển kinh tế gắn với quản lý rừng bền vững trong trồng rừng sản xuất.

Để góp phần khắc phục những hạn chế đó, việc xác định loại giống, mật độ trồng thích hợp, biện pháp thâm canh, thời gian kinh doanh... cho từng vùng có tính chất quyết định đến độ bền vững của rừng cả về kinh tế, xã hội, môi trường; nhằm gắn kết từ trồng rừng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm để nâng cao giá trị lâm sản hàng hóa, gắn với phát triển bền vững trong trồng rừng sản xuất, thì vai trò của khuyến nông là hết sức quan trọng trong công tác chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật trong trồng rừng gỗ lớn gắn với phát triển bền vững đối với trồng rừng sản xuất.

II. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH TRONG PHÁT TRIỂN RỪNG GỖ LỚN VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG BỀN VỮNG TRONG TRỒNG RỪNG SẢN XUẤT

1. Thuận lợi

- Tỉnh đã có chính sách phát triển rừng nguyên liệu tại địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn đến 2025, hàng năm tỉnh có chính sách hỗ trợ phát triển cho nông - lâm nghiệp tại Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021. Nghị quyết ban hành một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022-2025, trong đó có phát triển trồng rừng gỗ lớn và có sự đồng nhất của các chủ rừng, UBND huyện, xã.

- UBND tỉnh Nghệ An đã ban hành Kế hoạch hành động, tổ chức thực hiện chiến lược phát triển lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong đó: Mục tiêu phát triển rừng được cấp chứng chỉ rừng quản lý bền vững đến năm 2025 đạt khoảng 50.000 ha, đến năm 2030 đạt khoảng 80.000 ha. Diện tích rừng trồng gỗ lớn, rừng trồng thâm canh (trồng mới, trồng lại và chuyển hóa) chiếm khoảng 30% tổng diện tích rừng trồng.

- Người dân miền núi có truyền thống và kinh nghiệm sống bằng nghề rừng, trồng rừng. Trồng rừng cũng là sinh kế chính của người dân miền núi tại địa phương.

- Nguồn nhân lực lao động ở địa phương dồi dào, việc xây dựng mô hình và phát triển kinh tế rừng là hướng đi giải quyết công ăn việc làm cho bà con dân tộc nơi đây.

- Hạ tầng lâm nghiệp đã được chính quyền địa phương và người dân quan tâm, đáp ứng yêu cầu của sản xuất, đặc biệt là hệ thống đường lâm nghiệp. Vì vậy rất thuận tiện trong công tác đầu tư phát triển rừng gỗ lớn (từ các khâu trồng, tĩa thưa, khai thác, vận chuyển).

2. Khó khăn

- Người dân vẫn còn tập quán trồng rừng quảng canh, không bón phân, chăm sóc, thiếu đầu tư, khai thác sớm, quay vòng nhanh... nên hiệu quả kinh tế thấp, đất rừng và môi trường kém bền vững.

- Các giống mới, ứng dụng công nghệ mới trong nhân giống để chuyển giao, cung cấp cho sản xuất đại trà còn ít. Cụ thể nguồn giống nuôi cấy mô chưa phổ biến, giá thành cao, các mô hình ứng dụng lâm nghiệp công nghệ cao còn hạn chế; nguồn giống chất lượng tại địa phương chưa chủ động. Vì vậy chi phí đầu vào cao, thu hồi vốn chậm cũng là khó khăn cho người sản xuất.

- Do kinh doanh gỗ lớn có chu kỳ dài hơn kinh doanh nguyên liệu gỗ nhỏ (bột giấy, băm dăm,...), trong khi việc vay vốn sản xuất của các tổ chức, hộ gia đình rất khó khăn; kinh phí nuôi dưỡng rừng chủ yếu do các chủ rừng tự huy động, do đó chưa có điều kiện phát triển kinh doanh gỗ lớn.

- Vay vốn từ các ngân hàng thương mại thường có lãi suất cao, điều kiện vay, thủ tục vay phải có tài sản thế chấp, thời gian cho vay ngắn, nên các doanh nghiệp và hộ gia đình khó tiếp cận được nguồn vốn.

- Tuy trồng rừng gỗ lớn cho giá trị kinh tế cao hơn, song do nhu cầu nguyên liệu giấy, dăm tăng mạnh, dễ bán. Trong khi đó trồng rừng gỗ lớn đòi hỏi thời gian chăm sóc, bảo vệ dài. Tối thiểu gấp đôi trồng rừng gỗ nhỏ, dẫn đến quá trình được khai thác, thu hồi vốn đầu tư lâu nên người dân ngại áp dụng.

- Thời tiết diễn biến bất thường, hạn hán, bão, lốc xoáy, lũ lụt làm ảnh hưởng đến tiến độ trồng cây của bà con.

III. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG TRONG CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN RỪNG GỖ LỚN NÂNG CAO GIÁ TRỊ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG BỀN VỮNG

1. Hoạt động chuyển giao kỹ thuật thông qua xây dựng và nhân rộng mô hình

- Xây dựng mô hình:

Triển khai thành công Dự án: “Xây dựng mô hình áp dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật trồng rừng gỗ lớn mọc nhanh tại các tỉnh miền Bắc và miền Trung” với đối tượng là cây keo lai nuôi cấy mô phát triển trồng rừng gỗ lớn ở huyện Quỳnh Hợp, Tân Kỳ, Thanh Chương năm 2016-2018 với tổng diện tích 116 ha với 60 hộ tham gia, triển khai tại 6 điểm xây dựng mô hình. Đến nay, mô hình triển khai đến nay được 5 năm (trồng năm 2016, 2017, 2018), qua đánh giá tại thời điểm mô hình đã vượt 20 - 25% so với đại trà về đường kính và chiều cao.

Qua đánh giá, một số các mô hình thí điểm tại các vùng trong tỉnh cho thấy năng suất mô hình có sử dụng giống keo lai nuôi cấy mô của các dòng BV10, BV16, BV32 có thể đạt 230-250 m³ gỗ/ha. Trong khi đó, năng suất keo hom chỉ đạt 190- 200m³/ha. Như vậy, với tiềm năng năng suất cao cộng với việc áp dụng đồng bộ các kỹ thuật trong thâm canh rừng keo lai gỗ lớn, dự tính hiệu quả kinh tế đem lại vượt trội so với phương thức canh tác cũ. Xây dựng mô hình áp dụng đồng bộ tiến bộ khoa học kỹ thuật trong trồng rừng gỗ lớn mọc nhanh đã khẳng định tạo ra hướng đầu tư thâm canh mới, hiệu quả cả về mặt kinh tế, môi trường và xã hội.

Năm 2019, Trung tâm tiếp tục xây dựng mô hình trồng keo lai BV32 bằng giống nuôi cấy mô, sử dụng phân DAP bón và nuôi dưỡng rừng: Quy mô thực hiện 8ha, 1 hộ tham gia tại huyện Con Cuông. Mô hình được đánh giá phát triển vượt trội về các chỉ số đường kính và chiều cao 30% so với đại trà, hiện đang tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và đánh giá hiệu quả ở những năm tiếp theo.

Năm 2021 - 2022: Xây dựng mô hình trồng và chăm sóc rừng dổi ghép lấy hạt với diện tích 3ha, 02 hộ tham gia tại huyện Tân Kỳ, hiện phát triển tốt, đang tiến hành chăm sóc năm 2. Với đối tượng là trồng rừng gỗ lớn, phát triển đa mục đích, kết hợp lấy hạt, chu kỳ kinh doanh dài, kéo dài thời gian khai thác, nâng cao giá trị rừng trồng.

- Khuyến nông với công tác đào tạo, tập huấn, hội thảo:

Thông qua các hoạt động tập huấn, hội thảo, sơ kết mô hình, tham quan, học tập kinh nghiệm gắn với xây dựng mô hình đã tăng số lượt người tiếp cận với các tiến bộ khoa học kỹ thuật từ mô hình đã được áp dụng. Gắn với xây dựng mô hình đã có 9 lớp với 270 lượt người tham gia. Ngoài ra hàng năm Trung tâm Khuyến nông xây dựng kế hoạch và triển khai các khóa tập huấn cho các đối tượng là cán bộ chốt thôn xóm/bản và nông dân trong đó tập huấn về kỹ thuật trồng rừng gỗ lớn, chăm sóc, chuyển hóa rừng gỗ lớn và phát triển rừng bền vững được ưu tiên để tập trung tuyên truyền, chuyển giao cho người dân làm nghề rừng, từ đó thay đổi nhận thức của người dân trong phát triển rừng sản xuất.

- Công tác thông tin, tuyên truyền:

Công tác nhân rộng mô hình được xem là yếu tố quan trọng để duy trì và phát triển, nâng cao hiệu quả của việc xây dựng mô hình trình diễn. Gắn với xây dựng mô hình trình diễn thì công tác tuyên truyền cũng được quan tâm như: pano quảng bá mô hình, các tin, bài được viết và đăng tải lên trang website, tập san khuyến nông và các trang báo địa phương; phối hợp các địa phương đánh giá kết quả thực hiện mô hình, lồng ghép đưa vào các chương trình, kế hoạch phát triển của địa phương để có cơ chế khuyến khích, hỗ trợ duy trì và nhân rộng.

Đến nay, tại các địa phương có điểm xây dựng mô hình trồng rừng gỗ lớn như: Thanh Chương, Quỳnh Hợp, Tân Kỳ, Con Cuông đã có khoảng trên 400 ha được nhân rộng trồng rừng gỗ lớn mọc nhanh và áp dụng chuyển hóa từ trồng rừng gỗ nhỏ sang rừng gỗ lớn. Các mô hình đã được các hộ dân đánh giá cao tính phù hợp với điều kiện địa phương, đúng quy hoạch của tỉnh, của huyện và nguyện vọng của người dân.

IV. KHUYẾN NGHỊ MỘT SỐ GIẢI PHÁP TRONG CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN RỪNG GỖ LỚN NÂNG CAO GIÁ TRỊ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG BỀN VỮNG

- Lựa chọn và phát triển giống cây trồng lâm nghiệp ưu thế, phù hợp để chuyển giao tới người dân trồng rừng; xây dựng mô hình tía thưa và thâm canh rừng; phát triển trồng rừng gỗ lớn trên diện rộng.

- Tăng cường hơn đối với công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức của người dân trong công tác quản lý, bảo vệ rừng; Thực hiện tốt nhất các cơ chế chính sách về quản lý, bảo vệ, phát triển rừng để người dân được thụ hưởng quyền lợi từ các chính sách của nhà nước. Cùng với đó, chú trọng trong việc tạo sinh kế, việc làm cho người dân để giảm tác động tiêu cực đến rừng tự nhiên, hệ sinh thái rừng.

- Lồng ghép các chương trình tập huấn, hội thảo, liên kết các tổ chức tuyên truyền xây dựng mô hình trình diễn về trồng rừng thâm canh gỗ lớn để người dân thấy được hiệu quả rõ rệt về kinh tế, môi trường thúc đẩy các chủ rừng thực hiện quản lý rừng bền vững để tăng nhanh diện tích rừng được cấp chứng chỉ FSC, PEFC, VFCS,...

- Thực hiện các cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư trồng rừng hộ gia đình và phát triển hợp tác xã trong xây dựng mô hình.

- Cùng với việc trồng mới và cơ cấu lại vùng trồng rừng nguyên liệu, từng bước chuyển hóa rừng gỗ nhỏ thành rừng gỗ lớn đối với một số loài cây mọc nhanh. Tạo ra vùng cung cấp gỗ lớn, gỗ nguyên liệu chất lượng cao phục vụ cho sản xuất đồ mộc, gỗ xuất khẩu với giá trị kinh tế cao.

- Cải thiện sinh kế cho các cộng đồng sống gần rừng, giảm thiểu việc khai thác tài nguyên rừng của người dân; tạo điều kiện để người dân địa phương tham gia vào công

tác trồng rừng và quản lý rừng theo phương thức bền vững. Hạn chế việc khai thác rừng với chu kỳ kinh doanh ngắn tạo ra sự suy thoái đất, năng suất rừng và hiệu quả kinh tế thấp.

- Đẩy mạnh việc trồng rừng gỗ lớn gắn với thực hiện quản lý rừng bền vững và cung cấp nguyên liệu gỗ có chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo yêu cầu của thị trường; nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nguyên liệu từ chọn, tạo giống, kiểm soát, bảo đảm chất lượng giống cho trồng rừng; tạo vùng nguyên liệu ổn định để đáp ứng nhu cầu nguyên liệu cho công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ phục vụ thị trường trong và ngoài tỉnh.

- Tập trung phát triển và nhân rộng các mô hình liên kết theo chuỗi giá trị giữa người trồng rừng và doanh nghiệp chế biến lâm sản; nghiên cứu các mô hình trồng rừng thâm canh kết hợp trồng cây dược liệu dưới tán rừng và du lịch sinh thái để nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư của nhà nước vào lĩnh vực chế biến lâm sản.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nhà nước cần có cơ chế, chính sách đặc thù cho người dân trồng rừng gỗ lớn, đặc biệt là chính sách hỗ trợ về vốn để các chủ rừng yên tâm đầu tư sản xuất, giảm bớt khó khăn, mạnh dạn tiếp cận nguồn giống mới chất lượng cũng như tiếp cận khoa học kỹ thuật ứng phó với biến đổi khí hậu, từng bước thay đổi tư duy, nhận thức của người dân trong phát triển sản xuất từ nghề rừng.

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG NGHIỆP AN

KHUYẾN NÔNG VỚI CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN TRỒNG RỪNG THÂM CANH GỖ LỚN NÂNG CAO GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG TRỒNG RỪNG SẢN XUẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH

Trung tâm Khuyến nông Hà Tĩnh

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Vị trí địa lý Hà Tĩnh

- Hà Tĩnh nằm ở khu vực Bắc Miền Trung, trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây, trải dài từ 17°54’ đến 18°37’ vĩ Bắc và từ 106°30’ đến 105°07’ kinh Đông. Nằm cách thủ đô Hà Nội 345 km về phía Nam. Phía Bắc giáp tỉnh Nghệ An, phía Nam giáp tỉnh Quảng Bình, phía Tây giáp hai tỉnh Borikhamxay và Khammouang của Lào, phía Đông giáp Biển Đông (Vịnh Bắc Bộ).

- Địa hình Hà Tĩnh phía Đông dãy Trường Sơn với địa hình hẹp, dốc và nghiêng từ Tây sang Đông, độ dốc trung bình 1,2%, có nơi lên đến 1,8%. Lãnh thổ chạy dài theo hướng Tây Bắc - Đông Nam và bị chia cắt mạnh bởi các sông suối nhỏ của dãy Trường Sơn với nhiều dạng địa hình chuyển tiếp, xen kẽ lẫn nhau. Sườn Đông của dãy Trường Sơn nằm ở phía Tây, có độ cao trung bình 1.500 m, đỉnh Rào Cọ 2.235 m, phía dưới là vùng đồi thấp giống bát úp, tiếp nữa là dải đồng bằng nhỏ hẹp chạy ra biển có độ cao trung bình 5 m và sau cùng là dãy cát ven biển bị nhiều cửa lạch chia cắt.

- Hà Tĩnh nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa nóng ẩm, mưa nhiều. Ngoài ra, Hà Tĩnh còn chịu ảnh hưởng của khí hậu chuyển tiếp giữa miền Bắc và miền Nam. Hàng năm, Hà Tĩnh có hai mùa rõ rệt là mùa mưa và mùa hè.

2. Tiềm năng lợi thế phát triển lâm nghiệp

Hà Tĩnh có tổng diện tích rừng và đất lâm nghiệp 359.853,09ha (chiếm trên 60% diện tích tự nhiên) phân bố trên địa bàn 13 huyện, thị xã, thành phố. Bao gồm diện tích có rừng là 313.022,80ha (rừng tự nhiên 217.366,73ha; rừng trồng 95.656,07ha), đất đã trồng rừng nhưng chưa đủ tiêu chí thành rừng: 22.462,17ha, đất chưa có rừng 26.923ha; tỷ lệ che phủ rừng năm 2021 đạt 52,25%.

Phân theo 3 loại rừng, trong đó diện tích rừng đặc dụng là 74.509ha (rừng tự nhiên 73.311ha, rừng trồng 616ha, đất chưa có rừng 582ha); rừng phòng hộ 113.218ha (rừng tự nhiên 80.806ha, rừng trồng 22.015ha, đất chưa có rừng 9.658ha, đất khác 739ha); Rừng sản xuất 172.976ha (rừng tự nhiên 64.143ha, rừng trồng 72.544ha, đất chưa có rừng 30.391ha, đất khác 5.898ha). Phân theo quản lý đã giao 254.243ha rừng và đất lâm nghiệp cho 21 tổ chức (bao gồm 6 ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng; 5 doanh nghiệp nhà nước

và 10 tổ chức khác) và hơn 25 ngàn hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư quản lý 70.875ha. Diện tích còn lại chưa giao đang do UBND xã quản lý 34.846ha (chiếm khoảng 60% diện tích tự nhiên), khí hậu và tiềm năng đất đai khá thuận lợi nên Hà Tĩnh đang là một trong những địa phương có tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế từ rừng.

Lâm nghiệp ngày càng khẳng định là thế mạnh của tỉnh, rừng với vai trò là tác nhân chủ đạo để giữ ổn định môi trường, sinh thái, cảnh quan trong điều kiện khắc nghiệt của khí hậu thời tiết; là một ngành có đóng góp đáng kể vào GRDP của tỉnh, đồng thời là nguồn thu nhập, tạo thêm việc làm cho lao động trên địa bàn. Có thể nói, lĩnh vực Lâm nghiệp có vai trò vị thế ngày càng quan trọng, góp phần vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội chung của toàn tỉnh. Sự phát triển bền vững lâm nghiệp sẽ là cơ sở vững chắc để phát triển các ngành kinh tế khác, góp phần vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn. Xác định đây cũng là nhân tố quan trọng trong chiến lược xóa đói giảm nghèo và phát triển kinh tế - xã hội địa phương nên HĐND tỉnh đã có nhiều chương trình, chính sách hỗ trợ phát triển lâm nghiệp.

3. Thực trạng phát triển lâm nghiệp

- Về trồng rừng sản xuất:

Chương trình 327-CT ngày 15/9/1992 về phủ xanh đất trồng đồi núi trọc và Chương trình 661/QĐ-TTg về thực hiện dự án trồng mới 5 triệu ha rừng đến nay mặc dù đã đạt được những kết quả nhất định về phủ xanh đất trồng đồi núi trọc nhưng kinh tế lâm nghiệp của tỉnh vẫn còn phát triển chưa tương xứng với tiềm năng. Diện tích trồng rừng lớn nhưng giá trị kinh tế trên một đơn vị diện tích chưa cao, cây trồng chính là cây keo, mật độ trồng rừng quá dày 3500-4000 cây/ha (ở vùng huyện Kỳ Anh mật độ lên tới 5000 cây/ha), cây trồng thường khai thác sau 3-4 năm để cung cấp cho các nhà máy sản xuất băm dăm trên địa bàn. Tái đầu tư cho ngành lâm nghiệp vẫn chưa đáp ứng với những giá trị đưa lại; đầu tư phát triển sinh kế cho người dân sống gần rừng còn hạn chế nên rừng tự nhiên vẫn còn nguy cơ bị xâm hại cao. Năng suất rừng trồng trên địa bàn tỉnh vẫn còn thấp (đạt khoảng 80-100 m³ gỗ/ha/chu kỳ 5-7 năm) đối với cây nguyên liệu chính là keo, giá trị gỗ nguyên liệu và các sản phẩm lâm nghiệp chưa cao; việc cung ứng cây giống chất lượng cao chưa chủ động, phát triển trồng cây được liệu dưới tán rừng còn hạn chế,... Sản xuất lâm nghiệp chủ yếu là nhỏ lẻ, manh mún, trình độ áp dụng tiến bộ khoa học - công nghệ trong sản xuất chưa mạnh mẽ, liên kết chuỗi giữa sản xuất và thị trường chưa tốt. Những hạn chế trên đã làm chậm tốc độ tăng trưởng của ngành, giảm hiệu suất sử dụng đất, giá trị gia tăng trên ha chưa cao, giảm cơ hội tiếp cận thị trường trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất của các tổ chức và thu nhập của người dân làm nghề rừng.

- Về công tác giống cây lâm nghiệp:

Diện tích rừng sản xuất trên địa bàn chủ yếu là được trồng bằng giống keo với cách trồng truyền thống là tái sinh bằng hạt (thu hoạch xong đốt để hạt nảy mầm) hay giống keo

hạt mua tại các vườn ươm địa phương với các giống này cây có khả năng chống chịu gió bão nhưng tốc độ phát triển rất kém, mật độ lại quá dày dẫn tới chất lượng năng suất không cao chủ yếu cung cấp gỗ nhỏ 4 năm khai thác cho các cơ sở băm dăm. Còn trồng bằng giống keo giâm hom mua trên địa bàn thì đối với giống này thì không có rễ cọc; khả năng chống chịu gió bão kém; cây dễ bị rỗng ruột, xóp ruột; mối, mọt, sâu bệnh dễ tấn công. Đối với diện tích trồng keo hiện nay trên địa bàn tỉnh chủ yếu vẫn trồng bằng các giống sản xuất theo 3 phương pháp trên bên cạnh đó các giống này không có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và khó trồng được rừng gỗ lớn.

Những năm gần đây với những bước tiến nhảy vọt về công nghệ sản xuất giống cây lâm nghiệp. Sản xuất giống bằng phương pháp nuôi cấy mô đã được ứng dụng vào trong giống cây lâm nghiệp đã đưa lại nhiều triển vọng về năng suất chất lượng rừng trồng. Giống cây keo lai bằng phương pháp nuôi cấy mô đã khắc phục hết những nhược điểm của rừng cây do chất lượng giống mà các phương pháp cũ mắc phải. Được Trung tâm Khuyến nông tỉnh đưa vào thực hiện từ năm 2019 tại 4 địa phương: huyện Hương Sơn, Can Lộc, Hương Khê và thị xã Hồng Lĩnh. Diện tích trồng giống Keo bằng phương pháp nuôi cấy mô bước đầu đã đem lại những hiệu quả rõ rệt với khoảng 120 ha gồm các giống BV10, TB1, TB7, TB11, AH1, AH7. Từ những thành công bước đầu, đã được bà con nông dân tin tưởng, muốn nhân rộng mô hình.

- Về chế biến lâm sản:

Bên cạnh đó hiện trên địa bàn Hà Tĩnh đã có 335 cơ sở hoạt động trong lĩnh vực chế biến lâm sản, trong đó có 5 cơ sở sản xuất ván sàn, ván ghép thành; 145 cơ sở sản xuất đồ mộc dân dụng, đồ gỗ văn phòng, nội thất; 6 cơ sở sản xuất ván bóc, ván ép; 2 cơ sở bột giấy; 2 cơ sở sản xuất viên nén sinh khối; 4 cơ sở sản xuất dăm; 167 cơ sở cưa xẻ. Nhìn chung, mạng lưới cơ sở chế biến lâm sản đang hoạt động cơ bản được quy hoạch, tổ chức, sắp xếp khoa học, hợp lý, gắn với các khu, cụm công nghiệp, vùng nguyên liệu. Ngoài việc đảm bảo các quy định pháp luật về môi trường, định hướng phát triển ngành nghề chế biến lâm sản thì nó cũng đã phần nào đáp ứng được nhu cầu sản xuất, tiêu thụ. Theo thống kê, mỗi năm toàn tỉnh chế biến khoảng 500.000m³ gỗ nguyên liệu, chủ yếu là gỗ rừng trồng.

Để có những định hướng rõ ràng cho việc thay đổi nhận thức, tập quán trong sản xuất lâm nghiệp, công tác Khuyến lâm luôn được đẩy mạnh, đồng hành cùng bà con nông dân. Chú trọng xây dựng các mô hình ứng dụng tiên bộ KHKTNhư: sử dụng giống keo lai nuôi cấy mô với công nghệ sản xuất giống mới; trồng rừng thâm canh gỗ lớn và chuyển hóa rừng gỗ nhỏ sang gỗ lớn nhằm nâng cao năng suất, chất lượng gỗ rừng trồng và tăng độ che phủ, từ đó tạo nên các điểm trình diễn cho bà con nông dân tham quan học tập làm theo.

II. KHUYẾN NÔNG VỚI CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN TRỒNG RỪNG THÂM CANH GỖ LỚN VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG TRỒNG RỪNG SẢN XUẤT

Thực hiện đề án 1565/QĐ-BNN-TCLN ngày 8/7/2013 về tái cơ cấu ngành lâm nghiệp Việt Nam; Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 1/4/2021 về chiến lược phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn 2050; Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022 về chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 và đề án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng. Hà Tĩnh đã nhận định được muốn phát triển lâm nghiệp phải có các thay đổi từ các chính sách để kịp thời hỗ trợ và làm động lực để thúc đẩy kinh tế lâm nghiệp. Do vậy những năm qua HĐND tỉnh đã ban hành các chính sách, nghị quyết như Nghị quyết 123/2018/NQ-HĐND về khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2018-2021; Nghị quyết 51/2021/NQ-HĐND về việc quy định chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025 để hỗ trợ các hộ trồng rừng như hỗ trợ làm đường lâm nghiệp, hỗ trợ kinh phí cấp chứng chỉ rừng bền vững cho các nhóm hộ để thúc đẩy phát triển kinh tế lâm nghiệp. Bên cạnh đó để thay đổi nhận thức của các hộ dân trong việc trồng rừng Hà Tĩnh đã triển khai các mô hình thâm canh chuyển hóa rừng gỗ nhỏ sang rừng gỗ lớn đạt các tiêu chuẩn rừng bền vững thế giới. Đến nay diện tích đã chuyển hóa được là 300ha diện tích này chủ yếu cung cấp sản phẩm để thực hiện gỗ bóc, gỗ xẻ và gỗ ghép thanh.



Ảnh: Mô hình chuyển hóa rừng gỗ nhỏ sang rừng gỗ lớn

1. Khuyến nông với trồng rừng thâm canh gỗ lớn

Thấy rõ được những thực trạng của việc phát triển lâm nghiệp tại địa phương diện tích rừng sản xuất lớn, giá trị thu nhập từ rừng thấp, mật độ trồng rừng cao, chủ yếu toàn rừng gỗ nhỏ 4-5 năm đã khai thác. Trung tâm Khuyến nông Hà Tĩnh đã rất trăn trở với việc sử dụng giống cây lâm nghiệp nào và cách trồng ra sao để đạt được hiệu quả tối đa về kinh tế

cũng như không ảnh hưởng tới việc xói mòn đất, nâng cao tối đa độ che phủ của rừng. Bên cạnh đây việc áp dụng công nghệ mới này phải chuyển giao cho các hộ trồng rừng và được tiếp nhận và thực hiện trên diện rộng.

Để nâng cao giá trị kinh tế trên một đơn vị diện tích đất lâm nghiệp, vào năm 2017 Sở Nông nghiệp và PTNN Hà Tĩnh đã chỉ đạo Trung tâm Khuyến nông Hà Tĩnh đánh giá mật độ rừng sản xuất tại Hà Tĩnh ở các cấp độ tuổi khác nhau (từ 4-8 tuổi). Từ đó đã kết luận với thâm canh rừng sản xuất tại Hà Tĩnh thì với mật độ 1600 cây/ha cho tốc độ phát triển, trữ lượng gỗ và khả năng chống xói mòn cao nhất.

Qua đánh về mật độ rừng trồng sản xuất tại Hà Tĩnh thì Trung tâm Khuyến nông đã tiến hành đề xuất với Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND tỉnh tiến hành thực hiện các mô hình thí điểm về thâm canh rừng với mật độ 1600 cây/ha làm điểm để các hộ trồng rừng tham quan và học tập nhân rộng. Sau một thời gian thực hiện các hộ dân đã tiến hành thay đổi nhận thức và đã nhân rộng được 200ha.

Trước thực trạng diện tích rừng sản xuất lớn (trên 100.000 ha) phần lớn là rừng keo đã trồng từ 2-4 năm tuổi với mật độ cao (trên 3500 cây/ha) cung cấp toàn rừng gỗ nhỏ nên việc trồng theo đúng quy trình thâm canh rừng với mật độ 1600 cây/ha gặp khó khăn. Thấy vậy, Trung tâm Khuyến nông đã áp dụng mô hình chuyển hóa rừng gỗ nhỏ với mật độ cao sang rừng gỗ lớn với mật độ 1600 cây/ha nhằm giúp các hộ trồng rừng có thu nhập tối đa trên một đơn vị diện tích. Bước đầu mô hình đã được các hộ trồng rừng hưởng ứng và đem lại kết quả mong đợi. Có hơn 300ha rừng các hộ dân đã tiến hành chuyển hóa đã chuyển hóa và diện tích rừng gỗ lớn trên 7 năm tuổi ngày một mở rộng.

Bên cạnh đây Trung tâm Khuyến nông Hà Tĩnh còn tư vấn hỗ trợ các hộ trồng rừng thành lập các hợp tác xã trồng rừng, liên hiệp hợp tác xã trồng rừng theo hướng bền vững. Đây là nơi qua đó các hộ trồng rừng có thể trao đổi thông tin, học tập kinh nghiệm và cùng nhau phát triển rừng thâm canh theo hướng bền vững.

Xác định được những hạn chế trong phát triển sản xuất lâm nghiệp, để khai thác hiệu quả kinh tế lâm nghiệp đưa năng suất và giá trị gia tăng trong trồng rừng ngày càng tăng cao. Trung tâm Khuyến nông Hà Tĩnh đã tư vấn hỗ trợ các hộ trồng rừng thành lập các hợp tác xã trồng rừng, liên hiệp hợp tác xã trồng rừng theo hướng bền vững. Đây là nơi qua đó các hộ trồng rừng có thể trao đổi thông tin, học tập kinh nghiệm và cùng nhau phát triển rừng thâm canh theo hướng bền vững. Đã có nhiều hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã với những phương án sản xuất hiệu quả để đẩy mạnh giá trị rừng trồng đó là quyết liệt trong việc trồng rừng gỗ lớn gắn với thực hiện chứng chỉ rừng FSC.

Trước nhu cầu của các hộ trồng rừng tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách để thúc đẩy tỷ lệ che phủ rừng và đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chuyển đổi mô hình trồng rừng gỗ đằm qua mô hình trồng rừng gỗ lớn có chứng chỉ bền vững kết hợp với

sự hỗ trợ của các dự án Quốc tế, tỉnh Hà Tĩnh đã được cấp chứng nhận quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC cho mô hình nhóm hộ gia đình.

Mặc dù diện tích rừng thâm canh, rừng chuyển hóa từ gỗ nhỏ sang gỗ lớn ngày một mở rộng nhưng với rừng trên 8 năm tuổi thì đa số diện tích gặp phải tình trạng cây bị rỗng ruột, xóp ruột làm cho năng suất, chất lượng rừng bị giảm đáng kể. Sau khi xác định được chất lượng, công nghệ, và nguồn gốc giống là nguyên nhân gây nên tình trạng đó. Trung tâm Khuyến nông đã tiến hành tham quan, học hỏi kinh nghiệm từ Trung tâm Khuyến nông Trung ương, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam, các tỉnh khác để ứng dụng giống keo lai theo công nghệ nuôi cấy mô (đây là công nghệ mới trong sản xuất giống cây lâm nghiệp) và các giống keo lai với các dòng phù hợp với điều kiện cùng lập địa Hà Tĩnh vào trồng rừng thâm canh cây gỗ lớn nhằm khắc phục tình trạng trên đạt kết quả rất khả quan.

Đến năm 2019 Trung tâm Khuyến nông Hà Tĩnh đã phối hợp cùng Trung tâm Khuyến nông Quảng Trị thực hiện Dự án “Xây dựng và phát triển mô hình trồng rừng thâm canh gỗ lớn cây keo lai mô và keo tai tượng tại một số tỉnh Miền Trung giai đoạn 2019 - 2021” thực hiện tại 4 tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế. Dự án đã được triển khai đến nay đã hoàn thành và đã đạt được những kết quả đáng mong đợi. Phát huy hết giá trị tiềm năng của đất và ứng dụng các tiến bộ KHTK vào trong trồng rừng sản xuất.

Dự án đã tiến hành đưa giống keo lai theo công nghệ nuôi cấy mô với các dòng AH1, AH7, TB1 và giống keo hạt Úc Pongakii vào trồng với diện tích 90ha. Đã tổ chức thành công các lớp đào tạo, tập huấn, tham quan, tổng kết, thông tin tuyên truyền.



Ảnh: Đoàn của TT Khuyến nông Quảng Trị đi khảo sát thực địa tại Hà Tĩnh

Với những kết quả bước đầu đạt được từ việc ứng dụng giống keo lai mô vào trồng rừng thâm canh đạt kết quả khả quan, trong những năm qua, tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành và triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách để hỗ trợ phát triển kinh tế lâm nghiệp; huy

động nhiều nguồn lực đầu tư, đẩy mạnh xã hội hóa sản xuất lâm nghiệp,... Trong đó có chương trình của HĐND về khuyến lâm giai đoạn 2020-2022 nhằm đưa các ứng dụng tiến bộ KHKT vào trong sản xuất lâm nghiệp. Chương trình đã đưa giống keo lai theo công nghệ nuôi cấy mô dòng BV10 và trồng thâm canh rừng gỗ lớn chuyển hóa từ rừng gỗ nhỏ với diện tích 45ha. Do đó, kinh tế lâm nghiệp của tỉnh đã phát triển khá rõ nét. Bà con trồng rừng đã có thêm lựa chọn cho việc phát triển rừng bền vững.



Ảnh: Rừng FSC thâm canh chuyển hóa từ rừng gỗ nhỏ sang rừng gỗ lớn của HTX Tây Kim (Chụp tháng 12/2021)

2. Kết quả thực hiện

Dự án liên kết: “Xây dựng và phát triển mô hình trồng rừng thâm canh gỗ lớn cây keo lai mô và keo tai tượng tại một số tỉnh Miền Trung giai đoạn 2019 - 2021”

Được thực hiện tại 4 tỉnh, Hà Tĩnh được triển khai từ năm 2019. Qua 3 năm triển khai dự án đã trồng mới được 90ha với giống keo lai mô dòng AH1, AH7, TB1 và giống keo tai tượng Úc dòng Pongaki, đã tổ chức được 6 lớp tập huấn trong mô hình, 3 lớp tập huấn ngoài mô hình và 3 hội thảo tổng kết đầu bờ. Mô hình đã được đài truyền hình tỉnh Hà Tĩnh thực hiện phóng sự chuyên đề để nhân rộng cho các hộ trồng rừng học hỏi.

- Với diện tích trồng năm 2019 là 30ha gồm các dòng Keo lai mô AH1, AH7. Tỷ lệ cây sống đạt trên 96%; Cây sinh trưởng phát triển tốt, chiều cao bình quân H_{vn} : 6,7 - 7,5m; đường kính thân bình quân: $D_{1,3}$ 7 - 7,4cm. Các hộ đã thực hiện tốt công tác chăm sóc, xử lý thực bì, chặt tỉa cành nhánh, xăm xói, làm cỏ bón phân theo đúng quy trình kỹ thuật trồng rừng thâm canh.



Ảnh: Rừng trồng năm 2019 (Chụp tháng 11/2021)

- Rừng trồng thực hiện dự án năm 2020 là 30ha với giống Keo tai tượng Úc dòng Pongaki. Tỷ lệ sống đạt được của mô hình đạt trên 97%; Cây sinh trưởng phát triển tốt, chiều cao bình quân H_{vn} : 3,5 - 4m; Đường kính thân bình quân: D_{00} 3,5 - 4,5cm. Công tác quản lý, chăm sóc, bảo vệ rừng rất tốt.



Ảnh: Rừng trồng năm 2020 (Chụp tháng 8/2021)

- Với diện tích trồng năm 2021 là 30ha gồm các dòng Keo lai môAH1, AH7. Cây sinh trưởng phát triển tốt, tỉ lệ cây sống đạt trên 98%, chiều cao bình quân H_{vn} : 3,5 - 4 m; đường kính thân bình quân: D_{00} 3,5 - 4,5cm. Công tác quản lý, chăm sóc, bảo vệ rừng được các hộ rất quan tâm và tiến hành theo đúng quy trình kỹ thuật.



Ảnh: Rừng trồng năm 2021 (chụp tháng 12/2021)

- Sau khi Trung tâm Khuyến nông triển khai mô hình trồng rừng thâm canh gỗ lớn cây keo lai mô và keo tai tượng thì đến năm 2020, mô hình trồng rừng thâm bằng giống keo lai nuôi cấy mô được HĐND tỉnh phê duyệt và giao cho Trung tâm Khuyến nông triển khai vào giai đoạn 2020-2022 với hình thức hỗ trợ một phần. Sau 3 năm tiến hành trồng giống cây keo bằng phương pháp nuôi cấy mô đạt tỷ lệ sống trên 95%, cây sinh trưởng và phát triển tốt; cây trồng năm 2020 đạt chiều cao H_{vn} : trên 4,5m; đường kính $D_{1,3m}$: từ 13-19cm; cây trồng năm 2021 đạt chiều cao H_{vn} : trên 2,5m; đường kính $D_{1,3m}$: từ 4-6cm; cây trồng năm 2022 cây sinh trưởng và phát triển tốt tỉ lệ sống trên 99%.

3. Nhân rộng trồng rừng thâm canh gỗ lớn và phát triển bền vững trong trồng rừng sản xuất

Mô hình trồng rừng thâm canh gỗ lớn cây Keo lai mô giống mới, Keo tai tượng giống Úc đã thực sự là những mô hình nổi bật tại địa phương. Từ lúc triển khai mô hình tới nay diện tích trồng rừng thâm canh gỗ lớn của bà con đã tăng lên rõ rệt diện tích ngoài mô hình đã trồng thêm được trên 90ha trong đó keo tai tượng giống úc là trên 50ha và keo lai mô là trên 40 ha.

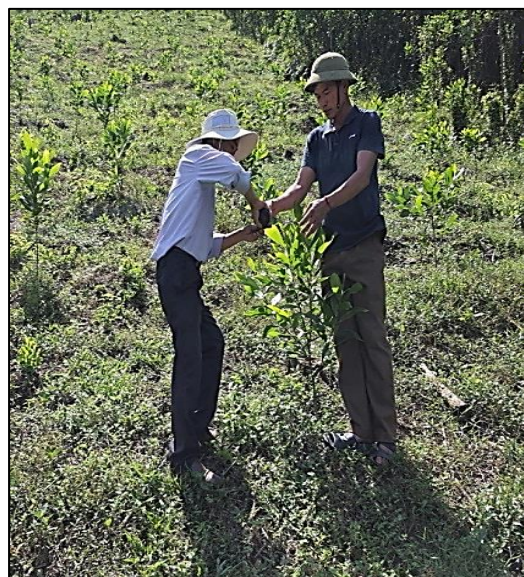
Tại các điểm thực hiện được chính quyền cơ sở và người dân ghi nhận và đánh giá cao, khẳng định đây là những mô hình mang tính vượt trội hơn hẳn những giống cây Keo đã và đang triển khai tại địa phương.



Ảnh: Rừng trồng năm 2020



Ảnh: Rừng trồng năm 2021



Ảnh: Rừng trồng năm 2022

(Ảnh: Đoàn đi kiểm tra các mô hình nhân rộng trồng rừng thâm canh)

Hiện nay diện tích rừng đạt tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững FSC do hội đồng quản lý rừng cấp cho nhóm hộ với diện tích tăng từ 358,24 ha/199 hộ năm 2018 lên 6089 ha/2515 hộ trong năm 2021. Ban đầu từ một liên hiệp HTX chứng chỉ rừng Tây Kim ở huyện Hương Sơn, đến nay sau hơn một năm triển khai tại huyện Kỳ Anh HTX Lâm nghiệp An Việt Phát Hà Tĩnh cũng đã cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững FSC cho nhóm hộ tại xã Lâm Hợp và xã Kỳ Tân.



Ảnh: Đoàn kiểm tra rừng được cấp chứng chỉ rừng bền vững

Diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn quốc tế FSC đang ngày một mở rộng.

III. KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ

- Diện tích rừng trồng sản xuất của Hà Tĩnh đạt 150.000ha nhưng các mô hình trình diễn quá ít mới đạt 125ha nên chưa lan truyền rộng tới các hộ trồng rừng.
- Để trồng rừng thâm canh gỗ lớn đạt hiệu quả thì khâu chọn giống là điều quan trọng. Nhưng trên địa bàn tỉnh chưa có cơ sở sản xuất giống cây lâm nghiệp đạt tiêu chuẩn để sản xuất các giống theo công nghệ mới như công nghệ nuôi cấy mô. Bà con trồng rừng phải mua cây từ các địa phương ngoài tỉnh nên không chủ động về cây giống và giá thành cây giống khá cao gây khó khăn cho bà con trong công tác trồng mới.
- Diện tích đất lâm nghiệp lớn, trải dài trên địa bàn nhiều huyện, giao thông chưa đồng bộ nên gây khó khăn trong việc phát triển lâm nghiệp.
- Trình độ dân trí không đồng đều, các lớp tập huấn còn quá ít nên khả năng tiếp thu các tiến bộ KHKT trong việc phát triển lâm nghiệp còn hạn chế.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI

- Tiếp tục bám sát Nghị quyết 51/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về lâm nghiệp để tuyên truyền các nội dung về phát triển lâm nghiệp trong nghị quyết tới các hộ trồng rừng.
- Trung tâm Khuyến nông hoàn thiện chương trình khuyến nông giai đoạn 2023-2025, xác định việc thực hiện các mô hình trồng rừng thâm canh bằng giống keo lai nuôi cấy mô là nhiệm vụ ưu tiên trong lĩnh vực Khuyến lâm.
- Đề xuất với Trung tâm Khuyến nông Quốc gia các mô hình dự án phát triển trồng rừng thâm canh theo hướng bền vững sử dụng các loại giống nuôi cấy mô để phát huy hết giá trị trên một đơn vị diện tích đất lâm nghiệp. Nhằm hướng tới bình quân thu nhập từ rừng trồng sản xuất tăng khoảng 1,5 lần/đơn vị diện tích so với năm 2020 như trong Quyết định 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ.
- Tranh thủ các nguồn hỗ trợ để tổ chức các buổi tham quan các mô hình: Trồng rừng thâm canh, chuyển hóa rừng gỗ nhỏ thành rừng gỗ lớn, trồng rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC trên địa bàn trong và ngoài tỉnh cho các hộ trồng rừng để dần thay đổi thói quen, tập quán trồng rừng của bà con.
- Việc thay đổi nhận thức của các hộ trồng rừng trong việc ứng dụng tiến bộ KHKT thì phải có lộ trình và phải được sự quan tâm của các đơn vị quản lý nhà nước một cách đúng đắn.

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Các mô hình, dự án trồng rừng thâm canh gỗ lớn bằng giống keo lai nuôi cấy mô tại tỉnh Hà Tĩnh đã thực sự đạt kết quả như mục tiêu dự án đã đề ra. Đây là những điểm trình

diễn nổi bật về trồng rừng thâm canh gỗ lớn được chính quyền địa phương, người dân, lãnh đạo các cấp tại tỉnh đánh giá cao và ghi nhận. Qua triển khai từng bước đã thay đổi nhận thức người dân từ trồng rừng nguyên liệu gỗ nhỏ sang thâm canh trồng rừng gỗ lớn gắn chế biến nguyên liệu tinh sâu theo chuỗi giá trị. Chuyển giao cho người dân giống keo mới với công nghệ nuôi cấy mô và quy trình trồng rừng thâm canh cây gỗ lớn. Các mô hình bước đầu cho thấy ưu thế của giống keo lai nuôi cấy mô vượt trội hơn so với giống keo lai giâm hom.

2. Kiến nghị

Hà Tĩnh có diện tích rừng trồng nguyên liệu khá lớn lên tới hơn 100.000ha, đã và đang nhân rộng mô hình trồng rừng theo tiêu chuẩn quốc tế FSC, gắn với nhà máy chế biến HDF Thanh Thành Đạt. Tuy nhiên, các hộ dân trồng rừng ở Hà Tĩnh còn trồng rừng theo truyền thống, chủ yếu rừng nguyên liệu gỗ nhỏ, sử dụng giống keo giâm hom, giống keo từ hạt, thậm chí keo tái sinh hạt nên chất lượng rừng trồng còn kém. Để khai thác hết những tiềm năng và lợi thế cũng như nâng cao chất lượng rừng trồng, chuyển nhanh từ trồng rừng nguyên liệu sang trồng rừng gỗ lớn gắn với chế biến tinh, sâu theo chuỗi giá trị nhằm nâng cao hiệu quả rừng trồng, gắn với quản lý phát triển rừng bền vững, đề nghị Trung tâm Khuyến nông Quốc gia triển khai tại Hà Tĩnh dự án nhân rộng mô hình trồng rừng thâm canh gỗ lớn bằng giống nuôi cấy mô. Bên cạnh đó nên triển khai thêm nhiều các cuộc hội thảo, diễn đàn khuyến nông @ nông nghiệp về trồng thâm canh rừng gỗ lớn để các hộ trồng rừng ở Hà Tĩnh tiếp cận và thực hiện./.

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG HÀ TĨNH

KHUYẾN NÔNG VỚI CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN TRỒNG RỪNG THÂM CANH GỖ LỚN NÂNG CAO GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG TRỒNG RỪNG SẢN XUẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ

Trung tâm Khuyến nông Quảng Trị

Tỉnh Quảng Trị có tổng diện tích tự nhiên 473.982 ha với 3/4 diện tích là đất đồi núi và cát ven biển, có điều kiện tự nhiên và tiềm năng đất đai thuận lợi cho việc phát triển lâm nghiệp. Là một tỉnh có qui mô đất đai và dân số không lớn nhưng Quảng Trị có những lợi thế đáng kể về vị trí địa lý - kinh tế, các tuyến giao thông đường bộ, đường sắt xuyên Việt như Quốc lộ 1A, đường Hồ Chí Minh, đường sắt Bắc Nam đi qua. Quảng Trị là ngã ba giữa các tuyến giao thông huyết mạch xuyên Việt; xuyên Á (Quốc lộ 9) nằm trên hành lang Đông Tây nối Việt Nam - Lào - Thái Lan - Myanmar và các nước khác trong khu vực. Đó là tiềm năng cho sự phát triển kinh tế nói chung và phát triển lâm nghiệp nói riêng của tỉnh. Căn cứ kết quả kiểm kê rừng tỉnh Quảng Trị đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 599/QĐ-UBND ngày 5/02/2022; Toàn tỉnh có diện tích đất quy hoạch cho lâm nghiệp là 285.878 ha, diện tích rừng trồng sản xuất (bao gồm cả rừng ngoài ba loại rừng) là: 121.415,43 ha. Hàng năm, trồng mới rừng tập trung đạt 6.500 - 7.000 ha; duy trì độ che phủ rừng ổn định 50%.

Hiện nay, đối tượng trồng rừng sản xuất chủ yếu của tỉnh là cây Keo các loại chiếm trên 80% rừng sản xuất, những năm gần đây cây Keo lai là đối tượng chủ lực, được lai giữa Keo lá tràm và Keo tai tượng, nó mang được đặc điểm ưu trội của cả bố và mẹ về tốc độ sinh trưởng nhanh, chất lượng gỗ tốt, đặc biệt khả năng thích nghi rộng trên các điều kiện lập địa khác nhau. Nhưng các HTX và người dân vẫn đang trồng rừng gỗ nhỏ chu kỳ kinh doanh 4 - 5 năm, với mật độ dày 3.000 - 3.500 cây/ha dẫn đến hiệu quả tăng trưởng gỗ thấp, nên hiệu quả kinh tế mang lại đang còn thấp. Xu thế trồng rừng thâm canh gỗ lớn có chứng chỉ sẽ đưa đến hiệu quả kinh tế cao hơn gấp 1,5 đến 2 lần so với trồng rừng gỗ nhỏ. Tuy nhiên người trồng rừng đang còn nhiều băn khoăn về quy trình kỹ thuật áp dụng, điều kiện thiên tai ảnh hưởng đến rừng trồng khi để chu kỳ kinh doanh dài cây sẽ dễ bị ngã đổ khi bị mưa bão, đặc biệt hiện nay hiện tượng biến đổi khí hậu khó lường, diễn biến phức tạp và tần suất ngày càng lớn trên địa bàn tỉnh nên tạo sự e ngại của người dân trong áp dụng quy trình trồng rừng gỗ lớn nhiều năm, các chính sách của nhà nước về khuyến khích nhân rộng mô hình, theo chuỗi giá trị rừng trồng vì thế mà cũng gặp trở ngại khi đưa vào thực tiễn...

Thấy được thực trạng còn khó khăn trong triển khai các chủ trương lớn của Nhà nước về việc thúc đẩy trồng rừng gỗ lớn, từ năm 2014 đến năm 2022 Trung tâm Khuyến nông

tinh với chức năng nhiệm vụ của mình đã đồng hành với bà con nông dân, các chính quyền cơ sở để tạo chuyển biến trong thực hiện.

Các nhiệm vụ cụ thể đã thực hiện đó là:

- Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về trồng rừng gỗ lớn: Xây dựng các chuyên mục truyền hình phát trên Đài Phát thanh truyền hình tỉnh, viết các bài báo tuyên truyền trên các báo địa phương, bản tin của ngành, tuyên truyền về chủ trương chính sách của Nhà nước về việc trồng rừng gỗ lớn gắn với thực hiện chứng chỉ FSC, hướng dẫn quy trình kỹ thuật thực hiện trồng rừng thâm canh gỗ lớn; Tổ chức các hội nghị sơ kết tổng kết, hội nghị đầu bờ, các chuyến tham quan học tập đến các mô hình gỗ lớn từ đó phần nào tạo chuyển biến trong nhận thức về chuyển đổi phương án sản xuất cho bà con nông dân.

- Đào tạo tập huấn cho các HTX, người dân trồng về quy trình trồng rừng gỗ lớn, chuyển hóa từ rừng gỗ nhỏ sang thực hiện gỗ lớn, các bước để tham gia thực hiện chứng chỉ FSC rừng trồng, thông qua đó người dân có thể tự tin thực hiện trồng rừng gỗ lớn.

- Xây dựng các mô hình trình diễn để làm điểm tham quan học tập về trồng rừng thâm canh gỗ lớn với các đối tượng Keo lai giâm hom, Keo lai nuôi cấy mô và Keo tai tượng; mô hình chuyển hóa rừng từ rừng gỗ nhỏ sang thực hiện gỗ lớn. Thông qua các mô hình có thể đánh giá quy trình cụ thể, hiệu quả kinh tế, so sánh với các phương án sản xuất cũ, phương án mới sản xuất mới để có thể áp dụng làm theo.

I. KẾT QUẢ CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Công tác thông tin tuyên truyền

- Đã xây dựng được 9 chuyên mục truyền hình về lĩnh vực lâm nghiệp phát trên Đài Phát thanh, Truyền hình tỉnh Quảng Trị (bình quân mỗi năm lĩnh vực khuyến lâm xây dựng một chuyên mục truyền hình).

Nội dung chuyên mục: tuyên truyền, phổ biến các chính sách về phát triển trồng rừng thâm canh gỗ lớn, hướng dẫn quy trình trồng rừng thâm canh gỗ lớn để đưa những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các bước thực hiện cụ thể đến với người dân.

Kết quả đã phần nào chuyển tải các nội dung làm chuyển biến nhận thức để tạo sự an tâm cho người dân khi chuyển đổi phương án sản xuất.

- Viết bài cho các báo địa phương, bản tin nông nghiệp của ngành hàng năm được thực hiện với 2 - 3 bài mỗi năm, với các nội dung tuyên truyền, hướng dẫn cụ thể người dân có thể áp dụng vào để thực hiện trồng rừng gỗ lớn; các điển hình về trồng rừng gỗ lớn; cách làm mới hiệu quả của những phương án sản xuất mới thông qua đó được tuyên truyền để người dân học tập và làm theo.

- Với kết quả thực hiện các mô hình đã tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết, tham quan học tập cho các chính quyền địa phương nơi triển khai mô hình, những địa phương xung quanh và người dân các địa phương trồng rừng trên địa bàn tỉnh đến để trực tiếp nắm bắt, đánh giá hiệu quả từ đó có thể học tập làm theo. Kết quả đã tổ chức được 10 cuộc với trên 300 lượt người tham gia.

2. Công tác đào tạo tập huấn

Trước khi triển khai trồng rừng tại các điểm trình diễn mô hình của các năm đã được cán bộ kỹ thuật Trung tâm Khuyến nông Quảng Trị tổ chức tập huấn kỹ thuật lý thuyết và kết hợp thực hành bắt tay chỉ việc cho bà con nông dân thực hiện. Thông qua các lớp tập huấn đó người dân đã nắm vững kỹ thuật vào áp dụng ngay trên mô hình nên kết quả đạt được rất cao. Ngoài ra Trung tâm còn mở các lớp đào tạo cho người dân trong cộng đồng tham gia.

Kết quả tập huấn cho nông dân trong mô hình, nông dân ngoài mô hình: Tổng số lớp tập huấn năm từ 2014 đến 2022 là 35 lớp tập huấn với khoảng 1.000 người được tập huấn chương trình trồng rừng gỗ lớn và chuyển hóa rừng từ gỗ nhỏ sang thực hiện gỗ lớn.

3. Xây dựng các mô hình trình diễn

3.1. Mô hình trồng Keo lai giâm hom ứng dụng tiến bộ kỹ thuật nâng cao chất lượng gỗ được triển khai thực hiện từ năm 2014 đến năm 2017

Với mô hình mô hình này đã lựa chọn đối tượng là các dòng Keo lai được khẳng định thích nghi tốt, có năng suất cao và chất lượng gỗ tốt đưa vào thực hiện là dòng BV32 và BV33, với quy mô 25 ha, cụ thể thực hiện tại các điểm như sau:

- + Thôn Tân Mỹ, thôn Tân Lệ - xã Hải Lệ - thị xã Quảng Trị 5,0 ha
- + Thôn Tân Xuân, thôn Thiện Chánh - xã Cam Thủy- huyện Cam Lộ 5,0 ha
- + HTX Đông Thanh - phường Đông Thanh - thành phố Đông Hà 5,0 ha
- + Thôn Dục Đức - xã Vĩnh Sơn - huyện Vĩnh Linh 5,0 ha
- + Thôn 3B - xã Hải Thái - huyện Gio Linh 5,0 ha

Quy trình thực hiện áp dụng trồng rừng với mật độ trồng rừng ban đầu là 1.660 cây/ha, cự ly bố trí 2 x 3m; Xử lý thực bì ban đầu đưa vào trồng rừng không đốt, làm đất ở mức tối thiểu cục bộ theo hố trồng (không cày và ủi toàn diện) đảm bảo đúng theo quy định quy trình trồng rừng bền vững;

- Tiến hành chăm sóc rừng trồng : Từ năm thứ nhất đến năm thứ tư tiến hành phát thực bì toàn diện và bón phân theo quy định của kỹ thuật; Đặc biệt năm thứ 2 chú ý một số biện pháp kỹ thuật như sau:

Tỉa thân: Với mục đích tạo cây đơn thân để tập trung cho cây sinh trưởng về đường kính và chiều cao. Khi cây cao từ 2m trở lên, chọn 1 thân thẳng tốt nhất để lại, còn những

thân khác dùng dao, cưa hoặc kéo chặt bỏ cách gốc 1 - 2cm. Những cây phát triển nhiều ngọn cũng loại bỏ bớt chỉ để lại 1 ngọn chính, vì những điểm này thường bị hiện tượng tước thân, gãy đổ khi có gió lớn.

Tỉa cành: Mục đích để gỗ ít mắt, ít khuyết tật, tạo chiều cao dưới cành như mong muốn. Công tác tỉa cành lưu ý không tỉa quá 50% tán cây nhằm giúp cây có đủ khả năng quang hợp; không tỉa cành vào mùa mưa, vì các vết cắt sẽ dễ bị nấm bệnh xâm nhập.

Đến năm thứ 5 (cây tròn 4 tuổi), tiến hành tỉa thưa chuyển hóa rừng để lại mật độ 1.000 cây/ha. Năm thứ 7 đến năm thứ 8 tỉa thưa lần 2 chỉ để lại 500-600 cây/ha.

Nhìn chung trồng rừng gỗ lớn cây keo lai cho thấy: Về tốc độ sinh trưởng phát triển nhanh, chất lượng gỗ tốt. Đảm bảo tỷ lệ cung cấp gỗ lớn trên lâm phần trên 60%.

3.2. Mô hình chuyển hóa rừng Keo lai, Keo tai tượng gỗ nhỏ sang rừng gỗ lớn trong giai đoạn năm 2018 đến năm 2022

Thực hiện các diện tích trồng rừng Keo lai gỗ lớn đã thành công và trồng rừng kinh tế của người dân trên địa bàn, với quy mô 96,0 ha; Quy trình áp dụng, với mật độ hiện tại từ 1.660 cây/ha đến 2.000 cây/ha; Thời vụ tỉa thưa: Thời vụ tỉa thưa rừng thích hợp nhất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị là vào mùa xuân tháng 2, tháng 3 và vào mùa thu tháng 8, tháng 9.

Tỉa thưa lần 1 ở tuổi 4 và tuổi 5: Luồng phát thực bì, chọn cây bài cây, tỉa thưa, cắt cành nhánh, để lại mật độ 1.000 cây/ha, chăm sóc bón phân năm thứ 4 sau khi đã tỉa thưa rừng.

Tỉa thưa lần 2 ở tuổi 7 và tuổi 8: Mật độ để lại thích hợp 500 - 600 cây/ha.

Cụ thể các địa điểm thực hiện như sau:

- + Thôn Tân Xuân, Thien Chánh - xã Cam Thủy - Cam Lộ: 5,0ha
- + Thôn Tân Lệ, Tân Mỹ - xã Hải Lệ - TX Quảng Trị: 5,0ha
- + HTX Phú Hưng - xã Hải Phú - Hải Lăng: 22,0ha
- + Thôn Dục Đức, xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Linh: 5,0ha
- + HTX Đông Thanh, phường Đông Thanh, thành phố Đông Hà: 5,0ha
- + HTX Thượng Phước, xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong: 10,0ha
- + Thôn Tân Thủy, xã Vĩnh Thủy, huyện Vĩnh Linh: 7,0ha
- + Thôn Trường Thọ, xã Hải Thái, huyện Gio Linh: 5,0 ha
- + Thôn Minh Phước, xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Linh: 10,0ha
- + Thôn Thủy Ba Hạ, xã Vĩnh Thủy, huyện Vĩnh Linh: 2,0ha
- + Thôn Thien Chánh, xã Cam Thủy, huyện Cam Lộ: 20,0ha

Hiện tại chuyển hóa rừng cây keo lai phát triển đồng đều về đường kính và chiều cao, có xu hướng phát triển mạnh về đường kính D1.3 (đường kính D1.3 tăng 3-4 cm/năm). Vì vậy, việc chuyển hóa rừng keo lai từ gỗ nhỏ sang rừng gỗ lớn không chỉ giúp tiết kiệm cây

giống, tiết kiệm chi phí trồng và chăm sóc, mà còn giảm sâu bệnh hại và hạn chế suy thoái đất rừng... Do đó, khi chuyển đổi từ rừng gỗ nhỏ sang rừng gỗ lớn cần nhìn nhận trên diện rộng, để so sánh về mặt kinh tế, xã hội và môi trường thì tin chắc rừng gỗ lớn sẽ cho hiệu quả cao hơn rõ rệt.

3.3. Mô hình trồng rừng gỗ lớn cây Keo lai mô và Keo tai tượng giống Úc được thực hiện giai đoạn 2019 đến năm 2022

Keo lai nuôi cấy mô đưa vào thực hiện các dòng AH1, AH7 và TB1.

Keo tai tượng Úc xuất xứ Pongakii.

Mật độ thực hiện: 1.660 cây/ha, cự ly bố trí 2 x 3m.

Quy trình áp dụng là quy trình trồng rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC.

Quy mô thực hiện 156,5ha.

Thực hiện tại các địa phương như sau:

- + HTX Phú Hưng - Hải Phú - Hải Lăng: 20,0 ha
- + HTX Thượng Phước - Triệu Thượng - Triệu Phong: 20,0 ha
- + HTX Hà xá, thôn Ái Tử - Triệu Ái - Triệu Phong: 20,0 ha
- + Thôn An Mỹ - Cam Tuyền - Cam Lộ 20,0 ha
- + HTX Nhan Biều - Triệu Thượng - Triệu Phong: 12,0 ha
- + Thôn An Mỹ - Cam Tuyền - Cam Lộ: 18,0 ha
- + Thôn Thượng Lâm - Cam Thanh - Cam Lộ: 20,0 ha
- + HTX Nhan Biều 3 - Triệu Thượng- Triệu Phong: 10,5 ha
- + Thôn Bình Minh - xã Phong Bình - huyện Gio Linh: 9,0ha
- + HTX Đông Thanh - phường Đông Thanh - TP. Đông Hà: 7,0ha

Qua theo dõi chỉ tiêu kỹ thuật mô hình trồng cây Keo lai mô, Keo tai tượng gỗ lớn tại các điểm trên chúng tôi có một số đánh giá như sau:

- Cây keo lai mô dòng AH1, AH7, TB1, Keo tai tượng Úc xuất xứ Pongakii là các giống mới có tốc độ sinh trưởng, phát triển nhanh, đồng đều, đến năm thứ 3 chưa thấy cây phát dục ra hoa, kéo dài thời gian sinh trưởng chiều cao và đường kính thân cây. Cây có bộ rễ cọc phát triển nên chống chịu với hạn hán, gió bão rất tốt. Năng suất tăng trưởng bình quân hàng năm của keo lai mô dòng AH1, AH7 và TB1 đạt 34 m³/ha/năm với chu kỳ 5 năm đầu. Tốc độ tăng trưởng so sánh với rừng Keo lai giâm hom đã thể hiện được tính sinh trưởng vượt trội trên 20% trong những năm đầu.

- Với mức giá bán các loại cây gỗ xẻ như hiện nay, lợi nhuận bình quân đạt 210 triệu đồng/ha/chu kỳ kinh doanh 10 năm, hiệu quả kinh tế cao gấp 1,5-2 lần so với trồng Keo lai gỗ nhỏ với chu kỳ kinh doanh 5 năm. Ngoài ra, kinh doanh rừng Keo lai gỗ lớn cũng giúp giảm bớt số lần khai thác, trồng lại rừng, do đó giảm xói mòn, rửa trôi đất do quá trình khai thác. Rừng keo lai gỗ lớn cũng có khả năng hấp thụ nhiều cacbon, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, chống biến đổi khí hậu.

4. Định hướng thời gian tới và giải pháp thực hiện

- Cần thường xuyên tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác khuyến nông từ tỉnh đến cơ sở để từ đó cập nhật những kiến thức mới ứng dụng vào chuyển giao.

- Cần tăng cường các hội thảo, hội nghị sơ kết, tổng kết mô hình để có thể tuyên truyền nhân rộng kết quả thực hiện các mô hình thành công.

- Trung tâm Khuyến nông Quảng Trị tiếp tục xây dựng các mô hình trồng rừng gỗ lớn cây Keo lai mô và Keo tai tượng Úc, chuyển hóa rừng từ gỗ nhỏ sang thực hiện gỗ lớn để làm mô hình trực quan cho người dân đến tham quan học tập.

- Chú trọng công tác giống: Xây dựng vườn ươm chất lượng cao đáp ứng nguồn giống tốt cho người dân trồng rừng, vì hiện nay trên địa bàn tỉnh nguồn giống chất lượng cao Keo lai mô đang rất hạn chế.

- Kết nối, đồng hành các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh để liên kết với người dân tổ chức sản xuất rừng gỗ lớn theo chuỗi giá trị bền vững./.

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG QUẢNG TRỊ

KHUYẾN NÔNG VỚI CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN TRỒNG RỪNG THÂM CANH GỖ LỚN NÂNG CAO GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG TRỒNG RỪNG SẢN XUẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Trung tâm Khuyến nông Thừa Thiên Huế

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tỉnh Thừa Thiên Huế có diện tích rừng tự nhiên và rừng trồng là 304.081,08 ha; trong đó: diện tích rừng tự nhiên là: 205.674,47 ha, diện tích rừng trồng là: 98.406,61 ha (gồm diện tích rừng trồng có trữ lượng là: 77.067,3 ha, diện tích đã trồng chưa thành rừng là: 21,339,31 ha); độ che phủ rừng đạt 57,15%.

Trong những năm qua, được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp, công tác phát triển lâm nghiệp tại các địa phương trên địa bàn tỉnh đã đạt được nhiều thành quả đáng kể; người dân, các tổ chức và doanh nghiệp đã thực sự quan tâm phát triển nghề rừng, đặc biệt là trồng rừng sản xuất. Qua số liệu thống kê thì sản lượng gỗ khai thác từ rừng trồng bình quân hằng năm đạt khoảng 600.000 m³, tương đương 6.000 ha rừng khai thác/năm, năng suất rừng bình quân đạt 100 m³/ha/chu kỳ 5-6 năm; cung cấp gỗ cho tiêu dùng trong nước và phục vụ xuất khẩu, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân và giúp các hộ gia đình vươn lên làm giàu từ rừng, hộ nghèo tại các xã vùng núi và gò đồi giảm đáng kể.

Thực trạng trồng rừng sản xuất hiện nay phần lớn diện tích người dân tự trồng với loài cây Keo và chủ yếu với mục tiêu trồng rừng nguyên liệu gỗ nhỏ (dăm gỗ và viên nén), chu kỳ khai thác khoảng 4 - 5 năm và chưa thật sự quan tâm áp dụng các biện pháp kỹ thuật quản lý rừng bền vững và các nguyên tắc quản lý rừng bền vững, gắn với chứng chỉ rừng FSC, nên năng suất, chất lượng rừng trồng chưa cao. Theo thống kê khối lượng gỗ xẻ có chứng chỉ FSC của TTH -FOSDA cung cấp cho doanh nghiệp chế biến khoảng 30%; so với nhu cầu gỗ xẻ hiện nay vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu gỗ xẻ ngày càng cao của thị trường trong và ngoài nước.

Hiện nay, toàn tỉnh có 10.708,16 ha rừng trồng Keo được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững. Trong đó có 9.891,59 ha rừng trồng sản xuất được cấp chứng chỉ FSC, đối với các nhóm hộ: 6.795,19 ha (TTH-FOSDA: 6.014,76 ha và hợp tác xã An Việt Phát Thừa Thiên Huế: 780,43 ha), tập trung ở 6 huyện/thị xã: Nam Đông, A Lưới, Phú Lộc, Phong Điền, Hương Trà (có 2 phường của thành phố Huế trước đây thuộc TX Hương Trà), Hương Thủy; đối với doanh nghiệp: 3.096,4 ha (Công ty TNHHNNMTV Lâm nghiệp Tiên Phong).

Đặc biệt đã thiết lập được chuỗi liên kết tiêu thụ gỗ rừng trồng có chứng chỉ FSC với doanh nghiệp có chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm (CoC), đó là Công ty Scansia Pacific ký thỏa thuận hợp tác và cam kết bao tiêu toàn bộ sản phẩm gỗ Keo có đường kính đầu nhỏ 13 cm trở lên, có chứng chỉ FSC của TTH-FOSDA, các hợp tác xã lâm nghiệp bền vững và doanh nghiệp sản xuất gỗ rừng trồng có chứng chỉ FSC. Giá thu mua gỗ có chứng chỉ FSC cao hơn với so với giá gỗ không có chứng chỉ từ 10-20% tùy theo chất lượng sản phẩm gỗ.

Để tổ chức thực hiện và tuyên truyền đến với các tổ chức, cá nhân chủ rừng tham gia phát triển rừng trồng gỗ lớn, gắn với chứng chỉ quản lý rừng bền vững trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế nhằm nâng cao giá trị và phát triển bền vững trong trồng rừng sản xuất trong thời gian qua thì vai trò công tác Khuyến nông đóng góp rất quan trọng trong sự tăng trưởng chung của ngành lâm nghiệp.

II. VAI TRÒ KHUYẾN NÔNG VỚI CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN TRỒNG RỪNG GỖ LỚN

- Để tổ chức thực hiện và tuyên truyền đến với các tổ chức, cá nhân chủ rừng tham gia phát triển rừng trồng gỗ lớn, gắn với chứng chỉ quản lý rừng bền vững, Trung tâm Khuyến nông đã phối hợp với các cơ quan thông tấn trên địa bàn đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về trồng rừng thâm canh gỗ lớn, các mô hình khuyến lâm, thông qua triển khai các chính sách, kế hoạch về lâm nghiệp.

- Phối hợp với các đơn vị trong ngành như: Chi cục Kiểm lâm, Chi cục Phát triển nông thôn để tổ chức các lớp đào tạo về kỹ thuật trồng rừng gỗ lớn; tuyên truyền vận động các tổ chức và các nhân trong việc tham gia, thành lập các hợp tác xã lâm nghiệp bền vững; tuyên truyền và hướng dẫn người dân đăng ký tham gia trồng rừng gỗ lớn... nhằm hình thành các vùng nguyên liệu phục vụ cho xuất khẩu góp phần đem lại hiệu quả kinh tế và phát triển trồng rừng theo hướng bền vững.

- Vận dụng hiệu quả từ các nguồn của Trung ương và địa phương và các dự án, Trung tâm đã thực hiện hỗ trợ, xây dựng các mô hình trình diễn trồng rừng thâm canh gỗ lớn bằng các giống tiến bộ kỹ thuật và áp dụng các kỹ thuật mới trong thâm canh rừng trồng.

- Đặc biệt, thông qua các mô hình ứng giống mới, tiến bộ kỹ thuật mới, Trung tâm đã tham mưu để đưa vào chính sách hỗ trợ của tỉnh như: Kế hoạch số 213/KH-UBND ngày 25/9/2020 về Phát triển rừng trồng sản xuất gỗ lớn các loài Keo giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghị quyết 20/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp theo đó các sơ sở sản xuất giống cây lâm nghiệp bằng công nghệ nuôi cấy mô công xuất tối thiểu 1 triệu cây/năm được hỗ trợ tối đa 50% kinh phí đầu tư nhưng không quá 1 tỷ đồng/cơ sở.

III. MỘT SỐ MÔ HÌNH TRỒNG RỪNG ĐÃ VÀ ĐANG PHÁT HUY HIỆU QUẢ GẮN VỚI VAI TRÒ CỦA CÁN BỘ KHUYẾN NÔNG THỜI GIAN QUA

- Mô hình trồng rừng gỗ lớn bằng giống Keo lai mô dòng AH1 và AH7 năm 2019 - 2021, quy mô 20ha, thực hiện tại xã Hương Thọ, thị xã Hương Trà, Thừa Thiên Huế.

- Mô hình trồng rừng gỗ lớn bằng giống Keo tai tượng dòng Ponkagii trồng năm 2020, quy mô 30ha, thực hiện tại xã Phú Sơn - thị xã Hương Thủy, xã Phong Mỹ - huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Mô hình trồng rừng gỗ lớn bằng giống keo lai mô dòng AH1, AH7 và TB1 năm 2021, quy mô 40 ha, thực hiện tại xã Lộc Hòa - huyện Phú Lộc, xã Bình Tiến - thị xã Hương Trà, Thừa Thiên Huế.

*** *Đánh giá hiệu quả bước đầu:*** Thông qua các hoạt động triển khai đã từng bước nâng cao nhận thức cho các hộ trồng rừng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế về kỹ thuật trồng thâm canh rừng trồng gỗ lớn cũng như chuyển đổi từ trồng rừng gỗ nhỏ sang gỗ lớn theo hướng sản xuất lâm nghiệp bền vững góp phần tăng thêm diện tích trồng rừng gỗ lớn theo chứng chỉ rừng FSC trên địa bàn tỉnh, đem lại hiệu quả cao cho bà con nông dân.

Tỷ lệ sống sau trồng rừng đạt trên 90%, trồng rừng đảm bảo mật độ, cây giống đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, các hộ tham gia tuân thủ đúng quy trình trồng và bón phân đầy đủ nên cây sinh trưởng, phát triển nhanh, độ thuần cao, hiện tại đang tiếp tục theo dõi. Mô hình đã được 100% hộ tham gia ký cam kết trồng rừng gỗ lớn và đăng ký tham gia cấp chứng chỉ FSC.

IV. MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ TRỒNG RỪNG THÂM CANH RỪNG GỖ LỚN TRONG THỜI GIAN TỚI

- Tiếp tục tuyên truyền sâu rộng các thông tin liên quan đến hiệu quả của phát triển rừng trồng gỗ lớn, phát triển vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng có chứng chỉ FSC và các vấn đề liên quan đến phát triển rừng trồng gỗ lớn, gắn với chứng chỉ FSC.

- Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tiếp cận các chính sách về lâm nghiệp; nâng cao năng lực quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng; tổ chức sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm gỗ theo chuỗi liên kết giá trị gỗ rừng trồng.

- Hỗ trợ, thành lập các tổ khuyến nông cộng đồng gắn với vùng nguyên liệu, nhằm tạo ra nguồn nguyên liệu có nguồn gốc rõ ràng, an toàn, hướng tới chấm dứt tình trạng khai thác gỗ trái phép từ việc phá rừng, góp phần bảo vệ rừng hiệu quả.

- Củng cố các hợp tác xã LNBNV trên địa bàn toàn tỉnh nhằm chủ động trong quan hệ đối tác liên doanh, liên kết và tổ chức thực hiện thành công đề án vùng nguyên liệu, liên kết chuỗi giá trị gỗ rừng trồng, tiến tới chế biến sâu các sản phẩm đồ gỗ phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

- Nhân rộng và phát triển các mô hình ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới, giống mới nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả rừng trồng.
- Huy động và gắn kết các nguồn lực, lồng ghép các chương trình, dự án, đề án để nâng cao hiệu quả trong công tác phát triển rừng và vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng có chứng chỉ FSC.
- Nghiên cứu chọn, tạo và phát triển giống cây trồng lâm nghiệp ưu thế, phù hợp với điều kiện địa phương; xây dựng mô hình tía thưa, mô hình phát triển cây dược liệu, chăn nuôi, nuôi ong lấy mật.. dưới tán rừng và thâm canh rừng nhằm phát triển trồng rừng gỗ lớn trên diện rộng.
- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên kiến thức cho các tổ khuyến nông cộng đồng, đội ngũ cán bộ hợp tác xã lâm nghiệp bền vững một cách thiết thực, hiệu quả.
- Ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác quản lý hướng đến truy xuất nguồn gốc gỗ rừng trồng sản xuất rõ ràng, đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng sản phẩm thị trường trong nước và Quốc tế./.

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG THỪA THIÊN HUẾ

TRỒNG RỪNG THÂM CANH GỖ LỚN NÂNG CAO GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG TRỒNG RỪNG SẢN XUẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH

Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư Quảng Bình

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Quảng Bình có tổng diện tích tự nhiên là 800.003 ha; với tổng diện tích rừng của tỉnh Quảng Bình 588.582,92 ha. Trong đó diện tích có rừng 543.048,92 ha; diện tích trồng rừng chưa thành rừng 45.543,07 ha; diện tích quy hoạch rừng đặc dụng là 144.310,88 ha; Diện tích quy hoạch rừng phòng hộ là 151.862,89 ha; Diện tích quy hoạch đất sản xuất là 319.114,14 ha; Tỷ lệ che phủ rừng năm 2020 là 67,88% (*Số liệu năm 2020*). Bên cạnh việc coi trọng công tác quản lý, bảo vệ và sử dụng có hiệu quả rừng tự nhiên, tỉnh Quảng Bình đặc biệt chú trọng mở rộng và nâng cao chất lượng, năng suất rừng trồng; tập trung từng bước chuyển đổi cơ cấu sản phẩm gỗ rừng trồng từ khai thác gỗ nhỏ phục vụ chế biến dăm xuất khẩu sang kinh doanh gỗ lớn phục vụ chế biến tinh, sâu, tạo điều kiện thuận lợi để triển khai đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2020 - 2025 trên địa bàn tỉnh.

Những năm qua, rừng trồng đã mang lại nguồn thu nhập khá cho người dân. Bình quân mỗi năm, toàn tỉnh Quảng Bình khai thác trên 8.000 ha, sản lượng đạt 0,5 triệu m³, năng suất rừng trồng đạt 16,5 m³/ha/năm. Trong 6 tháng đầu năm 2022, toàn tỉnh khai thác hơn 212.000 m³ gỗ rừng trồng, tăng 1,1% so với cùng kỳ năm trước. Các cơ sở cây giống lâm nghiệp bảo đảm cung cấp đến 30 triệu cây giống, vừa chủ động cung ứng cho phong trào trồng rừng của địa phương, vừa cung ứng cho các địa bàn lân cận.

Nhằm nâng cao hiệu quả rừng trồng, Quảng Bình đang đẩy mạnh trồng rừng gỗ lớn và xây dựng hồ sơ kỹ thuật quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC của Hội đồng quản lý rừng thế giới (GFA). Đến nay, diện tích rừng trồng gỗ lớn của tỉnh đạt gần 4.000 ha, diện tích rừng trồng đã được cấp chứng chỉ FSC trên 4.300 ha, việc cấp chứng chỉ FSC sẽ giúp cho gỗ rừng trồng của người dân nâng cao giá trị kinh tế và sản phẩm từ gỗ được xuất khẩu sang nước ngoài.

Hiện nay ngành lâm nghiệp Quảng Bình đang có rất nhiều tiềm năng, thế mạnh để phát triển. Tuy nhiên, rừng trồng trên địa bàn tỉnh phần lớn là rừng sản xuất kinh doanh gỗ nhỏ, rừng trồng chưa chú trọng đến khâu thâm canh. Sản phẩm gỗ chủ yếu cung cấp nguyên liệu sản xuất dăm giấy, hiệu quả kinh tế đem lại không cao. Trên cùng một đơn vị diện tích, rừng gỗ lớn cho năng suất vượt trội gấp từ 3-4 lần so với rừng nguyên liệu. Rừng gỗ lớn còn hạn chế được số lần khai thác, giãn tiến độ trồng nên giảm thiểu nguy cơ xói mòn, rửa trôi đất và duy trì độ che phủ.... Theo tính toán, khoảng từ 10-12 năm, mỗi ha rừng gỗ lớn mang lại lợi nhuận từ 300-350 triệu đồng/ha, trong khi rừng nguyên liệu cứ 5 - 6 năm thu hoạch chỉ đạt khoảng 60-70 triệu đồng/ha. Cao hơn nhiều lần so với rừng trồng keo lai

hom gỗ nhỏ. Với rừng trồng gỗ lớn, bà con trồng rừng sẽ có thu nhập từ quá trình tĩa thừa rừng vào năm thứ 4 và năm thứ 7 sau khi trồng. Bên cạnh đó việc chuyển đổi từ kinh doanh rừng gỗ nhỏ sang gỗ lớn không những nâng cao hiệu quả kinh tế mà còn tăng tính phòng hộ của rừng, như: giảm xói mòn, chống sạt lở, rửa trôi đất, tăng độ che phủ..., góp phần bảo vệ môi trường sinh thái và chống biến đổi khí hậu, đồng thời tránh được tình trạng dư thừa nguyên liệu chế biến dăm giấy khi thị trường tiêu thụ đang có xu hướng giảm. Mặt khác sản lượng gỗ từ rừng trồng tăng thêm rất lớn.

Để phát triển trồng rừng thâm canh gỗ lớn trên địa bàn tỉnh Quảng Bình nhằm nâng cao giá trị và phát triển bền vững trong trồng rừng sản xuất trong thời gian qua thì vai trò công tác Khuyến nông đóng góp rất quan trọng trong sự tăng trưởng chung của ngành lâm nghiệp.

II. VAI TRÒ KHUYẾN NÔNG VỚI CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN TRỒNG RỪNG GỖ LỚN

- Để nâng cao chất lượng rừng trồng cũng như các giải pháp trong đầu tư thâm canh, Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư Quảng Bình đã phối hợp với các cơ quan thông tấn trên địa bàn đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về trồng rừng thâm canh gỗ lớn, các mô hình khuyến lâm, thông qua triển khai các chính sách, kế hoạch về Lâm nghiệp. Qua đó, đã tuyên truyền cho người trồng rừng sử dụng giống có chất lượng, có hồ sơ chứng minh nguồn gốc, vật liệu giống hợp pháp theo quy định, những lợi ích mang lại từ trồng rừng gỗ lớn từ đó nâng cao nhận thức của người dân.

- Xây dựng và triển khai các mô hình trình diễn theo hướng đồng bộ từ ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong công tác giống đến tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, lồng ghép các chương trình đào tạo, tập huấn, hội thảo, tham quan... Bằng các hoạt động, tổ chức các lớp tập huấn hiện trường, tham quan, hội thảo..., đã giúp người nông dân trồng rừng thâm canh tuân thủ các kỹ thuật thâm canh về trồng mới, chăm sóc bảo vệ rừng một cách hiệu quả nhất.

- Vận dụng hiệu quả từ các nguồn của Trung ương và địa phương và các dự án, Trung tâm đã thực hiện hỗ trợ, xây dựng các mô hình trình diễn trồng rừng thâm canh gỗ lớn bằng các giống tiến bộ kỹ thuật và áp dụng các kỹ thuật mới trong thâm canh rừng trồng.

- Đặc biệt, trong quá trình thực hiện các mô hình về khuyến lâm, cán bộ khuyến nông đã phát huy vai trò trong công tác trồng rừng thâm canh gỗ lớn, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trong trồng rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh. Thông qua một số kết quả đạt được trên toàn tỉnh như:

+ Hiện tại toàn tỉnh Quảng Bình đã có trên 4.300 ha rừng trồng đã được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững FSC. Huyện Tuyên Hóa là địa phương có diện tích rừng được cấp chứng chỉ FSC nhiều nhất với 3.070 ha, tiếp đến là huyện Lệ Thủy 740 ha và huyện Quảng Ninh với 490 ha.

+ Đến năm 2021 toàn tỉnh đã khai thác 6.820 ha rừng trồng, sản lượng khai thác đạt 450.000 m³, năng suất rừng trồng bình quân đạt 17 m³/ha/năm. Kim ngạch xuất nhập khẩu

gỗ và lâm sản năm 2021 của tỉnh đạt 25,142 triệu USD. Trong đó giá trị xuất khẩu đạt 24,97 triệu USD với các sản phẩm xuất khẩu chủ yếu là dăm gỗ, gỗ dán công nghiệp, ván ép, tấm lát sàn, đồ gỗ nội thất và một số loại lâm sản ngoài gỗ khác.

+ Quyết định số 4246/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Đề án phát triển vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng gắn với trồng rừng gỗ lớn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2019-2025. Theo đó, phần đầu đến năm 2025, trên địa bàn tỉnh có khoảng 16.200 ha rừng trồng gỗ lớn và 7.000 ha diện tích rừng trồng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững FSC.

+ Quyết định số 3213/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt dự án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng tỉnh Quảng Bình, giai đoạn 2020-2030 ngày 04/9/2020 với mục tiêu quản lý rừng bền vững toàn bộ diện tích rừng hiện có 565.654 ha rừng trong quy hoạch 03 loại rừng trồng, trong đó chủ rừng là tổ chức phải xây dựng phương án quản lý rừng bền vững với diện tích 377.878,81 ha, cấp chứng chỉ rừng FSC, PEFC hoặc VFCS cho khoảng 20-25% diện tích rừng trồng trên khu vực đất quy hoạch lâm nghiệp với diện tích khoảng 22.000 ha rừng trồng sản xuất để bảo vệ môi trường.

III. MỘT SỐ MÔ HÌNH TRỒNG RỪNG ĐÃ VÀ ĐANG PHÁT HUY HIỆU QUẢ GẮN VỚI VAI TRÒ CỦA CÁN BỘ KHUYẾN NÔNG THỜI GIAN QUA

- Mô hình trồng rừng gỗ lớn năm 2016, quy mô 25ha, thực hiện tại xã Trường Xuân, huyện Quảng Ninh (05 ha); xã Quảng Thạch, Quảng Lưu, Quảng Hợp, huyện Quảng Trạch (20 ha) với 25 hộ tham gia. Giống thực hiện mô hình keo lai nuôi cấy mô dòng BV10, BV16, BV32. Trồng thuần loài bố trí mật độ 1.660 cây/ha.

- Mô hình trồng rừng gỗ lớn năm 2017, quy mô 55ha, thực hiện tại xã Thái Thủy, huyện Lệ Thủy (21 ha); xã Cao Quảng, huyện Tuyên Hóa (21 ha); thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch (13 ha) với 2 hộ tham gia. Giống thực hiện mô hình keo lai BV10, BV16 được nhân giống bằng phương pháp nuôi cấy mô, mật độ trồng rừng 1.330 cây/ha được trồng thuần loài.

- Mô hình trồng rừng gỗ lớn mọc nhanh bằng giống keo lai nuôi cấy mô thực hiện trong 2 năm 2017-2018. Quy mô 42 ha, thực hiện tại xã Hóa Hợp, Hồng Hóa, huyện Minh Hóa; xã Cao Quảng, huyện Tuyên Hóa. Giống thực hiện mô hình keo lai nuôi cấy mô dòng BV được nhân giống bằng phương pháp nuôi cấy mô, mật độ trồng rừng 1.666 cây/ha được trồng thuần loài.

- Mô hình trồng rừng thâm canh gỗ lớn keo lai mô, keo tai tượng thực hiện trong 3 năm 2019-2021. Quy mô 90ha, thực hiện tại xã Trường Thủy, Thái Thủy, Kim Thủy - huyện Lệ Thủy (quy mô 30ha, trồng năm 2019 bằng giống keo lai nuôi cấy mô); xã Tân Hóa, Hóa Sơn - huyện Minh Hóa (quy mô 30 ha, trồng năm 2020 bằng giống keo tai tượng Úc, xuất

xứ Poongakii); xã Sơn Hóa, Đức Hóa - huyện Tuyên Hóa (quy mô 30ha, trồng năm 2021 bằng giống keo lai nuôi cấy mô). Mật độ trồng rừng 1.666 cây/ha.

*** Đánh giá hiệu quả bước đầu:** Tỷ lệ sống sau trồng rừng đạt trên 90%, trồng rừng đảm bảo mật độ, cây giống đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, các hộ tham gia tuân thủ đúng quy trình trồng và bón phân đầy đủ nên cây sinh trưởng, phát triển nhanh, độ thuần cao, hiện tại đang tiếp tục theo dõi. Dự kiến kết quả sau 10 - 12 năm chăm sóc, mô hình trồng rừng gỗ lớn mọc nhanh bằng giống cây keo lai nuôi cấy mô mang lại cho người trồng rừng từ 120 - 150m³ gỗ, với giá bán bình quân 2,5 triệu đồng/m³ sau khi khai thác cho thu nhập từ 300 - 375 triệu đồng/ha/chu kỳ. Cao hơn nhiều lần so với rừng trồng keo lai hom gỗ nhỏ.

IV. MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ TRỒNG RỪNG THÂM CANH RỪNG GỖ LỚN TRONG THỜI GIAN TỚI

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức, trách nhiệm của các ban ngành, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và người dân đối với công tác bảo vệ và phát triển rừng; thấy rõ được lợi ích to lớn trong việc trồng rừng, bảo vệ rừng, đặc biệt là trồng rừng thâm canh, trồng rừng kinh doanh gỗ lớn và quản lý rừng bền vững gắn với công nghiệp chế biến lâm sản; tăng cường sự giám sát của người dân, cộng đồng, các đoàn thể nhân dân, các cơ quan thông tin đại chúng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Tăng cường quản lý rừng trồng, khai thác rừng, tuân thủ các quy định về chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đảm bảo quy định. Đẩy mạnh công tác giao đất gắn với giao rừng, cắm mốc ranh giới và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; khẩn trương rà soát, đánh giá hiệu quả vùng phát triển nguyên liệu của các dự án trồng rừng hiện có, định hướng phát triển bền vững vùng trồng rừng thâm canh để tích hợp vào quy hoạch tỉnh, quy hoạch lâm nghiệp quốc gia theo quy định của pháp luật. Khuyến khích các nhà đầu tư có tiềm năng khác vào đầu tư phát triển trồng rừng nguyên liệu thâm canh trên địa bàn tỉnh. Chú trọng công tác quản lý giống cây lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh, quản lý chặt chẽ việc khai thác rừng trồng, thống kê, cập nhật diễn biến rừng sát đúng thực tế theo công nghệ mới.

- Đẩy mạnh việc trồng rừng gỗ lớn gắn với thực hiện quản lý rừng bền vững và cung cấp nguyên liệu gỗ có chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo yêu cầu của thị trường; nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nguyên liệu từ chọn, tạo giống, kiểm soát, bảo đảm chất lượng giống cho trồng rừng; tạo vùng nguyên liệu ổn định để đáp ứng nhu cầu nguyên liệu cho công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ phục vụ thị trường trong và ngoài tỉnh.

- Tập trung phát triển và nhân rộng các mô hình liên kết theo chuỗi giá trị giữa người trồng rừng và doanh nghiệp chế biến lâm sản; nghiên cứu các mô hình trồng rừng thâm

canh kết hợp trồng cây được liệu dưới tán rừng; Đẩy mạnh phát triển dịch vụ môi trường rừng; bảo tồn đa dạng sinh học gắn với phát triển du lịch sinh thái nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp xây dựng vùng nguyên liệu theo hướng liên kết với người trồng rừng, thành lập các hợp tác xã, nhóm hộ trồng rừng gắn với quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ FSC; quan tâm đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực có chất lượng phục vụ cho lĩnh vực trồng rừng và chế biến lâm sản. Rà soát, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách gắn với mục tiêu phát triển rừng trồng thâm canh chất lượng cao để hỗ trợ phát triển sản xuất lâm nghiệp. Khuyến khích người trồng rừng thực hiện bảo hiểm nông nghiệp để giảm bớt rủi ro.

- Đẩy mạnh thu hút đầu tư các doanh nghiệp có ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao vào các khu, cụm công nghiệp chế biến lâm sản. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư của nhà nước vào lĩnh vực chế biến lâm sản. Triển khai đồng bộ các giải pháp để thực hiện đầu tư, xây dựng khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại tỉnh Quảng Bình.

- Tranh thủ nguồn hỗ trợ tài chính từ các chương trình, dự án phát triển lâm nghiệp để xây dựng thí điểm các mô hình quản lý rừng trồng bền vững đối với tổ chức, nhóm hộ gia đình, cá nhân; tạo môi trường đầu tư thuận lợi, chính sách thu hút, khuyến khích các đơn vị đầu tư trong lĩnh vực chế biến gỗ có công nghệ cao và chế biến tinh, sâu, tận dụng được nguyên liệu nhằm tăng giá trị sản phẩm gỗ.

- Các địa phương, các ngành chức năng chú trọng đầu tư và đổi mới nội dung công tác khuyến lâm; thúc đẩy người dân, các chủ rừng áp dụng tiến bộ khoa học, các biện pháp kỹ thuật lâm sinh, đưa các giống mới vào sản xuất thâm canh, sử dụng các giống cây bản địa có giá trị kinh tế cao phù hợp với khí hậu, thổ nhưỡng của địa phương vào gây trồng để rừng đạt tiêu chuẩn, chất lượng.

- Rà soát lại diện tích đất rừng sản xuất, quy hoạch các vùng trồng có điều kiện lập địa phù hợp để trồng rừng thâm canh gỗ lớn để tránh rủi ro do thiên tai đặc biệt là bão.

- Bố trí các nguồn vốn để xây dựng các mô hình, dự án khuyến nông phù hợp với từng vùng, miền nhằm tạo ra sinh kế bền vững để tác động làm thay đổi tập quán sản xuất nông nghiệp của người dân, từng bước áp dụng các tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất đồng bộ, nâng cao thu nhập, năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi... và bảo vệ môi trường.

- Nghiên cứu đưa ra chính sách bảo hiểm rừng trồng nhằm hỗ trợ, khuyến khích người dân mạnh dạn đầu tư trồng rừng gỗ lớn. Nhằm góp phần nâng cao độ che phủ rừng trên toàn tỉnh đạt trên 70%, bảo đảm chức năng phòng hộ, bảo vệ môi trường sinh thái và đa dạng sinh học.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Tăng cường công tác tuyên truyền để cung cấp cho nông dân những kỹ thuật, công nghệ, phương thức tổ chức sản xuất mới, thông tin về thị trường, giá cả, liên kết sản xuất, đẩy mạnh hoạt động khuyến nông thông qua việc xây dựng các mô hình trình diễn, tập huấn để nâng cao năng lực của người sản xuất.

- Chuyển đổi một số diện tích đất rừng sản xuất kém hiệu quả do các nông lâm trường quản lý giao cho chính quyền địa phương, các hộ có nhu cầu đất rừng sản xuất. Nhằm tạo điều kiện mở rộng diện tích rừng sản xuất trong thời gian tới.

- Ưu tiên hỗ trợ tỉnh Quảng Bình về nguồn vốn đầu tư cho lâm nghiệp. Xúc tiến, giới thiệu các công ty, doanh nghiệp chế biến gỗ đầu tư vào tỉnh Quảng Bình, nhất là chế biến gỗ tinh, sâu. Đồng thời, xem xét ban hành các chính sách quy định hỗ trợ trồng rừng sản xuất theo hướng mở rộng đối tượng được hỗ trợ, mức hỗ trợ.

- Hỗ trợ cho các đơn vị, tổ chức mở các lớp đào tạo ngắn hạn theo chuyên đề, ưu tiên đào tạo nông dân làm nghề rừng, công nhân lâm nghiệp, các hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và lao động nữ./.



Ảnh 1: Cán bộ khuyến nông phối hợp với lực lượng kiểm lâm, chính quyền địa phương kiểm tra công tác bảo vệ rừng gỗ lớn trên địa bàn xã Hoá Sơn, huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình



Ảnh 2: Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT, Trung tâm Khuyến nông tỉnh đi kiểm tra rừng trồng gỗ lớn năm 2019 tại xã Kim Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

TỔNG QUAN MỘT SỐ THÀNH TỰU NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VỀ CÔNG TÁC GIỐNG PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN TRỒNG RỪNG GỖ LỚN TẠI VÙNG BẮC TRUNG BỘ

TS. Vũ Đức Bình

Trung tâm Khoa học Lâm nghiệp Bắc Trung Bộ

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giống là yếu tố hàng đầu trong hoạt động sản xuất lâm nghiệp quyết định đến năng suất và chất lượng rừng trồng. Trồng rừng gỗ lớn, rừng nguyên liệu bằng các giống đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) công nhận là giống tiến bộ kỹ thuật (TBKT), giống quốc gia của các loài cây mọc nhanh đang là xu hướng sản xuất kinh doanh hiệu quả và bền vững hiện nay. Đây là một trong những giải pháp quan trọng trong việc nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị kinh doanh rừng trồng, phát triển rừng gỗ lớn theo hướng bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường, góp phần thực hiện thành công đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới.

Vùng Bắc Trung Bộ gồm 6 tỉnh, diện tích rừng toàn vùng là 3.126.704 ha (chiếm 21,3% tổng diện tích rừng toàn quốc), độ che phủ của rừng đạt 56,5% (Bộ NN&PTNT, 2021). Đây là vùng có nhiều tiềm năng và lợi thế trong phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng, đặc biệt là phát triển trung tâm cung cấp nguyên liệu, chế biến gỗ rừng trồng của khu vực miền Trung. Trong những năm qua, nhờ sự quan tâm của Đảng và Chính phủ, nhiều chính sách, chương trình, dự án phát triển rừng trồng đã được triển khai hiệu quả góp phần nâng cao năng suất và chất lượng rừng trồng, cải thiện thu nhập cho người làm nghề rừng.

Có được những thành quả trên không thể không kể đến sự đóng góp của công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ về cải thiện giống cây lâm nghiệp. Trong giai đoạn 2011-2021, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam đã tiếp tục nghiên cứu chọn, tạo và công nhận thêm được 36 giống cây lấy gỗ mọc nhanh, bao gồm 3 giống quốc gia và 33 giống TBKT cho các loài Keo và Bạch đàn có tiềm năng sinh trưởng, sức chống chịu tốt, phù hợp với điều kiện lập địa và đáp ứng được yêu cầu trồng rừng gỗ lớn ở vùng Bắc Trung Bộ. Đối với các loài cây bản địa, bước đầu đã có các nghiên cứu chọn giống và các biện pháp kỹ thuật gây trồng của 8 loài trong giai đoạn này. Phương pháp chọn giống bằng việc sử dụng chỉ thị phân tử để chọn lọc sớm hay tạo giống đa bội đã bước đầu thu được nhiều kết quả tương đối khả quan. Bên cạnh đó, thông qua các chương trình giống gốc và các dự án giống triển khai trong giai đoạn

2011-2021, Viện đã đào tạo tập huấn, chuyển giao công nghệ nhân giống và giống gốc cho nhiều cơ sở sản xuất giống ở các tỉnh Bắc Trung Bộ để nhanh chóng phát triển giống vào sản xuất; xây dựng được 78 ha vườn giống, rừng giống các loài Keo, Bạch đàn nhằm chọn tạo giống mới và thu hái hạt giống phục vụ nghiên cứu và trồng rừng. Các kết quả này đã góp phần quan trọng cho sự phát triển chung của ngành Lâm nghiệp nước ta.

Bài viết này tổng hợp một số thành tựu về chọn tạo, phát triển giống phục vụ trồng rừng gỗ lớn của Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam triển khai thực hiện trên địa bàn các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ trong giai đoạn 2011-2021 và đề xuất một số giải pháp trong nghiên cứu và phát triển giống cây lâm nghiệp trong giai đoạn tới nhằm thúc đẩy phát triển vùng nguyên liệu gỗ phục vụ ngành công nghiệp chế biến và xuất khẩu.

II. MỘT SỐ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN GIỐNG VÙNG BẮC TRUNG BỘ

1. Kết quả nghiên cứu cải thiện giống giai đoạn 2011-2021

Thông qua kết quả các nghiên cứu trong thời gian qua, ngành lâm nghiệp đã công nhận được trên 229 giống, trong đó: 95 giống của 6 loài keo; 85 giống của 5 loài bạch đàn; 33 giống của 4 loài tràm; 4 giống Thông caribeeae; 10 giống Thanh thất, Chiêu liêu; và 2 giống Phi lao. Riêng giai đoạn 2011 - 2021, Bộ NN&PTNT đã công nhận được tổng cộng 102 giống mới, trong đó tại vùng Bắc Trung Bộ, có 36 giống gồm: 6 giống Keo lai, 2 giống Keo tam bội, 3 giống Keo lá tràm, 8 giống Keo tai tượng, 5 giống Keo lá liềm và 12 giống Bạch đàn. Các giống cây lâm nghiệp mới đều có năng suất cao, tăng trưởng đạt trung bình từ trên 20-35 m³/ha/năm (trong mô hình khảo nghiệm), trong khi giống sử dụng trong sản xuất đại trà chỉ đạt bình quân từ 12-15 m³/ha/năm. Các giống cây trồng mới của Viện đã và đang được đưa vào sản xuất, đã góp phần rất quan trọng trong việc phát triển rừng trồng của nước ta.

1.1. Kết quả nghiên cứu chọn tạo giống Keo lai mới

Trong giai đoạn 2011-2021, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận **6 giống Keo lai** tại vùng Bắc Trung Bộ trong đó gồm 2 giống quốc gia BV71, BV73 (Quyết định số 3893/QĐ-BNN-TCLN ngày 20/9/2016) và 4 giống tiến bộ kỹ thuật (BV523, BV584, BV434, BV350).

Khảo nghiệm dòng vô tính Keo lai mới chọn tạo được xây dựng tháng 12 năm 2013 tại Cam Lộ, Quảng Trị nhằm chọn lọc được những dòng Keo lai mới có năng suất cao và tính chất gỗ tốt. Kết quả đánh giá khảo nghiệm được tổng hợp tại bảng 1.

Bảng 1. Kết quả khảo nghiệm các dòng Keo lai mới tại Quảng Trị (12/2013 - 7/2018)

Dòng	D _{1,3} (cm)	H _{vn} (m)	V (dm ³ /cây)	Năng suất (m ³ /ha/năm)
BV523	14,8	16,5	146,7	35,1
BV584	14,0	16,8	133,8	33,8
BV434	12,5	16,3	103,6	30,3
BV350	13,0	16,4	113,3	30,1
BV32	12,5	15,7	100,7	29,4
BV16	13,1	16,0	116,4	26,3
...	...	...	...	...
Trung bình khảo nghiệm	11,58	14,25	84,2	
Fpr	<0,001	<0,001	<0,001	
Lsd	1,73	1,67	29,49	

(Nguồn: Viện Nghiên cứu Giống và Công nghệ sinh học, 2018).

Kết quả đánh giá khảo nghiệm tại Cam Lộ, Quảng Trị giai đoạn 56 tháng tuổi cho thấy trong 56 dòng Keo lai đưa vào khảo nghiệm có 4 dòng là BV523, BV584, BV434 và BV350 có năng suất vượt trội hơn so với các dòng Keo lai khác cũng như các giống quốc gia được công nhận (BV10, BV16, BV32), với năng suất bình quân tương ứng đạt 35,1 m³/ha/năm; 33,8 m³/ha/năm; 30,3 m³/ha/năm và 30,1 m³/ha/năm. Các dòng này đều có thân thẳng, cành nhánh nhỏ, tán lá phát triển đồng đều và không bị sâu bệnh. **Bốn dòng BV523, BV584, BV434, BV350** đã được Bộ NN&PTNT công nhận là giống TBKT cho Cam Lộ, Quảng Trị và những vùng sinh thái tương tự tại Quyết định số 761/QĐ/BNN-TCLN ngày 06/3/2019.



Hình 1. Dòng Keo lai BV523 tại Quảng Trị đạt năng suất 35,1 m³/ha/năm sau 4,5 tuổi
(Ảnh: Đỗ Hữu Sơn)

Năm 2015, thông qua việc thực hiện đề tài cấp cơ sở của Trung tâm Khoa học Lâm nghiệp Bắc Trung Bộ đã xây dựng 2,0 ha khảo nghiệm mở rộng Keo lai tại Cam Lộ, Quảng Trị với 9 dòng keo lai (BV10, BV16, BV32, BV71, BV73, BV75, AH1, AH7) và giống Keo tai tượng hạt đại trà là đối chứng. Sau 5 năm khảo nghiệm cho thấy, các dòng BV75, AH1 và AH7 có chỉ số chất lượng độ thẳng thân cao. Năng suất

trung bình toàn khảo nghiệm đạt 24,7 m³/ha/năm và có 4 dòng (AH7, BV16, BV73 và BV33) có năng suất đạt trên 25 m³/ha/năm. **Bốn dòng keo lai (AH7, BV33, BV16, BV73)** đã chứng tỏ rất có triển vọng về sinh trưởng và chất lượng đối với vùng đất đồi núi tỉnh Quảng Trị.

1.2. Kết quả nghiên cứu chọn tạo giống Keo tam bội

Năm 2016, một khảo nghiệm dòng vô tính các giống Keo lai tam bội đã được xây dựng tại Cam Lộ, Quảng Trị. Khảo nghiệm được thiết kế gồm các giống X01, X11, X101, X102, X201, X203, X204, X205, X1100, X1201 và 3 dòng Keo lai được sử dụng làm đối chứng là BV10, BV16, AH7. Kết quả sau 3 năm khảo nghiệm đã xác định được 4 dòng triển vọng X101, X102, X201, X205.

Dòng X201 và X205 có năng suất vượt hoặc tương đương so với các giống đối chứng (BV10, BV16 và AH7). Trong đó dòng X205, X201 có năng suất cao nhất tương ứng (28,6 và 22,7 m³/ha/năm) và vượt 2 giống được công nhận AH7 và BV16 làm đối chứng. Dòng X102 thể hiện ưu thế sinh trưởng, đạt 22,7 m³/ha/năm. Bốn dòng Keo tam bội X101, X102, X201 và X205 đã được Bộ NN&PTNT công nhận là giống cây trồng mới, trong đó **giống X201 và X205** được công nhận cho vùng Cam Lộ, Quảng Trị và những nơi có điều kiện sinh thái tương tự (Quyết định số 1458/QĐ-BNN-TCLN ngày 20/4/2020). Các dòng này đều có sinh trưởng nhanh, thân thẳng, cành nhánh nhỏ, có khả năng chống chịu sâu bệnh, chất lượng gỗ tốt, có năng suất tương đương hoặc vượt (> 15%) và có hình thân tốt so với các giống được sử dụng làm đối chứng ở khảo nghiệm.



Hình 2. Dòng Keo lai tam bội X205 tại Quảng Trị đạt năng suất 26 m³/ha/năm ở tuổi 3 (Ảnh: Nghiêm Quỳnh Chi)

1.3. Kết quả nghiên cứu chọn giống Keo lá tràm

Mô hình khảo nghiệm mở rộng các giống Keo lá tràm mới được công nhận với diện tích 2,0 ha đã được Trung tâm Khoa học Lâm nghiệp Bắc Trung Bộ xây dựng tháng 12/2015. Khảo nghiệm gồm 4 dòng Keo lá tràm giâm hom (Bvlt83, Bvlt84, AA9, Clt98) và giống Keo lá tràm hạt đại trà là đối chứng. Sau 5 năm trồng, cây trồng trong khảo nghiệm có sinh trưởng tốt, năng suất trung bình toàn khảo nghiệm đạt 15,54 m³/ha/năm. Ba dòng

Keo lá trà (Clt98, Bvlt83 và AA9) có năng suất đạt trên 15 m³/ha/năm và đã chứng tỏ rất có triển vọng đối với vùng đất đồi núi tỉnh Quảng Trị.

Năm 2015, thông qua việc thực hiện đề tài cấp Bộ của Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam đã xây dựng 2 ha khảo nghiệm các giống vô tính Keo lá trà tại Cam Lộ. Khảo nghiệm mở rộng gồm 10 giống Keo lá trà (Clt7, Clt57, Clt98, Clt18, Clt26, AA9, Clt19, Clt43, Clt25) và 1 lô hạt hỗn hợp vườn giống Keo lá trà. Mục tiêu của khảo nghiệm nhằm chọn được một số giống Keo lá trà đã được công nhận phù hợp với lập địa và kỹ thuật lâm sinh để trồng rừng gỗ lớn trên lập địa sau khai thác ít nhất hai chu kỳ tại các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ. Kết quả cho thấy, ở giai đoạn 54 tháng tuổi, các dòng Clt18, Clt98, Clt26 có sinh trưởng nhanh và cũng có năng suất cao nhất trong khảo nghiệm; năng suất của các dòng này đạt từ 19,1 đến 20,1 m³/ha/năm, vượt từ 41,9 đến 48,8% so với trung bình toàn khảo nghiệm và vượt 102% so với giống đối chứng là lô hạt hỗn hợp vườn giống Keo lá trà. **Ba giống Clt18, Clt98, Clt26** đã được Bộ NN&PTNT công nhận mở rộng là giống cây trồng lâm nghiệp tại Cam Lộ, Quảng Trị và những nơi có điều kiện sinh thái tương tự tại Quyết định số 1814/QĐ-BNN-TCLN ngày 27/4/2021.

Năm 2017, Trung tâm Khoa học Lâm nghiệp Bắc Trung Bộ đã xây dựng 2 ha khảo nghiệm dòng vô tính tại Cam Lộ gồm các giống Keo lá trà mô (Clt7, Clt57, Clt98, Clt18, Clt43, Clt26); cây giâm hom dòng Clt98 và giống Keo lá trà hạt thu hái tại vườn giống thế hệ 2. Ở giai đoạn 50 tháng tuổi, năng suất trung bình khảo nghiệm đạt 20,4 m³/ha/năm, dao động từ 16,7 đến 23,6 m³/ha/năm. **Năng suất của 4 dòng (Clt26, Clt43, Clt57, Clt7) đều đạt trên 20 m³/ha/năm.** Giống Clt26 có năng suất bình quân đạt cao nhất trong khảo nghiệm là 23,6 m³/ha/năm.

1.4. Kết quả nghiên cứu chọn giống Keo tai tượng

Keo tai tượng được đưa vào Việt Nam từ những năm 1960 dưới dạng khảo nghiệm loài và xuất xứ. Đến đầu những năm 1980 một chương trình cải thiện giống Keo tai tượng chính thức được bắt đầu, qua đó một số xuất xứ như Pongaki, Cardwell, Iron Range, SW Cairns và Bloomfield đã được Bộ NN&PTNT công nhận là nguồn giống TBKT để đưa vào sản xuất.

Trong giai đoạn 2011-2021, Bộ NN & PTNT đã công nhận cho **01 xuất xứ Balimo** cho vùng Cam Lộ, Quảng Trị và những nơi có điều kiện tương tự (tại Quyết định số 761/QĐ-BNN-TCLN ngày 6/3/2019) và **7 giống TBKT Keo tai tượng AM35, AM37, AM81, AM88, AM110, AM127 và AM135** (tại Quyết định số 3893/QĐ-BNN-TCLN, ngày 20/09/2016). Các giống Keo tai tượng được công nhận đều chống chịu sâu bệnh tốt, chất lượng gỗ tốt, ít cành nhánh, năng suất cao đạt từ 21,3 đến 29,5 m³/ha/năm.

1.5. Kết quả nghiên cứu chọn giống Keo lá liềm

Công tác cải thiện giống Keo lá liềm ở nước ta chính thức được tiến hành từ những năm 1990. Các kết quả nghiên cứu và gây trồng đã khẳng định Keo lá liềm là loài có khả năng sinh trưởng nhanh và thích ứng tốt trên đất đồi và đất cát nội đồng có lên lếp. Bộ NN & PTNT đã có quyết định công nhận các xuất xứ Mata province (PNG), Dimisisi (PNG) và Deri- Deri (PNG) là những xuất xứ có triển vọng cho trồng rừng ở một số vùng ở Việt Nam. **5 gia đình Keo lá liềm AC13, AC25, AC73, AC45 và AC34** được công nhận là giống TBKT cho Quảng Trị và các lập địa có điều kiện tương tự (Quyết định số 3893/QĐ- BNN-TCLN ngày 20/9/2016). Đây là những gia đình có năng suất đạt từ 21 đến 27 m³/ha/năm, chất lượng gỗ tốt (khối lượng riêng gỗ và hàm lượng cellulose cao, ít mục ruột).

Lê Xuân Toàn (2020), đã đánh giá sinh trưởng, chất lượng gỗ mô hình khảo nghiệm hậu thế thế hệ hai 10 tuổi tại Cam Lộ, Quảng Trị, kết quả được tổng hợp tại bảng 2.

Bảng 2. Tổng hợp sinh trưởng và chất lượng thân cây của các gia đình triển vọng trên khảo nghiệm hậu thế thế hệ 2 tại Cam Lộ - Quảng Trị ở giai đoạn 10 tuổi (2010-2020)

STT	Gia đình	Xuất xứ	D _{1.3} (cm)	H _{vn} (m)	V (dm ³)	Icl (điểm)
1	13	SPA Ba Vì	24,6	24,0	582,5	3,8
2	16	SSO1 Cam Lộ (ex. Gunbam Village PNG)	24,0	24,0	542,6	3,7
3	18	SSO1 Cam Lộ (ex. Gunbam Village PNG)	23,8	24,7	551,2	4,1
4	25	SSO1 Cam Lộ (ex. Oriomo PNG)	26,9	24,0	692,3	3,7
5	34	SSO1 Cam Lộ (ex. Bimadebun wp PNG)	27,9	22,5	705,8	3,2
6	38	SSO1 Cam Lộ (ex. Bimadebun wp PNG)	26,5	26,5	748,6	3,8
7	44	SSO1 Cam Lộ (ex. SSO Laulai PNG FIJI)	26,2	24,8	676,5	3,9
8	45	SSO1 Cam Lộ (ex. Trans fly PNG)	25,2	21,9	557,8	3,7
9	73	SSO1 Hàm Thuận Nam (ex. Bensbach WP PNG)	24,4	22,9	537,1	3,8

Ghi chú: SPA: Rừng giống, SSO1: Vườn giống thế hệ 1, Icl: Chất lượng thân cây tổng hợp.

(Nguồn: Lê Xuân Toàn, 2020).

Tác giả đã chọn được các gia đình 38, 25, 44, 45, 18, 16 và 73 triển vọng cho trồng rừng gỗ lớn tại các tỉnh Bắc Trung Bộ. Đây là những gia đình có sinh trưởng nhanh và độ thẳng thân đẹp, tỷ số co rút T/R từ 1,55 - 2,08 và độ chéo thớ gỗ nhỏ, từ 2,13 - 5,56⁰.

1.6. Kết quả nghiên cứu chọn giống Bạch đàn

Trong giai đoạn nghiên cứu vừa qua nhiều giống mới của các loài Bạch đàn đã được chọn lọc, nhân giống, khảo nghiệm và đã được Bộ NN&PTNT công nhận là giống quốc gia và giống TBKT. Các giống này có năng suất biến động từ 15 tới 38 m³/ha/năm phụ

thuộc vào từng loại lập địa. Nhiều dòng Bạch đàn có các tính chất cơ lý gỗ phù hợp với mục tiêu làm gỗ xẻ như các dòng Bạch đàn caman: C9, C55, C159 và BV22; Các dòng Bạch đàn urô: PN10, PN46, PN47, PN46, PN108 và PN3D.

Nghiên cứu lai giống Bạch đàn được bắt đầu ở nước ta từ những năm 1990 với công trình nghiên cứu lai giống một số loài Bạch đàn của Lê Đình Khả và Nguyễn Việt Cường (2000). Các tác giả đã nghiên cứu lai giống giữa các loài Bạch đàn uro, Bạch đàn caman và Bạch đàn liễu (*E. exserta*). Từ năm 2005, Viện KHLN Việt Nam cũng đã có thêm những nghiên cứu lai giống giữa Bạch đàn *E. urophylla* (U) và Bạch đàn *E. pellita* (P). Từ kết quả nghiên cứu 60 tổ hợp lai UP và PU (chủ yếu là UP) đã được tạo ra và khảo nghiệm hậu thế giống lai tại Hà Nội, Nghệ An, Quảng Trị và Bình Dương. Những giống lai giữa hai loài Bạch đàn này là rất có triển vọng cho trồng rừng ở miền Bắc và Bắc Trung Bộ. Từ các kết quả đánh giá các tổ hợp lai tại Ba Vì, chọn lọc các cá thể lai có sinh trưởng nhanh, hình dạng thân đẹp để nhân giống đã được tiến hành và xây dựng các khảo nghiệm dòng vô tính cùng với một số dòng Bạch đàn uro và Bạch đàn lai UP mới chọn lọc. Năm 2013, Bộ NN&PTNT đã công nhận **11 dòng là giống TBKT và giống quốc gia**, cụ thể là: Bạch đàn urô các dòng U262, U416, U821, U892, U1088; Bạch đàn lai: các dòng UP35, UP54, UP72, UP95, UP97, UP99.

Từ 2014-2019, thông qua việc thực hiện đề tài cấp Bộ "*Nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật tổng hợp để phát triển rừng trồng cung cấp gỗ lớn các loài Keo tai tượng và Bạch đàn trên lập địa sau khai thác ít nhất hai chu kỳ tại một số vùng trồng rừng tập trung*", Viện KHLN Việt Nam đã được Bộ NN&PTNT công nhận 4 giống Bạch đàn lai là UP54, UP72, UP95 và UP99 tại Quyết định số 761/QĐ-BNN-TCLN ngày 6/3/2019. Trong đó giống **Bạch đàn lai UP54** được công nhận mở rộng vùng trồng cho Cam Lộ, Quảng Trị; Yên Bình, Yên Bái và những nơi có điều kiện tương tự.

1.7. Kết quả nghiên cứu chọn giống cây bản địa gỗ lớn tại vùng Bắc Trung Bộ

Từ năm 2011 đến nay, thông qua các đề tài nghiên cứu triển khai trên nhiều vùng sinh thái trong đó đã có 8 loài cây bản địa được nghiên cứu chọn giống tại vùng Bắc Trung Bộ gồm Sồi phẳng, Gáo trắng, Giổi xanh, Re gừng, Lát hoa, Huỷnh, Sao đen, Dầu rái tập trung chủ yếu vào việc chọn lọc cây trội và xây dựng các khảo nghiệm giống, kỹ thuật tạo cây con, chế biến và bảo quản hạt giống làm cơ sở cho nghiên cứu cải thiện giống ở giai đoạn cao hơn. Tổng cộng đã chọn lọc được 584 cây trội và đã xây dựng được 35 ha khảo nghiệm giống. Đây là nguồn vật liệu giống hết sức quan trọng cho nghiên cứu cải thiện giống. Tuy nhiên, hầu hết các đề tài nghiên cứu cây bản địa mới chỉ được thực hiện trong 5 năm mà không được đầu tư tiếp tục nên việc quản lý bảo vệ hệ thống cây trội và khảo nghiệm giống này đang gặp rất nhiều khó khăn.

2. Kết quả phát triển giống giai đoạn 2011-2021

2.1. Ứng dụng công nghệ sinh học trong nghiên cứu và phát triển giống

Bên cạnh công tác chọn tạo giống mới, nghiên cứu nhân giống bằng công nghệ mô hom cũng đã được quan tâm chú trọng. Các hướng nghiên cứu chọn giống bằng các phương pháp mới như đa bội thể, sử dụng chỉ thị phân tử và chuyển gen cũng bước đầu đem lại những kết quả đáng khích lệ, cụ thể là:

- Đã xây dựng thành công phương pháp tạo giống Keo lai tam bội bằng cách tạo giống Keo tai tượng và Keo lá tràm tứ bội và lai giống với giống nhị bội để tạo ra giống tam bội. Một số giống tam bội có sinh trưởng rất tốt, năng suất tương đương hoặc vượt trội hơn so với giống Keo lai nhị bội đang được sử dụng rộng rãi, đồng thời có sợi gỗ dài hơn so với giống nhị bội. Từ đó đã chọn lọc và công nhận được 4 dòng Keo lai tam bội (X101, X102, X201 và X205) có năng suất cao để phát triển vào sản xuất.

- Nghiên cứu chuyển gen EcHB1 làm tăng chiều dài sợi gỗ cho Bạch đàn thực hiện trong 2 giai đoạn 2011 - 2014 và 2017 - 2020 đã tạo ra được nhiều dòng Bạch đàn uro và bạch đàn lai UP chuyển gen, kết quả đánh giá ở giai đoạn vườn ươm và 21 tháng tuổi cho thấy một số dòng có sinh trưởng và chiều dài sợi gỗ vượt trội hơn so với giống đối chứng không chuyển gen.

- Nghiên cứu ứng dụng chỉ thị phân tử trong chọn giống Bạch đàn lai và Keo lai đã được thực hiện từ năm 2011 đến nay, kết quả đã xác định được một số chỉ thị SSR và SNP có liên quan chặt đến các tính trạng sinh trưởng ở Keo lai và Bạch đàn lai và đã chọn lọc được một số dòng Bạch đàn lai và Keo lai có sinh trưởng nhanh, trong đó đã công nhận được 7 dòng Keo lai mới tại Bình Định và Quảng Trị, và 02 dòng Bạch đàn lai.

Đến nay, nhờ ứng dụng công nghệ sinh học trong nghiên cứu chọn và phát triển giống nên phần lớn các giống được công nhận đã có quy trình nhân giống và ứng dụng trong thực tế sản xuất. Trong giai đoạn 2011-2021, Viện đã tiến hành chuyển giao giống và công nghệ nhân giống mô - hom cho 40 cơ sở sản xuất lớn và các đơn vị nghiên cứu trên phạm vi cả nước. Đến nay các cơ sở nhận chuyển giao đều đã nắm vững quy trình công nghệ, hàng năm sản xuất từ 0,5 - 4,0 triệu cây giống chất lượng cao phục vụ trồng rừng kinh tế. Trong giai đoạn này, Viện cũng đã sản xuất và cung cấp hơn 2,0 triệu cây mô đầu dòng Keo và Bạch đàn và trên 4.000 bình giống được phục tráng cho các cơ sở sản xuất giống trên địa bàn các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ làm vật liệu nhân giống.

2.2. Tập hợp nguồn giống và xây dựng các vườn giống

Trong giai đoạn 2011-2021, song song với công tác chọn tạo các dòng vô tính các đơn vị nghiên cứu của Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam đã và đang tiếp tục đẩy mạnh xây dựng các vườn giống, rừng giống để cung cấp hạt giống phục vụ sản xuất và làm nền tảng cho nghiên cứu cải thiện giống. Cho đến nay, thông qua các dự án: "*Phát triển giống cây lấy gỗ phục vụ trồng rừng kinh tế*" thực hiện giai đoạn 2011-2015, 2017-2020 và Dự án: "*Phát triển giống phục vụ trồng rừng tại các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ*"

giai đoạn 2011-2020”, Viện đã xây dựng được 78 ha vườn giống, rừng giống các loài Keo tai tượng, Keo lá tràm, Keo lá liềm, Bạch đàn uro, Bạch đàn pellita... Các vườn giống, rừng giống này đều có tính đa dạng di truyền cao và đã bước đầu cung cấp hạt giống cho nghiên cứu và sản xuất.

2.3. Công bố TCVN và TBKT liên quan tới lĩnh vực giống

Dựa trên kết quả nghiên cứu, Bộ NN&PTNT công nhận 8 TBKT về nhân giống; Bộ KH&CN công bố nhiều TCVN về tiêu chuẩn Việt Nam về giống cây lâm nghiệp cho các loài cây chủ lực mọc nhanh và cây bản địa, cụ thể: *i. Nhóm TCVN về quản lý nguồn giống*: đã công bố 10 TCVN; 02 TCVN đang thực hiện (vườn lưu giữ giống gốc, giống phục tráng); đang soát xét 02 TCVN về công nhận giống mới và cây trội; *ii. Nhóm TCVN về khảo nghiệm giống* (VCU, DUS): 12 TCVN đã công bố; 01 TCVN đang xây dựng (chung DUS); *iii. Nhóm TCVN về cây giống*: hiện có 46 TCVN cho 50 loài đã công bố hoặc đang xây dựng. Đây là các loài cây trồng chủ lực và chủ yếu được ban hành theo Quyết định số 4961/QĐ-BNN-TCLN 17 tháng 11 năm 2014 của Bộ NN&PTNT. Ngoài ra, 40 quy trình, hướng dẫn kỹ thuật nhân giống, kỹ thuật trồng các loài cây lâm nghiệp và lâm sản ngoài gỗ cũng đã Viện KHLN VN biên soạn và ban hành.

2.4. Các cơ sở sản xuất kinh doanh giống

Hiện nay, cả nước có 744 đơn vị, cá nhân sản xuất kinh doanh giống cây lâm nghiệp gồm 229 cơ sở thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ, Công ty lâm nghiệp sản xuất khoảng 20% số lượng cây giống hàng năm và 515 Công ty tư nhân và hộ gia đình sản xuất khoảng 80% số lượng cây giống cung cấp cho trồng rừng. Toàn quốc có 632 vườn ươm kiên cố, 1.063 vườn ươm tạm thời và 37 nhà nuôi cấy mô. Công suất sản xuất của các vườn ươm là trên 1,7 tỷ giống/năm. Trong khi công suất sản xuất của các Nhà mô chỉ đạt 78,8 triệu cây/năm.

Vùng Bắc Trung Bộ là một trong những trung tâm sản xuất cây giống cây lâm nghiệp lớn của nước ta. Hiện nay, toàn vùng có 119 vườn ươm và 4 nhà nuôi cấy mô với công suất 57 triệu cây/năm trong đó có 7 triệu cây mô/năm. Các cơ sở sản xuất kinh doanh giống đang ứng dụng công nghệ nhân giống mô-hom và sử dụng các giống mới được chọn tạo góp phần phát triển giống phục vụ trồng rừng tại các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ nói riêng và cả nước nói chung.

III. MỘT SỐ TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU, PHÁT TRIỂN GIỐNG PHỤC VỤ TRỒNG RỪNG GIAI ĐOẠN 2022 - 2030 TẠI VÙNG BẮC TRUNG BỘ

1. Tồn tại, hạn chế trong công tác nghiên cứu chọn tạo và phát triển giống vùng Bắc Trung Bộ

Trong giai đoạn vừa qua, công tác nghiên cứu cải thiện giống và phát triển giống cây lâm nghiệp đã thu được nhiều thành tựu quan trọng góp phần nâng cao năng suất và chất

lượng rừng trồng phục vụ cung cấp nguyên liệu chính cho công nghiệp chế biến trong nước và xuất khẩu. Tuy vậy, công tác giống cây trồng lâm nghiệp vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như:

i. Mặc dù đã có nhiều giống được chọn tạo và công nhận nhưng tỷ lệ sử dụng giống mới cho trồng rừng còn thấp do thiếu các mô hình trình diễn ở quy mô lớn cũng như hoạt động chuyển giao giống còn hạn chế. Chưa hoàn thiện công nhận giống đối với 20 loài cây trồng chính theo danh mục đã ban hành;

ii. Sản lượng cây giống từ nuôi cấy mô còn rất hạn chế so với cây giống bằng hạt và cây hom do giá thành của cây giống mô còn cao hơn khá nhiều so với cây hạt và cây hom. Tỷ lệ sử dụng cây giống mô - hom còn thấp (23%), chất lượng giống chưa cao và năng suất rừng trồng còn thấp (đạt khoảng 100 m³/ha sau một chu kỳ khai thác);

iii. Công tác nghiên cứu chọn tạo giống cây bản địa mặc dù đã được quan tâm đầu tư nhưng chưa có trọng điểm, mức độ đầu tư chưa cao nên chưa có được nhiều giống cây bản địa tốt phục vụ trồng rừng;

iv. Tập đoàn giống mới chủ yếu phục vụ cho trồng rừng ở vùng thấp mà còn thiếu giống cho trồng rừng ở vùng cao cũng như giống cho các vùng lập địa khó khăn;

v. Công tác quản lý giống còn mang tính hành chính, chưa sâu sát thực tiễn, tỷ lệ diện tích rừng trồng được kiểm soát giống mới đạt 85%.

2. Giải pháp nghiên cứu và phát triển giống phục vụ trồng rừng tại vùng Bắc Trung Bộ giai đoạn 2022-2030

Trên cơ sở các nguồn lực hiện có, kế thừa các thành tựu nghiên cứu cải thiện, phát triển giống trong giai đoạn 2011-2021, để khắc phục những tồn tại, hạn chế nêu trên cần tập trung thực hiện các giải pháp nghiên cứu và phát triển giống phục vụ trồng rừng tại vùng Bắc Trung Bộ trong giai đoạn 2022-2030, cụ thể như sau:

2.1. Giải pháp nghiên cứu cải thiện giống

** Đối với các loài cây nhập nội mọc nhanh (Keo và Bạch đàn):*

- Xây dựng các khảo nghiệm mở rộng cho các giống mới được chọn tạo nhằm đánh giá một cách toàn diện tiềm năng của các giống này trên quy mô sản xuất và xúc tiến chuyển giao các giống mới cho các cơ sở sản xuất.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu chọn tạo giống mới, nhập khẩu đối với các loài cây mọc nhanh có năng suất và chất lượng cao phục vụ trồng rừng sản xuất (Keo, Bạch đàn...). Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ chọn tạo giống đa bội, công nghệ gen và công nghệ lai tạo tiên tiến, để chọn ra các giống có năng suất cao, chất lượng gỗ tốt và khả năng chống chịu sâu bệnh cao cho các loài cây trồng rừng chính.

- Nghiên cứu hoàn thiện các quy trình nhân giống sinh dưỡng bằng công nghệ mô-hom cho các giống có triển vọng, tiếp tục nghiên cứu cải tiến công nghệ theo hướng nâng cao sản lượng cây giống và giảm giá thành cây giống nhân bằng nuôi cấy mô.

- Nghiên cứu chọn lọc các giống cho trồng rừng gỗ lớn ở các vùng cao.

** Đối với các loài cây bản địa gỗ lớn mọc nhanh:*

- Cần tuyển chọn các loài bản địa cung cấp gỗ lớn triển vọng có năng suất và giá trị kinh tế, phù hợp với điều kiện lập địa vùng Bắc Trung Bộ.

- Tập trung thu thập các nguồn gen nhằm nâng cao tính đa dạng di truyền của loài cây nghiên cứu ở cả cấp độ xuất xứ và cá thể từ đó tạo ra quần thể chọn giống ban đầu có mức độ đa di truyền cần thiết phục vụ nghiên cứu chọn tạo giống trong tương lai.

- Nghiên cứu xây dựng các vườn giống và rừng giống từ các gia đình cây trội đã được chọn lọc để cung cấp giống cho sản xuất.

- Nghiên cứu xây dựng quy trình bảo quản, nhân giống (hữu tính và vô tính) các loài cây bản địa mọc nhanh.

2.2. Giải pháp phát triển giống

- Tăng cường quản lý chặt chẽ các cơ sở sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp chính trên địa bàn theo chuỗi hành trình từ khâu thu hái vật liệu, sản xuất giống đến lô cây con cho trồng rừng. Khuyến cáo các địa phương sử dụng cây giống gốc, bình giống gốc từ các cơ sở nghiên cứu để đảm bảo chất lượng cũng như hạt giống từ các nguồn giống được công nhận và thu hái theo đúng quy trình.

- Tiếp tục tuyên truyền, khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân trên địa bàn trồng rừng bằng giống cây có năng suất, chất lượng cao, giống mô, hom và kinh doanh gỗ lớn, nâng cao năng suất và giá trị rừng trồng. Tuyên truyền cho chủ rừng nhận thức rõ hơn về tầm quan trọng của giống tốt và thúc đẩy đưa giống tốt vào sản xuất.

- Rà soát và quy hoạch hệ thống rừng giống, vườn giống, vườn ươm đảm bảo cung ứng đủ giống tốt cho trồng rừng. Đặc biệt chú trọng tới những loài cây khó phát triển rừng trồng dòng vô tính (như Keo tai tượng, Keo lá liềm...) và các loài cây bản địa. Hỗ trợ xây dựng các khu rừng giống, vườn giống... Khuyến khích các công ty lâm nghiệp có diện tích rừng trồng lớn tham gia xây dựng hệ thống rừng giống, vườn giống.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển vào lĩnh vực nghiên cứu, chọn tạo giống; xây dựng cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp phối hợp với các cơ quan nghiên cứu, các nhà khoa học trong nghiên cứu, chọn tạo và phát triển giống cây trồng lâm nghiệp.

- Các dự án khuyến lâm, dự án sản xuất thử tập trung xây dựng các mô hình bằng những giống có năng suất, chất lượng cao mới được công nhận ở các vùng sinh thái phù hợp làm cơ sở giới thiệu, quảng bá để sớm đưa các giống mới vào sản xuất.

- Đầu tư nâng cấp, hiện đại hóa các cơ sở nghiên cứu, sản xuất giống cây trồng, ở cả Trung ương và địa phương. Khuyến khích tạo điều kiện cho những tổ chức, doanh nghiệp cá nhân trên địa bàn có sử dụng nuôi cấy mô sản xuất cây giống quy mô công nghiệp để hạ giá thành cây giống phục vụ trồng rừng.

- Đầu tư hỗ trợ phát triển giống cây lâm nghiệp (chuyển giao giống gốc và công nghệ nhân giống, hỗ trợ sản xuất và cung ứng giống gốc theo ND 32/2019). Khuyến khích người trồng rừng sử dụng giống tốt có chứng chỉ. Tiếp tục hỗ trợ giá hơn nữa cho cây giống sản xuất từ công nghệ nuôi cấy mô tế bào để bảo đảm cung cấp 70% giống từ nhân giống sinh dưỡng cho trồng rừng.

- Nâng cao năng lực khoa học và công nghệ, quản lý chất lượng giống cho các tổ chức, cá nhân nghiên cứu, các cơ quan quản lý giống cấp Tỉnh, Huyện, các cơ sở sản xuất giống.

IV. KẾT LUẬN

Trong giai đoạn 2011-2021, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam đã tiếp tục chọn, tạo và công nhận thêm được 36 giống mới cho các loài cây trồng rừng chủ yếu của Keo và Bạch đàn, bước đầu nghiên cứu chọn giống và kỹ thuật trồng rừng thâm canh cung cấp gỗ lớn cho 8 loài cây bản địa. Nghiên cứu chọn giống bằng các phương pháp mới như đa bội thể, sử dụng chỉ thị phân tử và chuyển gen cũng bước đầu đem lại những kết quả đáng khích lệ. Nghiên cứu nhân giống và chuyển giao khoa học công nghệ nhân giống và giống gốc đã được phát triển và phát huy hiệu quả trong sản xuất. Thông qua các dự án giống, Viện đã xây dựng được 78 ha vườn giống, rừng giống các loài Keo và Bạch đàn có mức độ đa dạng di truyền cao để phục vụ trồng rừng sản xuất. Bên cạnh các thành tựu to lớn đã nêu trên, công tác nghiên cứu cải thiện giống trong thời gian qua còn có một số tồn tại như chưa chú trọng nghiên cứu chọn giống cho các loài cây bản địa, chọn giống cho vùng cao, chọn giống kháng một số loại bệnh mới phát sinh trên keo như bệnh chết héo và cần được quan tâm nghiên cứu trong giai đoạn tới. Để phát triển rừng trồng gỗ lớn bền vững, từng bước nâng cao năng suất và chất lượng rừng trồng phục vụ mục tiêu tái cơ cấu ngành lâm nghiệp, trong thời gian tới cần tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu cải thiện giống, chuyển giao giống vào sản xuất và tăng cường công tác quản lý chất lượng giống, nâng cao năng lực khoa học và công nghệ và đầu tư hỗ trợ phát triển giống cây lâm nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ NN & PTNT, 2021. Công bố hiện trạng rừng toàn quốc năm 2020 ban hành theo Quyết định số 1558/QĐ-BNN-TCLN ngày 13/4/2021.
2. Nghiêm Quỳnh Chi và các cộng tác viên, 2019. Báo cáo tổng kết đề tài “Nghiên cứu chọn tạo giống Keo tam bội sinh trưởng nhanh phục vụ trồng rừng gỗ lớn”. Viện KHLN Việt Nam.

3. La Ánh Dương và các cộng tác viên, 2018. Báo cáo tổng kết đề tài: "Nghiên cứu chọn giống Keo tai tượng có năng suất cao chống chịu bệnh mục ruột phục vụ trồng rừng gỗ lớn cho vùng Đông Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ". Viện KHLN Việt Nam.
4. Võ Đại Hải và các cộng tác viên, 2018. Báo cáo tổng kết đề tài: Nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật tổng hợp để phát triển rừng trồng cung cấp gỗ lớn các loài Keo tai tượng và Bạch đàn trên lập địa sau khai thác ít nhất hai chu kỳ tại một số vùng trồng rừng tập trung. Viện KHLN Việt Nam.
5. Phí Hồng Hải và các cộng tác viên, 2015. Báo cáo tổng kết đề tài “Nghiên cứu chọn và nhân giống Keo lá liềm (*Acacia crassiparva*) và Keo tai tượng (*Acacia mangium*) phục vụ trồng rừng kinh tế” giai đoạn 2011 - 2015. Viện KHLN Việt Nam.
6. Phí Hồng Hải, Nguyễn Đức Kiên, Hoàng Văn Thắng, 2022. Thực trạng nghiên cứu cải thiện và giải pháp phát triển giống cây lâm nghiệp. Báo cáo Hội nghị Phát triển vùng nguyên liệu phục vụ ngành công nghiệp chế biến gỗ xuất khẩu. Bộ NN&PTNT.
7. Nguyễn Đức Kiên và các cộng tác viên, 2021. Chiến lược nghiên cứu giống và bảo tồn nguồn gen một số loài cây lâm nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050. Viện KHLN Việt Nam.
8. Lê Xuân Toàn, 2022. Luận án tiến sỹ: Nghiên cứu biến dị và khả năng di truyền tính trạng sinh trưởng và tính chất gỗ của Keo lá liềm (*Acacia crassiparva* A.Cunmm. ex Benth) trong một số khảo nghiệm hậu thế. Viện KHLN Việt Nam.
9. Viện Nghiên cứu Giống và CNSH Lâm nghiệp, 2018. Báo cáo công nhận giống keo lai tự nhiên tại Cam Lộ, Quảng Trị.
10. Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam, 2020. Kỷ yếu hội thảo Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ sinh học Lâm nghiệp: Thành tựu và định hướng phát triển. NXB Nông nghiệp, Hà Nội./.

TRUNG TÂM KHOA HỌC LÂM NGHIỆP BẮC TRUNG BỘ

CHUYỂN ĐỔI PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT SANG TRỒNG RỪNG GỖ LỚN GẮN VỚI THỰC HIỆN CHỨNG CHỈ FSC - HƯỚNG ĐI BỀN VỮNG TRONG PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP TẠI HTX PHÚ HƯNG

Hợp tác xã Phú Hưng (Hải Phú, Hải Lăng, Quảng Trị)

I. GIỚI THIỆU VÀI NÉT VỀ HỢP TÁC XÃ

HTX Phú Hưng được thành lập năm 1978 và được chuyển đổi sang hoạt động theo luật HTX 2012 từ ngày 24/11/2015. Là một HTX vùng gò đồi nằm phía Bắc huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Đất đai cần cỗi, ruộng chua phèn, bậc thang với tổng diện tích đất tự nhiên gần 1.000 ha; trong đó đất ruộng lúa 100 ha, đất màu 130 ha, diện tích đất lâm nghiệp 500 ha, đất nuôi trồng thủy sản 35 ha, còn lại là đất thổ cư và khe suối,...

Sau hơn 40 năm hoạt động, từ một HTX chuyên phục vụ sản xuất nông nghiệp, nay đã mở thêm nhiều ngành nghề kinh doanh, làm cho quy mô sản xuất không ngừng mở rộng, chất lượng quản lý ngày càng chuyên nghiệp hơn; đến nay đã trở thành đơn vị phát triển, làm ăn có hiệu quả. Hiện HTX có 552 thành viên, giá trị tài sản được chia thành 2.800 cổ phần, vốn góp tối thiểu của mỗi thành viên là 500.000 đồng, bình quân vốn góp của mỗi thành viên là 2.500.000 đồng. HTX luôn thực hiện phương châm hoạt động là tập trung hỗ trợ cho các thành viên phát triển kinh tế, lợi ích của người lao động luôn được đặt lên hàng đầu, HTX chỉ thực hiện những khâu, việc mà cá nhân của mỗi thành viên không thực hiện được, hoặc thực hiện không hiệu quả.

Về cơ cấu tổ chức của HTX: Hội đồng quản trị: 3 người; Ban Kiểm soát: 3 người; Ban Kế toán HTX: 2 người. Cán bộ quản lý, bảo vệ rừng: 1 người. Trong đó, trình độ Đại học và CĐ có 3 cán bộ, còn lại đã có bằng trung cấp và sơ cấp.

Tình hình tài chính của HTX năm 2021

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TTT	CHỈ TIÊU	Năm 2021
1	Tổng vốn cố định	7.396.000
2	Tổng vốn lưu động	34.573.000
3	Tổng nguồn vốn	41.970.000
	3.1. Vốn chủ sở hữu	24.243.000
	Trong đó: vốn góp thành viên	1.408.579
	3.2. Các khoản nợ phải trả	17.726.000

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP

* HTX đang điều hành 10 khâu dịch vụ, trong đó 5 dịch vụ không tính lãi nhằm hỗ trợ bà con phát triển sản xuất, 5 hoạt động mang tính thương mại, trong đó có hoạt động sản xuất Lâm nghiệp:

Các hoạt động sản xuất của HTX

Các dịch vụ	Doanh thu	Chi phí	Thu nhập
- Dịch vụ TCSX No	45.671.300	29.536.700	16.134.600
- Dịch vụ BVTV	22.835.700	9.933.600	12.902.100
- Dịch vụ thủy lợi	163.069.300	165.671.100	- 2.601.800
- Dịch vụ làm đất	303.124.700	301.826.100	1.308.500
- Môi trường	77.160.000	76.054.800	1.105.200
- Dịch vụ vật tư n.n	774.780.000	701.174.400	73.605.600
- Dịch vụ Tín dụng nội bộ	1.613.712.000	1.405.835.900	207.876.100
- Sản xuất lâm nghiệp	4.540.120.900	2.209.684.600	2.330.436.300
- Chăn nuôi trang trại	1.381.375.400	1.051.055.100	330.320.300
- Các khoản thu khác	397.628.600	98.570.100	299.058.500
Cộng	9.319.477.900	6.049.332.500	3.270.145.400

Hoạt động sản xuất cây lâm nghiệp: HTX đang quản lý 284 ha rừng các loại, trong đó có 100 ha cây thông nhựa đang thời kỳ khai thác.

- Về diện tích rừng trồng:

+ Rừng Thông nhựa: HTX đang quản lý 100 ha rừng thông nhựa và đang giao cho 27 thành viên chăm sóc, khai thác nhựa. Hàng năm sản lượng nhựa khai thác ra khoảng > 50 tấn đều được HTX liên kết với các doanh nghiệp chế biến cam kết tiêu thụ hết và giá luôn cao hơn giá thị trường là 5%. Đời sống lao động luôn được đảm bảo, thu nhập bình quân > 6 triệu đồng/người/tháng.

+ Rừng trồng Keo: Được hình thành từ những năm 1980 của thế kỷ trước, tuy nhiên với mục đích ban đầu là thực hiện các dự án để phủ xanh đất trống đồi trọc, ban đầu là trồng bạch đàn, sau đó đến 1998 chuyển dần sang trồng keo lá tràm, nhưng ban đầu với mục đích là lấy dăm làm giấy, nên việc trồng, chăm sóc, chọn giống chưa được quan tâm đúng mức, sản lượng ban đầu rất thấp chỉ khoảng < 50 tấn/ha/chu kỳ 6 năm.

Được sự hỗ trợ giúp đỡ của Chi cục Kiểm lâm Quảng Trị, Tổ chức WWF đã phối hợp tổ chức các lớp tập huấn, nâng cao nhận thức về lợi ích của môi trường nên HTX đã từng bước chuyển đổi và tổ chức lại sản xuất, năm 2013 HTX đã tham gia vào "**Hội các nhóm hộ có chứng chỉ rừng Quảng Trị**". Đến nay 100% diện tích rừng trồng keo của HTX đã được cấp chứng chỉ FSC vừa đem lại lợi ích kinh tế, tăng thu nhập đáng kể cho người dân,

đồng thời giữ được môi trường trong lành, ổn định, không ảnh hưởng đến các chức năng sinh thái của rừng và không làm suy giảm tính đa dạng sinh học,... Theo tiêu chuẩn này việc trồng rừng phải bảo đảm chất lượng từ cây giống, các quy trình chăm sóc, thời gian thu hoạch. Việc khai thác, chế biến gỗ phải tuân thủ quy hoạch, thời gian khai thác kéo dài khoảng 8-10 năm/chu kỳ cây. Bù lại khối lượng sản phẩm tốt hơn, hiệu quả kinh tế cao gấp đôi và đầu ra ổn định hơn.

Hiện nay HTX liên kết với Công ty Scansia pacific (thông qua hội các nhóm hộ có chứng chỉ rừng) thì giá bán gỗ thường cao hơn thị trường 10-15%. Vì thế, thương hiệu sản phẩm rừng được nâng lên và sản phẩm gỗ của mình được thâm nhập những thị trường khó tính của châu Âu và Mỹ. Bên cạnh nâng cao được hiệu quả kinh tế thì cũng giải quyết được 40 - 50 lao động có việc làm thường xuyên, tiền công của người lao động bình quân > 6 triệu/tháng, thu nhập của HTX tăng lên đáng kể.

Sau 10 năm tham gia vào "**Hội các nhóm hộ có chứng chỉ rừng Quảng Trị**", nhóm chứng chỉ rừng Phú Hưng, trồng rừng theo tiêu chí FSC cũng đã thu được lợi ích rất lớn, nó không chỉ cho hiệu quả kinh tế cao mà còn mang lại những lợi ích về xã hội và môi trường; cụ thể:

+ Về kinh tế, chứng chỉ rừng nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và tăng thu nhập; giá bán gỗ xẻ có chứng chỉ cao hơn giá thị trường 10-15%. Bên cạnh đó, hoạt động quản lý rừng của chủ rừng được công nhận và tin cậy; được các công ty, doanh nghiệp uy tín ký kết đầu ra, gỗ của HTX được xuất đi các thị trường khó tính như: Mỹ, châu Âu.... Hàng năm HTX khai thác khoảng 10 - 20 ha (tương đương 3.000 - 3.500 tấn), đầu ra luôn ổn định và có giá cao.

+ Về xã hội, để được cấp chứng chỉ rừng, cộng đồng địa phương và các bên liên quan phải tham gia vào tiến trình lập kế hoạch quản lý rừng bền vững, góp phần làm giảm áp lực lên tài nguyên rừng. Chủ rừng nhận biết và tôn trọng các quyền truyền thống của người dân bản địa đối với tài nguyên rừng và quyền của công nhân, từ đó điều kiện lao động và đời sống được cải thiện. Trình độ nhận thức và năng lực của người dân được nâng cao. Bên cạnh đó cũng nâng cao hình ảnh của chủ rừng với xã hội.

+ Về môi trường, quản lý rừng bền vững sẽ bảo tồn được tính đa dạng sinh học của rừng, nguồn nước, đất và các hệ sinh thái trong rừng; Duy trì được các chức năng của hệ sinh thái và tính toàn vẹn, ổn định của rừng và đất rừng; Bảo vệ được các loài động thực vật quý, hiếm đang bị đe dọa; Giảm thiểu được các tai họa của thiên nhiên; Môi trường và điều kiện làm việc an toàn hơn.

Nhận thấy được hiệu quả kinh tế khi tham gia trồng rừng theo chứng chỉ FSC, đến nay ngoài diện tích rừng trồng của HTX, còn có thêm một số hộ ở các địa phương lân cận tham gia vào nhóm với diện tích tăng thêm 130 ha. Đến nay, tổng diện tích tham gia vào nhóm chứng chỉ rừng Phú Hưng là > 300 ha (HTX: 178 ha), (năm 2021 có thêm 6 hộ đăng ký tham gia: 130ha). Trong tương lai nếu được vận động tốt thì diện tích các địa phương lân

cận có thể tăng lên đáng kể: Long Hưng: 300ha, Đại An Khê: 150 ha, Thượng Xá: 200ha, Hải Lâm: 500ha, Hải Lệ: 500ha.

Để tạo thuận lợi trong quá trình trồng rừng, HTX tổ chức hướng dẫn các thành viên, người dân mua cây giống, cách kiểm tra chất lượng cây giống, bảo đảm cây giống đạt chất lượng cao trước khi trồng, đến nay HTX cũng đã chủ động xây dựng một vườn ươm giống chất lượng cao, để đảm bảo cho sản xuất của người dân luôn ổn định và phát triển.

Để đạt được kết quả như vậy, trong thời gian qua, HTX Phú Hưng đã nỗ lực hết sức mình vừa kiện toàn tổ chức, vừa sản xuất ổn định và kinh doanh có hiệu quả. Trước hết là nhờ sự giúp đỡ của các cấp, sự hỗ trợ của nhà nước, cán bộ HTX đoàn kết, nhân dân đồng lòng. Đặc biệt, qua từng khâu cho thấy sự liên kết hỗ trợ chặt chẽ của các tổ chức, và các đơn vị.

Nhờ hoạt động có hiệu quả nên hàng năm HTX đều có trích kinh phí để triển khai được các hoạt động xã hội, cộng đồng, góp phần đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, thúc đẩy phong trào xây dựng nông thôn mới ngày càng thiết thực:

Có thể khẳng định rằng rừng trồng gỗ lớn có chứng chỉ FSC đã làm tăng đáng kể thu nhập của hợp tác xã, Rừng không chỉ mang lại cuộc sống no ấm cho các thành viên HTX Phú Hưng mà còn góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, chống biến đổi khí hậu ở địa bàn xã Hải Phú. Với 284 ha rừng HTX quản lý, thì từ ngày chuyển sang trồng rừng kinh doanh gỗ lớn, HTX đã giảm bớt số lần khai thác, trồng lại rừng nên giảm xói mòn, rửa trôi đất do quá trình khai thác, trồng lại rừng gây ra. Sự phát triển của HTX trong thời gian qua đã góp phần quan trọng trong tiến trình CNH-HĐH nông nghiệp nông thôn, là chỗ dựa tin cậy của thành viên, người lao động ở nông thôn, Ngoài ra, HTX còn tham gia giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội ở nông thôn, phát triển cộng đồng, thắt chặt tình làng nghĩa xóm, thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về xóa đói giảm nghèo, góp phần giữ vững ổn định chính trị-xã hội ở nông thôn.

Tuy nhiên: Trong quá trình phát triển, HTX vẫn đang còn gặp một số khó khăn vướng mắc cần nhà nước hỗ trợ để tập trung tháo gỡ:

Hạ tầng phục vụ cho vấn đề sản xuất còn quá thấp kém:

+ Đường giao thông mùa mưa đi lại rất khó khăn, hạn chế cho việc chăm sóc, quản lý và phát triển kinh tế trong mùa mưa, HTX cần nhà nước hỗ trợ cứng hóa khoảng 3,5km đường giao thông để thuận lợi trong tổ chức liên kết sản xuất.

+ Trồng rừng gỗ lớn thì cần có thời gian dài để đạt được chất lượng tốt, nhưng người nông dân thì cần tiền để chi tiêu hàng năm, nên nhà nước cần có chính sách tín dụng ưu đãi dài hạn cho người trồng rừng để họ có đủ điều kiện duy trì được rừng gỗ lớn.

+ Thời tiết ở vùng miền trung mùa hè thì nắng hạn gay gắt, mùa mưa thì bão lũ thường xuyên nên việc trồng rừng gỗ lớn cũng gặp rất nhiều khó khăn, có thể gây thiệt hại cho

người trồng rừng, cho nên cần có chính sách bảo hiểm đối với người trồng rừng để người dân yên tâm sản xuất.

+ Đề nghị nhà nước cần có các chính sách phù hợp tạo ra cơ chế cho người trồng rừng liên kết, hợp tác với nhau thành lập các HTX, THT để xây dựng các kế hoạch chung phù hợp với yêu cầu thực tiễn của địa phương, và tạo ra được các vùng nguyên liệu tập trung đủ lớn, chủ động đầu ra cho sản phẩm rừng trồng.

+ Hoạt động HTX là tập hợp của những người nghèo, yếu thế nên cả nguồn lực và nhân lực đều rất hạn chế, vì vậy nhà nước cần có chính sách riêng ưu tiên cho phát triển kinh tế hợp tác, mà nhất là các HTX Nông nghiệp để họ có đủ năng lực tổ chức và điều hành HTX: Chính sách hỗ trợ đào tạo cán bộ HTX, chính sách hỗ trợ BHXH cho cán bộ, chính sách xây dựng các mô hình kinh tế trong lòng HTX...

Trên đây là báo cáo một số kết quả đạt được qua thời gian phấn đấu đổi mới, phát triển của HTX và một số ý kiến kiến nghị về chính sách đối với người trồng rừng, nhằm góp phần không ngừng nâng cao đời sống nhân dân, đẩy mạnh kinh tế hợp tác ngày càng phát triển bền vững, xây dựng nông thôn mới ngày càng ổn định và phát triển, tạo điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp CNH-HĐH nông nghiệp nông thôn phát triển toàn diện, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết 26-NQ/TW của BCH trung ương Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn./.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ HTX PHÚ HƯNG

LIÊN KẾT TRỒNG RỪNG GỖ LỚN GIỮA DOANH NGHIỆP VÀ NGƯỜI TRỒNG RỪNG MANG LẠI LỢI ÍCH NHIỀU BÊN

Công ty cổ phần Tổng Công ty Thương mại Quảng Trị

Lựa chọn trồng cây gì phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu và điều kiện canh tác của từng địa phương luôn là quan tâm hàng đầu của những người làm nông nghiệp. Nhưng quan trọng hơn hết là sản phẩm nông nghiệp làm ra sẽ được bán cho ai, giá trị đem lại như thế nào.

Gỗ rừng trồng là hướng phát triển nông lâm nghiệp đáp ứng được điều kiện sản xuất và khí hậu khắc nghiệt của các tỉnh miền Trung nói chung và tỉnh Quảng Trị nói riêng.

Gỗ rừng trồng không lo lắng về thị trường đầu ra!

Ngành lâm nghiệp là cửa ngõ lớn nhất để tiêu thụ sản phẩm đầu ra cho gỗ rừng trồng. Việt Nam là một trong những quốc gia xuất khẩu gỗ dăm giấy lớn nhất trên thế giới. Trong vòng một thập kỷ trở lại đây, ngành lâm nghiệp đã tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển của diện tích rừng trồng trong cả nước.

Bên cạnh đó, ngành sản xuất chế biến đồ gỗ xuất khẩu của Việt Nam phát triển mạnh trong bối cảnh nguồn gỗ từ Lào ngày càng hạn chế và nguồn gỗ khai thác từ rừng tự nhiên bị đóng cửa, cũng góp phần thúc đẩy sự gia tăng về diện tích gỗ rừng trồng.

Thị trường nguyên liệu gỗ rừng trồng ngày càng sôi động với sự gia tăng của nhiều chủng loại sản phẩm gỗ khác nhau như ván sợi, ván bóc, MDF, và trong những năm gần đây là viên gỗ nén - nhiên liệu sinh khối thay thế một phần nhiên liệu hóa thạch đã khai thác hết tối đa sản phẩm từ rừng trồng và phụ phẩm trong ngành chế biến gỗ.

Hướng lựa chọn phát triển gỗ rừng trồng!

Nguyên liệu gỗ rừng trồng phục vụ thị trường sản xuất trong nước chủ yếu là gỗ rừng trồng (*keo, bạch đàn, thông...*) và rừng cao su thanh lý, trong đó cây keo là chủ lực.

Không thể không nhắc đến những lợi ích to lớn của việc lựa chọn cây keo trồng là loài cây chủ lực của phát triển rừng trồng. Với đặc tính sinh trưởng và phát triển nhanh, chống chịu được nhiều loại sâu bệnh và chịu được khí hậu khắc nghiệt, cây keo đã trở thành loài cây giúp nhanh phủ xanh đất trống đồi núi trọc, cải tạo đất, chống xói mòn và mang lại giá trị kinh tế, làm giàu cho người nông dân trồng rừng trên những vùng đất khô cằn trong suốt những thập kỷ trước đây. Đó cũng chính là lý do diện tích keo trồng tại các tỉnh miền Trung ngày càng được mở rộng.

Tuy nhiên, việc phát triển gỗ rừng trồng keo vẫn còn nhiều bất cập. Với việc phát triển rừng trồng tự phát, chủ yếu tập trung phát triển rừng trồng lấy gỗ cung cấp cho ngành băm

dăm xuất khẩu: mật độ trồng rừng lớn (4.000 - 5.000 cây/ha), việc lựa chọn giống đầu vào chưa được chú trọng, bỏ qua các biện pháp kỹ thuật lâm sinh trong trồng và chăm sóc. Nguyên liệu gỗ từ rừng trồng gỗ dăm có chu kỳ khai thác vào năm thứ 4 thứ 5, cây nhỏ, nhiều khuyết tật không, hàm lượng xenlulo thấp nên nguyên liệu dăm giấy của Việt Nam tuy nhiều nhưng không được đánh giá cao về mặt chất lượng. Mặt khác, khi thị trường nguyên liệu gỗ dăm có biến động (*nhu cầu giảm*), việc sử dụng nguồn giống đầu vào không có nguồn gốc, chất lượng không đảm bảo; cùng với việc không áp dụng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh trong trồng và chăm sóc khiến cho việc tiếp tục duy trì phát triển và chuyển đổi sang rừng gỗ lớn gặp nhiều khó khăn, kém hiệu quả. Gỗ nguyên liệu từ các cánh rừng gỗ keo trầm hiện nay thực tế không đáp ứng được nhu cầu về số lượng, và chất lượng của các đơn hàng chế biến đồ gỗ xuất khẩu, vì vậy ngành chế biến đồ gỗ Việt Nam vẫn phụ thuộc nhiều vào nguyên liệu nhập khẩu. Việc phát triển rừng trồng thiếu bền vững theo hướng chỉ tập trung vào khai thác gỗ dăm cũng là một phần nguyên nhân khiến thiên tai mưa bão trong những năm 2020, 2021 đã làm sạt lở nhiều diện tích đất ở miền núi các tỉnh miền Trung.

Vậy làm thế nào để rừng trồng thực sự bền vững, thể hiện được vai trò tác động tích cực đến bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai; người dân trồng rừng được đảm bảo về thị trường đầu ra, kinh tế từ rừng trồng đạt hiệu quả tốt nhất?

Liên kết trồng rừng giữa doanh nghiệp và người trồng rừng sao cho nhiều bên cùng có lợi?

Trong suy nghĩ của đại đa số người dân trồng rừng, với mức đầu tư khoảng 15 triệu đồng/ha (cây giống, phân bón, nhân công..) thì sau 4 năm có thể bán được trung bình khoảng 60 triệu đồng, thu về được khoảng 45 triệu đồng. Như vậy vừa có thể giảm thiểu rủi ro thiên tai, cháy rừng, vừa nhanh thu được tiền (*hai chu kỳ 8 năm thu được khoảng 90 triệu đồng*). Nếu trồng rừng gỗ lớn, với mức đầu tư ban đầu như trồng gỗ dăm thì sau 8 năm có thể bán được tối thiểu 130 - 200 triệu đồng, thu về tối thiểu 115 - 185 triệu đồng nhưng thời gian thu hồi vốn chậm, rủi ro cao.

Vậy làm thế nào để doanh nghiệp đồng hành người dân thay đổi chuyển từ trồng rừng gỗ dăm sang trồng rừng gỗ lớn?

1. Doanh nghiệp chế biến gỗ cần có điều kiện được gặp gỡ, đối thoại để người người dân trồng rừng biết rõ hơn về nguyên liệu gỗ cung cấp từ cánh rừng của mình đang có lợi thế và bất lợi như thế nào (*Chất lượng chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu, hiệu quả từ rừng trồng chưa cao*).

2. Doanh nghiệp chế biến gỗ cũng cần đồng hành cùng người dân trồng rừng để thực hiện việc cam kết thực hành trồng rừng gỗ lớn (*Hỗ trợ người dân tiếp cận được các dòng cây giống đảm bảo về nguồn gốc và đảm bảo chất lượng để trồng rừng gỗ lớn; hỗ trợ*

người dân thực hành kỹ thuật lâm sinh trong trồng và chăm sóc, khai thác rừng; cam kết về thị trường đầu ra cho các cánh rừng thực hành trồng rừng gỗ lớn).

3. Doanh nghiệp cũng cần có những cam kết mạnh mẽ để đồng hành cùng người dân khi có rủi ro thiên tai xảy ra cũng như khi có những biến động bất lợi từ thị trường tiêu thụ.

4. Về phía người dân trồng rừng cũng cần thiết phải nâng cao ý thức công việc thực hành trồng rừng gỗ lớn cũng như việc thực hiện các cam kết đồng hành cùng doanh nghiệp để tránh tình trạng phá vỡ liên kết về thị trường và giá cả gây thiệt hại cho doanh nghiệp.

• **Liên kết trồng rừng giữa Tổng công ty Thương mại Quảng Trị và người dân trồng rừng**

Tổng công ty Thương mại Quảng Trị có ngành chế biến gỗ rừng trồng còn non trẻ, quy mô khiêm tốn nhưng trong những năm vừa qua Công ty đã đồng hành cùng người dân trồng rừng tại địa phương trong việc phát triển rừng gỗ lớn:

- Tổ chức nhiều buổi đối thoại với người dân về liên kết bao tiêu sản phẩm.
- Làm việc với các đơn vị nghiên cứu về giống cây lâm nghiệp, lựa chọn và hỗ trợ cung cấp cho người dân trồng rừng cây giống đảm bảo chất lượng, nguồn gốc rõ ràng.
- Tổ chức tập huấn cho người dân trồng rừng về việc thực hiện kỹ thuật lâm sinh trong trồng, chăm sóc và khai thác rừng dưới nhiều hình thức khác nhau.
- Hỗ trợ thu mua nguyên liệu gỗ rừng trồng có chứng chỉ cho người dân với giá cao hơn khoảng 15% so với giá gỗ thông thường.

• **Kiến nghị, đề xuất**

- Do thực tế các cam kết hợp tác liên kết trong lĩnh vực phát triển trồng rừng gỗ lớn giữa doanh nghiệp và người dân còn lỏng lẻo, thiếu tính pháp lý ràng buộc. Nhà nước cần có những chính sách, những chế tài để tránh tình trạng hợp đồng bị phá vỡ, gây thiệt hại cho các bên.

- Các doanh nghiệp trong ngành chế biến gỗ cần đồng hành cùng nhau và cùng chính quyền địa phương để cùng người dân cam kết thực hành trồng rừng bền vững và rừng gỗ lớn tránh tình trạng cạnh tranh không lành mạnh, tranh mua tranh bán.

- Chính quyền địa phương cần có những quy hoạch cụ thể về vùng phát triển rừng phù hợp điều kiện thực tế của địa phương mình: vùng nguyên liệu dăm, vùng phát triển rừng gỗ lớn,... để người dân và doanh nghiệp yên tâm đầu tư thực hiện.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI QUẢNG TRỊ

NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN VÀ CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN GỖ LỚN PHỤC VỤ CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG QUẢNG TRỊ

**Công ty Cổ phần gỗ MDF VRG Quảng Trị
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam**

Công ty CP gỗ MDF VRG Quảng Trị thành lập được thành lập ngày 25/11/2005 với ngành nghề chính là sản xuất kinh doanh gỗ ván nhân tạo MDF, Công ty có 2 nhà máy sản xuất gỗ ván MDF với tổng công suất thiết kế 180.000 m³sp/năm (Nhà máy 1 công suất 60.000, nhà máy 2 công suất 120.000).

Trong những năm qua bình quân mỗi năm Công ty sản xuất 220.000m³ sản phẩm, vượt hơn 20% công suất thiết kế; tương đương khối lượng gỗ nguyên liệu tiêu hao vào khoảng hơn 350.000 tấn, củi đốt tiêu hao khoảng 36.000 tấn, dự trữ cho năm kế tiếp khoảng 45.000 tấn gỗ nguyên liệu và 4.500 tấn củi đốt.

Với lượng nguyên liệu phục vụ sản xuất kinh doanh 2 nhà máy của Công ty một năm tương đối lớn. Tuy nhiên, trên địa bàn Quảng Trị trong những năm gần đây chính sách mở cửa của tỉnh đã thu hút nhiều cá nhân, công ty đến đầu tư và mở ra nhiều nhà máy băm dăm xuất khẩu tính đến thời điểm hiện nay có khoảng trên dưới 25 nhà máy băm dăm và hàng chục nhà máy gỗ ghép thanh, gỗ phôi đi vào hoạt động. Đặc biệt cách biên giới Việt - Lào khoảng 100 km nhà máy tinh bột giấy của Trung Quốc công suất 1,5 triệu tấn/năm đã đi vào hoạt động thương mại từ năm 2018 do đó làm ảnh hưởng không nhỏ đến giá thành thu mua nguyên liệu đầu vào của Công ty.

Qua nắm bắt diện tích rừng trồng có trữ lượng đến kỳ khai thác và chuẩn bị đến kỳ khai thác cũng như gỗ rừng nghèo chuyển đổi cây trồng và các loại gỗ khác thu mua trong dân và các tổ chức khác thì nguyên liệu đáp ứng cho 2 nhà máy sản xuất ổn định lâu dài là hết sức khả quan.

Hiện nay nguyên liệu rừng trồng người dân tự thực hiện chiếm đa phần, năng suất cao nên hiệu quả kinh tế từ hoạt động trồng rừng là rất lớn, tăng thu nhập cho người dân, nhiều hộ gia đình đã thoát nghèo vươn lên làm giàu từ việc trồng rừng và các dịch vụ đi kèm như khai thác rừng, vận chuyển... các chủ trương chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cũng được người dân tích cực thực hiện, nên diện tích rừng trồng ngày càng được tăng lên.

Mặc dù với những khả quan trên nhưng trong công tác thu mua nguyên liệu thuận lợi và khó khăn thường đan xen lẫn nhau.

I. THUẬN LỢI

- Với đặc thù Sản phẩm được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại nên tất cả các loại gỗ thân cứng đều đưa vào sản xuất được sản phẩm MDF chất lượng sản phẩm không thay đổi, giá thành hạ cạnh tranh với các loại gỗ MDF trên thị trường.

- Hai nhà máy của công ty nằm trong vùng nguyên liệu có diện tích và trữ lượng lớn, cự ly vận chuyển ngắn, địa bàn Quảng Trị cũng như Quảng Bình, Thừa Thiên Huế phần lớn là đồi núi, đất đai thổ nhưỡng, khí hậu phù hợp với việc phát triển rừng trồng các loại cây như: Keo lai, Tràm, Bạch đàn... cho năng suất cao.

- Phương thức thu mua, giải phóng phương tiện và thanh toán kịp thời tạo được sự đồng thuận và thu hút khách hàng của công ty.

- Được sự quan tâm của các sở, ban ngành và UBND tỉnh trong vấn đề quản lý và phát triển vùng nguyên liệu.

II. KHÓ KHĂN

- Cạnh tranh trong thị trường thu mua nguyên liệu về giá cả và phương thức thu mua ngày càng khốc liệt.

- Hiện tại trong toàn tỉnh đã có hơn 25 nhà máy băm dăm, 5 nhà máy viên nén và khoảng 20 nhà máy gỗ ghép thanh và các trạm cân thu mua nguyên liệu được đặt ở các vùng trọng yếu đã đi vào hoạt động nhiều năm nay nên việc tranh mua, tranh bán xảy ra phức tạp, giá cả biến động liên tục làm ảnh hưởng rất lớn đến việc thu mua nguyên liệu đầu vào của Công ty.

- Do cạnh tranh về thu hút nguyên liệu nên đẩy giá tăng cao, làm cho người trồng rừng khai thác rừng khi chưa đến tuổi ngày càng nhiều, rừng 4-5 năm tuổi đã khai thác nên không đủ tuổi thành thực rừng cũng như không tạo thành các rừng có gỗ lớn, kéo theo chất lượng gỗ ngày càng kém, định mức tiêu hao nguyên liệu trên 1 m³ sản phẩm tăng lên dẫn đến giá thành sản phẩm tăng theo.

- Hầu hết rừng tập trung, rừng kinh doanh trước đây đã được các đơn vị khác đầu tư như Vinachip, Bắc Trung Bộ.

- Nhu cầu thu mua nguyên liệu để sản xuất của Công ty là rất lớn, nhưng đến thời điểm hiện nay vùng nguyên liệu của Công ty phát triển chưa đáng kể...

III. Ý KIẾN ĐỀ XUẤT

Ngoài việc thu mua trực tiếp tại Công ty theo thông báo giá mà Công ty đang thực hiện, Công ty đề xuất một số vấn đề sau:

- Cần có sự tham gia quản lý, kiểm soát, quy hoạch của các cấp chính quyền địa phương đối với việc mở rộng tràn lan các nhà máy băm dăm xuất khẩu nguyên liệu thô ra nước ngoài để khuyến khích việc chế biến sâu như nhà máy MDF chúng tôi.

- Cần có sự hỗ trợ của nhà nước (chủ yếu là nguồn vốn) cho người trồng rừng để người dân giữ rừng cho đến tuổi thành thực, tạo thành các lô rừng gỗ lớn chất lượng gỗ tốt hơn, có giá trị cao hơn./.

C.TY CP GỖ MDF VRG QUẢNG TRỊ
TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM